TRẦN KHÁNH PHƯƠNG - ĐINH MAI ANH

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

SINH HỌC

TRUNG HỌC CƠ SỞ

6

(Tái bản có sửa chữa bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Sau một thời gian ngắn phát hành, tập sách ***Thiết kế bài giảng Sinh học 6*** đã được đông đảo các bạn đồng nghiệp gần xa đón nhận, sử dụng tham khảo cho các bài soạn của mình. Không những thế, nhiều bạn còn gửi thư góp ý, nhận xét mong cuốn sách hoàn thiện hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ!

Thể theo nhu cầu của bạn đọc khắp mọi miền đất nước, chúng tôi đã biên tập lại và tái bản bộ sách này.

Thiết kế bài giảng Sinh học 6 được viết theo chương trình sách giáo khoa mới ban hành năm học 2002 - 2003, theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học, nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

Về nội dung: Sách tuân theo đúng trình tự bài giảng trong sách giáo khoa ***Sinh học 6***, gồm 53 bài. Ở mỗi tiết đều chỉ rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, các công việc cần chuẩn bị của giáo viên và học sinh, các phương tiện trợ giảng cần thiết, dễ làm, nhằm đảm bảo chất lượng từng bài, từng tiết lên lớp. Cuốn sách có phần các đề thi học kì sinh học lớp 6 để giáo viên tham khảo thêm.

Về phương pháp: Sách đã cố gắng vận dụng phương pháp dạy học mới để truyền tải từng nội dung cụ thể của bài học. Ở mỗi tiết học, tác giả đưa ra nhiều hoạt động hấp dẫn, phù hợp với đặc trưng môn học như: xem tranh, quan sát vật thật hay mô hình, thảo luận, thực hành, chơi trò chơi, tham quan, ... nhằm phát huy tính tự giác của học sinh. Đặc biệt ***Thiết kế bài giảng Sinh học 6*** rất chú trọng đến khâu thực hành trong từng bài học, đồng thời còn chỉ rõ từng hoạt động cụ thể của thầy và trò trong tiến trình Dạy - Học, coi đây là hoạt động mà cả thầy và trò đều là chủ thể.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ có ích cho các thầy, cô giáo dạy môn Sinh học 6 trong việc nâng cao hiệu quả bài giảng của mình và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo cùng bạn đọc gần xa để để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

CÁC TÁC GIẢ

Bài 1 ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ SỐNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống.
- Phân biệt vật sống và vật không sống.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng tìm hiểu đời sống hoạt động của sinh vật.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Tranh vẽ thể hiện được một vài nhóm sinh vật, sử dụng hình vẽ H 2.1 tr.8 SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở đầu:** Như SGK.

Hoạt động 1

NHẬN DẠNG VẬT SỐNG VÀ VẬT KHÔNG SỐNG

♦ **Mục tiêu:** Biết nhận dạng vật sống và vật không sống qua biểu hiện bên ngoài.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS kể tên một số cây, con, đồ vật ở xung quanh rồi chọn một cây, con, đồ vật đại diện để quan sát	- HS tìm những sinh vật gần với đời sống như: cây nhãn, cây cải, cây đậu..., con gà, con lợn..., cái bàn, ghế. - Chọn đại diện: con gà, cây đậu, cái bàn.

- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm (4 người hay 2 người) theo câu hỏi. + Con gà, cây đậu cần ĐK gì để sống? + Cái bàn có cần những ĐK giống như con gà và cây đậu để tồn tại không? + Sau một thời gian chăm sóc, đối tượng nào tăng kích thước và đối tượng nào không tăng kích thước?	- Trong nhóm cử một người ghi lại những ý kiến trao đổi thống nhất của nhóm. - Yêu cầu thấy được con gà và cây đậu được chăm sóc lớn lên, còn cái bàn không thay đổi.
- GV chữa bài bằng cách gọi trả lời.	
- GV cho HS tìm thêm một số ví dụ về vật sống và vật không sống.	- Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm → nhóm khác bổ sung → chọn ý kiến đúng.
- GV yêu cầu HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** *Vật sống:* Lấy thức ăn, nước uống, lớn lên, sinh sản. *Vật không sống:* không lấy thức ăn, không lớn lên.

Hoạt động 2

ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ SỐNG

♦ **Mục tiêu:** Thấy được đặc điểm của cơ thể sống là trao đổi chất để lớn lên.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS quan sát bảng tr.6 SGK → GV giải thích tiêu đề của 2 cột 6 và 7.	- HS quan sát bảng SGK, chú ý cột 6 và 7.
- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập → GV kẻ bảng SGK vào bảng phụ.	- HS hoàn thành bảng tr.6 SGK.

- GV chữa bài → Bằng cách gọi HS trả lời → GV nhận xét.	- 1 HS lên ghi kết quả của mình vào bảng của GV → HS khác theo dõi, nhận xét → bổ sung. - HS ghi tiếp các ví dụ khác vào bảng.
- GV hỏi: Qua bảng so sánh, hãy cho biết đặc điểm của cơ thể sống?	***Kết luận:*** Đặc điểm của cơ thể sống là: - Trao đổi chất với môi trường. - Lớn lên và sinh sản. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.6 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS trả lời câu hỏi 1 và 2 (tr.6 SGK).

V. DẶN DÒ

- Học bài.
- Chuẩn bị: một số tranh ảnh về sinh vật trong tự nhiên.

Bài 2 NHIỆM VỤ CỦA SINH HỌC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được một số ví dụ để thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với các mặt lợi, hại của chúng.
- Biết được 4 nhóm sinh vật chính: động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm.
- Hiểu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học.

2. Kỹ năng

Quan sát so sánh.

3. Thái độ

Yêu thiên nhiên và môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Tranh to về quang cảnh tự nhiên có một số động vật và thực vật khác nhau. Tranh vẽ đại diện 4 nhóm sinh vật chính (hình 2.1 SGK).

II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK hay dùng tranh ảnh về nhiều loài sinh vật để vào bài.

Hoạt động 1

SINH VẬT TRONG TỰ NHIÊN

a. Sự đa dạng của thế giới sinh vật

♦ **Mục tiêu:** Giới sinh vật đa dạng, sống ở nhiều nơi và có liên quan đến đời sống con người.

♦ **Tiến hành:**

GV: Yêu cầu HS làm BT mục ∇ trang 7 SGK.	- HS: Hoàn thành bảng thống kê trang 7 SGK (ghi tiếp một số cây, con khác).
- Qua bảng thống kê, em có nhận xét gì về thế giới sinh vật? (Gợi ý: Nhận xét về nơi sống, kích thước? Vai trò đối với con người? ...)	- Nhận xét theo cột dọc, bổ sung có hoàn chỉnh phần nhận xét.
- Sự phong phú về môi trường sống, kích thước. Khả năng di chuyển của sinh vật nói lên điều gì?	- Trao đổi trong nhóm để rút ra kết luận: Sinh vật đa dạng.
b. Các nhóm sinh vật	
- Hãy quan sát lại bảng thống kê có thể chia thế giới sinh vật thành mấy nhóm?	- HS xếp loại riêng những ví dụ thuộc động vật hay thực vật.
- HS có thể khó xếp nấm vào nhóm nào, GV cho HS nghiên cứu thông tin tr.8 SGK kết hợp với quan sát hình 2.1 (tr.8 SGK).	- HS nghiên cứu độc lập nội dung trong thông tin. - Nhận xét: Sinh vật trong tự nhiên

- Thông tin đó cho em biết điều gì? - Khi phân chia sinh vật thành 4 nhóm, người ta dựa vào những đặc điểm nào? (GV gợi ý: + Động vật: di chuyển, + Thực vật: có màu xanh, + Nấm: không có màu xanh (lá), + Vi sinh vật: vô cùng nhỏ bé)).	được chia thành 4 nhóm lớn: vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật - HS khác nhắc lại kết luận này để cả lớp cùng ghi nhớ. ***Kết luận:*** Sinh vật trong tự nhiên đa dạng chia thành 4 nhóm.

Hoạt động 2

NHIỆM VỤ CỦA SINH HỌC

- tr.8 SGK. Trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ của sinh học là gì?	- HS đọc thông tin □1 → 2 lần, tóm tắt nội dung chính để trả lời câu hỏi.
- GV gọi 1→ 3 HS trả lời. - GV cho một HS đọc to nội dung *Nhiệm vụ của thực vật học* cho cả lớp nghe.	- HS nghe rồi bổ sung hay nhắc lại phần trả lời của bạn. - HS nhắc lại nội dung vừa nghe → ghi nhớ. ***Kết luận:*** - Nhiệm vụ của sinh học } - Nhiệm vụ của thực vật học } tr.8 SGK ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận trong khung tr.9 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV đưa câu hỏi:

- Thế giới sinh vật rất đa dạng được thể hiện như thế nào?
- Người ta đã phân chia sinh vật trong tự nhiên thành mấy nhóm? Hãy kể tên các nhóm?
- Cho biết nhiệm vụ của sinh học và thực vật học?

V. DẶN DÒ

- HS ôn lại kiến thức về quang hợp ở sách "Tự nhiên xã hội" ở tiểu học.
- Sưu tầm tranh ảnh về thực vật ở nhiều môi trường.

Bài 3 ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nắm được đặc điểm chung của thực vật.
- Tìm hiểu sự đa dạng phong phú của thực vật.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh. Kỹ năng hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu tự nhiên, bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh ảnh khu rừng vườn cây, sa mạc, hồ nước...
- HS: Sưu tầm tranh ảnh các loài thực vật sống trên Trái Đất. Ôn lại kiến thức về quang hợp trong sách "Tự nhiên xã hội" ở tiểu học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

SỰ PHONG PHÚ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

♦ **Mục tiêu:** Thấy được sự đa dạng và phong phú của thực vật.

♦ **Tiến hành:**

* *Hoạt động: của cá nhân* - GV yêu cầu HS quan sát tranh.	- HS quan sát hình 3.1 → 3.4 (tr.10 SGK) và các tranh ảnh mang theo.

	Chú ý: Nơi sống của thực vật Tên thực vật
* *Hoạt động: của nhóm* (4 người) - Thảo luận câu hỏi ở tr.11 SGK. - GV quan sát các nhóm có thể nhắc nhở hay gợi ý cho những nhóm có học lực yếu.	- Phân công trong nhóm: + 1 bạn đọc câu hỏi (theo thứ tự cho cả nhóm cùng nghe). + 1 bạn ghi chép nội dung trả lời của nhóm. - Thảo luận: Đưa ý kiến thống nhất của nhóm. VD: + Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất. Sa mạc ít thực vật, còn đồng bằng phong phú hơn. + Cây sống trên mặt nước rễ ngắn, thân xốp.
- GV chữa bằng cách gọi 1→3 HS đại diện cho nhóm trình bày, rồi các nhóm khác bổ sung.	- Lắng nghe phần trình bày của bạn → Bổ sung (nếu cần)
- GV yêu cầu sau khi thảo luận HS rút ra kết luận về thực vật.	***Kết luận:*** Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất. Chúng rất đa dạng và thích nghi với môi trường sống.
- GV tìm hiểu có bao nhiêu nhóm có kết quả đúng, bao nhiêu nhóm còn cần bổ sung.	- HS đọc thêm thông tin về số lượng loài thực vật trên Trái Đất và ở Việt Nam.

Hoạt động 2

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỰC VẬT

♦ **Mục tiêu:** nắm được đặc điểm chung cơ bản của thực vật.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập mục ∇ tr. 11 SGK.	- HS kẻ bảng ▼ tr.11 SGK vào vở, hoàn thành các nội dung.

- GV kẻ bảng này lên bảng. - GV chữa nhanh vì nội dung đơn giản.	- HS lên viết trên bảng của GV
- GV đưa ra một số hiện tượng yêu cầu HS nhận xét về sự hoạt động của sinh vật: + Con gà, mèo, chạy, đi. + Cây trồng vào chậu đặt ở cửa sổ, một thời gian ngọn cong về chỗ sáng.	- Nhận xét: Động vật có di chuyển còn thực vật không di chuyển và có tính hướng sáng.
→ Từ đó rút ra đặc điểm chung của thực vật.	- Từ bảng và các hiện tượng trên rút ra những đặc điểm chung của thực vật ***Kết luận:*** Thực vật có khả năng chế tạo chất dinh dưỡng, không có khả năng di chuyển. ***Kết luận chung:*** HS đọc to phần kết luận đóng khung cuối bài.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- Dùng câu hỏi 1, 2 cuối bài.
- GV gợi ý câu hỏi 3: Phải trồng thêm cây cối vì: dân số tăng, tình trạng khai thác bừa bãi hoặc dùng bài tập nhỏ như trong sách hướng dẫn.

V. DẶN DÒ

- Chuẩn bị: Tranh cây hoa hồng, hoa cải.
- Theo nhóm - mẫu: Cây dương xỉ, cây cỏ.

Bài 4 CÓ PHẢI TẤT CẢ THỰC VẬT ĐỀU CÓ HOA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- HS biết quan sát, so sánh để phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản (hoa, quả).
- Phân biệt cây một năm và cây lâu năm.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ chăm sóc thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh vẽ phóng to, hình 4.1, 4.2 SGK.
  Mẫu cây cà chua, đậu có cả hoa quả, hạt.
- HS: Sưu tầm tranh cây dương xỉ, rau bợ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

THỰC VẬT CÓ HOA VÀ THỰC VẬT KHÔNG CÓ HOA

♦ **Mục tiêu:**

- Nắm được các cơ quan của cây xanh có hoa.
- Phân biệt cây xanh có hoa và cây xanh không có hoa.

♦ **Tiến hành:**

* *Hoạt động (cá nhân)*: Tìm hiểu các cơ quan của cây cải.	- HS quan sát hình 4.1 (tr.13 SGK) đối chiếu với bảng 1 tr.13 SGK ghi nhớ kiến thức về các cơ quan của cây cải.

- Cây cải có những loại cơ quan nào? Chức năng của từng loại cơ quan đó?	- Trả lời: có hai loại cơ quan: Cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản. + HS đọc phần trả lời nối tiếp luôn câu hỏi của GV (HS khác có thể bổ sung).
- GV đưa ra câu hỏi sau	
+ Rễ, thân, lá là.........	→ Cơ quan sinh dưỡng.
+ Hoa, quả, hạt là.........	→ Cơ quan sinh sản.
+ Chức năng của cơ quan sinh sản là.....	→ Sinh sản để duy trì nòi giống.
+ Chức năng của cơ quan sinh dưỡng là...	→ Nuôi dưỡng cây.
* *Hoạt động (theo nhóm)* phân biệt thực vật có hoa và thực vật không có hoa.	- HS quan sát tranh và mẫu của nhóm chú ý cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.
- GV theo dõi hoạt động của các nhóm, có thể gợi ý hay hướng dẫn nhóm nào còn chậm...	- Kết hợp hình 4.2 (tr.14 SGK) rồi hoàn thành bảng 2 (tr.13 SGK).
- GV chữa bảng 2 bằng cách gọi 1→3 nhóm trình bày.	
- GV lưu ý cho HS cây dương xỉ không có hoa nhưng có cơ quan sinh sản đặc biệt.	
- GV nêu câu hỏi: Dựa vào đặc điểm có hoa của thực vật thì có thể chia thực vật thành mấy nhóm?	- Đại diện của nhóm trình bày ý kiến của mình cùng với giới thiệu mẫu đã phân chia ở trên. - Các nhóm khác có thể bổ sung, đưa ra ý kiến khác để trao đổi. ***Kết luận:*** Thực vật có 2 nhóm: Thực vật có hoa và thực vật không có hoa.

- GV cho HS đọc mục ⇒ Cho biết thế nào là thực vật có hoa và không có hoa. - GV chữa nhanh bằng cách đọc kết quả đúng để HS giơ tay→ tìm hiểu được số lượng HS đã nắm được bài. - GV dự kiến một số thắc mắc của HS khi phân biệt cây: như cây thông có quả hạt, hoa hồng, hoa cúc không có quả, cây su hào, bắp cải không có hoa...	- Dựa vào thông tin trả lời cách phân biệt thực vật có hoa với thực vật không có hoa. - HS làm nhanh bài tập ∇ SGK tr.14.

Hoạt động 2

CÂY MỘT NĂM VÀ CÂY LÂU NĂM

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được cây một năm và cây lâu năm.

♦ **Tiến hành:**

- GV viết lên bảng một số cây như: + Cây lúa, ngô, mướp → gọi là cây một năm. + Cây hồng xiêm, mít, vải→gọi là cây lâu năm.	- HS thảo luận theo nhóm→ghi lại nội dung ra giấy. Có thể là: Lúa sống ít thời gian, thu hoạch cả cây. Hồng xiêm cây to, cho nhiều quả.....
- GV đặt câu hỏi: Tại sao người ta lại nói như vậy?	
- GV hướng cho HS chú ý tới việc các thực vật đó ra hoa kết quả bao nhiêu lần trong vòng đời. - Sau khi thảo luận em hãy phân biệt cây một năm và cây lâu năm→ rút ra kết luận.	- HS thảo luận theo hướng cây đó ra quả bao nhiêu lần trong đời → để phân biệt cây một năm và cây lâu năm. ***Kết luận:*** + Cây một năm ra hoa kết quả một lần trong vòng đời.

- GV cho HS kể thêm một số cây loại một năm và lâu năm.	+ Cây lâu năm ra hoa kết quả nhiều lần trong vòng đời. ***Kết luận chung:*** HS đọc phần kết luận cuối bài (tr.15 SGK).

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK tr. 15 hoặc làm bài tập như sách hướng dẫn (chú ý có bao nhiêu HS trả lời đúng câu hỏi).
- Gợi ý câu hỏi 3*.

V. DẶN DÒ

- Làm bài tập cuối bài.
- Đọc mục "Em có biết".
- Chuẩn bị một số rêu tường.

Chương I

TẾ BÀO THỰC VẬT

Bài 5

KÍNH LÚP, KÍNH HIỂN VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nhận biết được các bộ phận của kính lúp và kính hiển vi.
- Biết cách sử dụng kính lúp, các bước sử dụng kính hiển vi.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng thực hành.

3. Thái độ

Có ý thức giữ gìn bảo vệ kính lúp và kính hiển vi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Kính lúp cầm tay.
Kính hiển vi.
Mẫu: một vài bông hoa, rễ nhỏ.

- HS: Một đám rêu, rễ hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

KÍNH LÚP VÀ CÁCH SỬ DỤNG

♦ **Mục tiêu:** Biết sử dụng kính lúp cầm tay.

♦ **Tiến hành:**

+ *Vấn đề 1*: Tìm hiểu cấu tạo kính lúp.	
- GV: Yêu cầu HS đọc thông tin tr.17 SGK ⇒ cho biết kính lúp có cấu tạo như thế nào?	- Đọc thông tin, nắm bắt, ghi nhớ cấu tạo. ***Kết luận:*** Kính lúp gồm hai phần: Tay cầm bằng kim loại và tấm kính trong lồi 2 mặt.
+ *Vấn đề 2:* Cách sử dụng kính lúp cầm tay.	- HS cầm lúp đối chiếu các phần như đã ghi trên.
- HS đọc nội dung hướng dẫn tr.17 SGK + quan sát hình 5.2 (tr.17 SGK).	- Trình bày lại cách sử dụng kính lúp cho cả lớp cùng nghe.
+ *Vấn đề 3:* Tập quan sát mẫu bằng kính lúp. - GV: Quan sát kiểm tra tư thế đặt kính lúp của HS và cuối cùng kiểm tra hình vẽ lá rêu.	- HS quan sát một cây rêu bằng cách tách riêng một cây đặt lên giấy → vẽ lại hình lá rêu đã quan sát được trên giấy.

Hoạt động 2

KÍNH HIỂN VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG

♦ **Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo và cách sử dụng kính hiển vi.

♦ **Tiến hành:**

+ *Vấn đề 1:* Tìm hiểu cấu tạo kính hiển vi.	- Đặt kính trước bàn trong nhóm cử 1 người đọc tr.18 SGK phần cấu tạo kính.
- GV yêu cầu hoạt động nhóm vì mỗi nhóm (1 bàn) có 1 chiếc kính (nếu không có điều kiện thì dùng 1 chiếc kính chung).	- Cả nhóm nghe đọc kết hợp với hình 5.3 tr.18 SGK để xác định các bộ phận của kính.

- GV kiểm tra bằng cách gọi đại diện của 1 → 2 nhóm lên trước lớp trình bày.	- Trong nhóm nhắc lại 1 → 2 lần để cả nhóm cùng nắm đầy đủ cấu tạo của kính. - Các nhóm còn lại chú ý nghe rồi bổ sung (nếu cần). ***Kết luận:*** Kính hiển vi có 3 phần chính: - Chân kính. - Thân kính. - Bàn kính.
- GV hỏi: Bộ phận nào của kính hiển vi là quan trọng nhất vì sao? → GV nhấn mạnh: đó là thấu kính vì có ống kính để phóng to được các vật. + *Vấn đề 2*: Cách sử dụng kính hiển vi:	- HS có thể trả lời những bộ phận riêng lẻ như ốc điều chỉnh hay ống kính, gương...
- GV làm thao tác cách sử dụng kính để cả lớp cùng theo dõi từng bước. - Nếu có điều kiện GV có thể phát cho mỗi nhóm một tiêu bản mẫu để tập quan sát.	- Đọc mục SGK 19 nắm được các bước sử dụng kính. - HS cố gắng thao tác đúng các bước để có thể nhìn thấy mẫu (hoặc không thấy mẫu cũng không sao). ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận của bài tr.19 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- Gọi 1→ 2 HS lên trình bày lại cấu tạo của kính lúp và kính hiển vi.
- Nhận xét cho điểm nhóm nào học tốt trong giờ.

V. DẶN DÒ

- Đọc mục "Em có biết".
- Học bài.
- Chuẩn bị mỗi nhóm mang một củ hành tây, một quả cà chua chín.

Bài 6 QUAN SÁT TẾ BÀO THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS phải tự làm được một tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).

2. Kỹ năng

- Có kỹ năng sử dụng kính hiển vi.
- Tập vẽ hình đã quan sát được trên kính hiển vi.

3. Thái độ

- Bảo vệ, giữ gìn dụng cụ.
- Trung thực, chỉ vẽ những hình quan sát được.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Chuẩn bị:

- Biểu bì vẩy hành và thịt quả cà chua chín.
- Tranh phóng to củ hành và tế bào vẩy hành, quả cà chua chín và tế bào thịt cà chua.
- Kính hiển vi.

HS: Học lại bài kính hiển vi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Yêu cầu của bài thực hành:

- GV kiểm tra:
  + Phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công.
  + Các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1 → 2 HS trình bày).
- GV yêu cầu:
  + Làm được tiêu bản tế bào cà chua hoặc vẩy hành.

+ Vẽ lại hình khi quan sát được.

+ Các nhóm không nói to, không được đi lại lộn xộn.

- GV phát dụng cụ:
  Nếu có ĐK thì mỗi nhóm (4 người) một bộ gồm kính hiển vi, một khay đựng dụng cụ như kim mũi mác, dao, lọ nước ống nhỏ nước, giấy thấm, lam kính...
- GV phân công: Một số nhóm làm tiêu bản tế bào vảy hành, một số nhóm làm tiêu bản tế bào thịt cà chua.

1. Quan sát tế bào dưới kính hiển vi

♦ **Mục tiêu:** Quan sát được 2 loại tế bào biểu bì vảy hành và tế bào thịt quả cà chua tr.21-22 SGK.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu các nhóm (đã được phân công) đọc cách tiến hành lấy mẫu và quan sát mẫu trên kính. - GV làm mẫu tiêu bản đó để HS cùng quan sát. - GV đi tới các nhóm để giúp đỡ, nhắc nhở, giải đáp thắc mắc của HS.	- HS quan sát hình 6.1 (tr. 21 SGK). - Đọc và nhắc lại các thao tác. - Chọn một người chuẩn bị kính, còn lại chuẩn bị tiêu bản như hướng dẫn của GV. - Tiến hành làm chú ý: ở tế bào vảy hành cần lấy một lớp thật mỏng trải phẳng không bị gập, ở tế bào thịt quả cà chua chỉ quệt một lớp mỏng. - Sau khi đã quan sát được cố gắng vẽ thật giống mẫu.

2. Vẽ hình đã quan sát được dưới kính

- GV treo tranh phóng to giới thiệu: + Củ hành và tế bào biểu bì vảy hành.	- HS quan sát tranh đối chiếu với hình vẽ của nhóm mình, phân biệt vách ngăn tế bào.

+ Quả cà chua và tế bào thịt quả cà chua. - GV hướng dẫn HS cách vừa quan sát vừa vẽ hình. - Nếu còn thời gian, GV cho HS đổi tiêu bản của nhóm này cho nhóm khác để có thể quan sát được cả 2 tiêu bản.	- HS vẽ hình vào vở.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS tự nhận xét trong nhóm về thao tác làm tiêu bản, sử dụng kính, kết quả.
- GV đánh giá chung buổi thực hành (về ý thức, kết quả).
  Cho điểm các nhóm làm tốt, nhắc nhở nhóm chưa tích cực.
  Phần cuối: - Lau kính xếp lại vào hộp.
  - Vệ sinh lớp học.

V. DẶN DÒ

- Trả lời câu hỏi 1,2 (tr.27 SGK).
- Sưu tầm tranh ảnh về hình dạng các tế bào thực vật.

Bài 7 CẤU TẠO TẾ BÀO THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS xác định được:

- Các cơ quan của thực vật đều được cấu tạo bằng tế bào.

- Những thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.
- Khái niệm về mô.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát hình vẽ.
- Nhận biết kiến thức.

3. Thái độ

Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 7.1 - 7.2 - 7.3 - 7.4 - 7.5 SGK.
- HS: Sưu tầm tranh ảnh về tế bào thực vật.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV cho HS nhắc lại đặc điểm của tế bào biểu bì vảy hành đã quan sát được hôm trước. GV có thể đặt câu hỏi: Có phải tất cả các cơ quan của thực vật đều có cấu tạo giống vảy hành không?

Hoạt động 1

HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC CỦA TẾ BÀO

♦ **Mục tiêu:** Nắm được cơ thể thực vật được cấu tạo bằng tế bào. Tế bào có nhiều hình dạng.

♦ **Tiến hành:**

+ *Vấn đề 1:* Tìm hiểu hình dạng của tế bào.	
- GV yêu cầu hoạt động cá nhân: HS nghiên cứu mục 1 SGK để trả lời câu hỏi: Tìm điểm giống nhau cơ bản trong cấu tạo rễ, thân, lá?	- HS quan sát hình 7.1- 7.2- 7.3 tr.23 SGK → trả lời câu hỏi. - HS thấy được điểm giống nhau đó là cấu tạo bằng nhiều tế bào.

- GV lưu ý: có thể HS nói là có nhiều ô nhỏ. GV chỉnh mỗi ô nhỏ đó là 1 tế bào.	
- GV cho HS quan sát lại hình SGK + Tranh hình dạng của tế bào ở 1 số cây khác nhau→ Nhận xét về hình dạng của tế bào.	- HS quan sát tranh đưa ra nhận xét: tế bào có nhiều hình dạng.
- Yêu cầu HS quan sát kỹ hình 7.1 tr.13 SGK và cho biết: Trong cùng một cơ quan, tế bào có giống nhau không?	
+ *Vấn đề 2:* Tìm hiểu kích thước tế bào.	
- GV yêu cầu: HS nghiên cứu SGK.	- HS đọc thông tin và xem bảng kích thước tế bào ở tr.24 SGK → tự rút ra nhận xét. - HS trình bày → bổ sung cho đầy đủ.
- GV nhận xét ý kiến của HS → Yêu cầu HS rút ra nhận xét về kích thước tế bào.	- Kích thước của tế bào khác nhau.
- GV thông báo thêm số tế bào có kích thước nhỏ (mô phân sinh ngọn), tế bào sợi gai dài...	
- GV yêu cầu HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Cơ thể thực vật được cấu tạo bằng tế bào. Các tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau.

Hoạt động 2

CẤU TẠO TẾ BÀO

- **Mục tiêu:** Nắm được 4 thành phần chính của tế bào: Vách tế bào, màng tế bào, chất tế bào, nhân.
- **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nghiên cứu độc lập nội dung tr.24 SGK.	- HS đọc thông tin tr.24 SGK. Kết hợp quan sát hình 7.4 tr.24 SGK.
- GV treo tranh câm: Sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật.	- Xác định được các bộ phận của tế bào rồi ghi nhớ.
- Gọi HS lên chỉ các bộ phận của tế bào trên tranh. - GV nhận xét, có thể cho điểm. GV mở rộng: Chú ý lục lạp trong chất tế bào có chứa diệp lục làm cho hầu hết cây có màu xanh và góp phần vào quá trình quang hợp.	- 1 → 3 HS lên chỉ ra tranh và nêu chức năng từng bộ phận → HS khác nghe rồi bổ sung (nếu cần).
- GV tóm tắt, rút ra kết luận để HS ghi nhớ thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.	***Kết luận:*** Tế bào gồm: + Vách tế bào. + Màng sinh chất. + Chất tế bào. + Nhân. + Ngoài ra còn có không bào.

Hoạt động 3

MÔ

- GV treo tranh các loại mô, yêu cầu HS quan sát và đưa câu hỏi: nhận xét cấu tạo hình dạng các tế bào của cùng một loại mô, của các loại mô khác nhau?	- HS quan sát tranh, trao đổi nhanh trong nhóm, đưa ra nhận xét ngắn gọn.
- Rút ra định nghĩa mô.	- 1 → 2 HS trình bày → nhóm khác bổ sung (nếu cần).

- GV bổ sung thêm vào kết luận của HS: chức năng của các tế bào trong một mô, nhất là mô phân sinh làm cho các cơ quan của thực vật lớn lên.	***Kết luận:*** Mô gồm một nhóm tế bào có hình dạng cấu tạo giống nhau, cùng thực hiện một chức năng. ***Kết luận chung:*** HS đọc phần kết luận chung tr.25 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 cuối bài.
- HS giải ô chữ nhanh, đúng, GV cho điểm.

V. DẶN DÒ

- Đọc mục "Em có biết".
- Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh (lớp dưới).

Bài 8 SỰ LỚN LÊN VÀ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS trả lời được câu hỏi: Tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia như thế nào?
- HS hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào; ở thực vật chỉ có những tế bào mô phân sinh mới có khả năng phân chia.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát hình vẽ tìm tòi kiến thức.

3. Thái độ

Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 8.1, hình 8.2 tr. 27 SGK.
- HS: Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

TÌM HIỂU SỰ LỚN LÊN CỦA TẾ BÀO

♦ **Mục tiêu:** Thấy được tế bào lớn lên nhờ trao đổi chất.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS: + Hoạt động theo nhóm. + Nghiên cứu SGK. + Trả lời 2 câu hỏi mục tr.27 SGK.	- HS đọc thông tin mục kết hợp quan sát hình 8.1 SGK tr.27. - Trao đổi thảo luận→ ghi lại ý kiến sau khi đã thống nhất ra giấy. - Có thể HS chỉ thấy rõ: tăng kích thước.
- GV gợi ý: + Tế bào trưởng thành là tế bào không lớn thêm được nữa và có khả năng sinh sản. + Trên hình 8.1 khi tế bào lớn, phát hiện bộ phận nào tăng kích thước nhiều lên. + Màu vàng chỉ không bào.	- Từ gợi ý của GV HS phải thấy được vách tế bào lớn lên, chất tế bào nhiều lên, không bào to ra.
- GV: Từ những ý kiến HS đã thảo luận trong nhóm yêu cầu HS trả lời tóm tắt 2 câu hỏi trên → Gọi bổ sung → Rút ra kết luận..	- Đại diện của 1→ 2 nhóm trình bày→ nhóm khác bổ sung cho hoàn chỉnh phần trả lời. ***Kết luận:*** Tế bào non có kích thước nhỏ, lớn dần thành tế bào trưởng thành nhờ quá trình trao đổi chất.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU SỰ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO

♦ **Mục tiêu:** Nắm được quá trình phân chia của tế bào, tế bào mô phân sinh mới phân chia.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK theo nhóm. - GV viết sơ đồ trình bày mối quan hệ giữa sự lớn lên và phân chia của tế bào.	- HS đọc thông tin mục tr.28 SGK kết hợp quan sát hình vẽ 8.2 tr.28 SGK → Nắm được quá trình phân chia của tế bào.
- Tế bào non $\xrightarrow{\text{lớn dần}}$ TB trưởng thành $\xrightarrow{\text{phân chia}}$ Tế bào non mới.	- HS theo dõi sơ đồ trên bảng và phần trình bày của GV.
- GV: Yêu cầu thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi ở mục ∇. - GV gợi ý sự lớn lên của các cơ quan của thực vật do hai quá trình: + Phân chia tế bào. + Sự lớn lên của tế bào.	- HS thảo luận ghi vào giấy. + Quá trình phân chia: tr.28 SGK. + Tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia. + Các cơ quan của thực vật lớn lên nhờ tế bào phân chia.
- Đây là quá trình sinh lý phức tạp ở thực vật nên GV có thể tổng kết toàn bộ nội dung theo 3 câu hỏi thảo luận của HS để cả lớp cùng hiểu rõ.	- Đại diện các nhóm trình bày ý kiến, 1→2 nhóm bổ sung, nhắc lại nội dung.
- GV đưa ra câu hỏi: Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?	- HS phải nêu được: Sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp thực vật lớn lên (sinh trưởng và phát triển). ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời 2 câu hỏi tr. 28 SGK.
- GV có thể cho HS làm bài tập sau: Hãy đánh dấu × vào ô trống ở câu trả lời đúng nhất.

  Bài tập 1:

  Các tế bào ở mô nào có khả năng phân chia trong các mô sau:

  a. Mô che chở;

  b. Mô nâng đỡ;

  c. Mô phân sinh.

  Đáp án: c.

  Bài tập 2:

  Trong các tế bào sau đây, tế bào nào có khả năng phân chia:

  a. Tế bào non;

  b. Tế bào trưởng thành;

  c. Tế bào già.

  Đáp án: b.

- GV cho điểm HS có câu trả lời đúng và nhanh.

  Hay GV cho HS chọn từ điền vào chỗ chấm trong câu sau (Các từ: hai nhân, phân chia, ngăn đôi) "Quá trình phân bào: Đầu tiên hình thành....... sau đó chất tế bào.........., vách tế bào hình thành............tế bào cũ thành....... tế bào con".

V. DẶN DÒ

HS chuẩn bị một số cây có rễ rửa sạch như: cây rau cải, cây cam, cây nhãn, cây rau dền, cây hành, cỏ dại.

Chương II
RỄ

Bài 9 CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nhận biết và phân biệt được hai loại rễ chính: rễ cọc và rễ chùm.
- Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.

2. Kỹ năng

Quan sát, so sánh kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Một số cây có rễ: cây rau cải, cây nhãn, câu rau dền, cây hành...
- Tranh phóng to hình 9.1, 9.2, 9.3 (tr.29 SGK).
- Miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ, các chức năng của rễ, phiếu học tập mẫu.
- HS chuẩn bị cây có rễ: cây rau cải, cây nhãn, cây hành, cỏ dại, đậu...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1
CÁC LOẠI RỄ

+ *Vấn đề 1:* Tìm hiểu các loại rễ và phân loại rễ.
GV yêu cầu HS kẻ phiếu học tập vào vở hoạt động theo nhóm.

Phiếu mẫu

BT	*Nhóm*	*A*	*B*
1	Tên cây:		
2	Đặc điểm chung của rễ:		
3	Đặt tên rễ:		

- GV yêu cầu HS chia rễ cây thành 2 nhóm, hoàn thành bài tập 1 trong phiếu.	- HS đặt tất cả cây có rễ của nhóm lên bàn.
- GV lưu ý giúp đỡ nhóm HS học lực trung bình và yếu.	- Kiểm tra quan sát thật kỹ tìm những rễ giống nhau đặt vào một nhóm.
- GV hướng dẫn ghi phiếu học tập (chưa chữa bài tập 1).	- Trao đổi → thống nhất tên cây ghi phiếu học tập ở bài tập 1.
- GV tiếp tục yêu cầu HS làm bài tập 2. Đồng thời GV treo tranh câm hình 9.1 (tr.29 SGK) để HS quan sát. - GV chữa bài tập 2; sau khi nghe phần phát biểu và bổ sung của các nhóm, GV sẽ chọn một nhóm hoàn chỉnh nhất để nhắc lại cho cả lớp cùng nghe.	Bài tập ∇: HS quan sát kỹ rễ của các cây ở nhóm A chú ý kích thước các rễ, cách mọc trong đất, kết hợp với tranh (có một rễ to, nhiều rễ nhỏ) ⇒ ghi lại vào phiếu, tương tự như thế với rễ cây nhóm B.
- GV cho các nhóm đối chiếu các đặc điểm của rễ với tên cây trong nhóm A, B của bài tập 1 đã phù hợp chưa, nếu chưa thì chuyển các cây của nhóm cho đúng.	- 2 nhóm trình bày → nhóm khác nghe và nhận xét bổ sung. - HS đối chiếu với kết quả đúng để sửa chữa nếu cần.
- GV gợi ý bài tập 3 dựa vào đặc điểm rễ có thể gọi tên rễ. - Nếu HS gọi nhóm A là rễ thẳng thì GV có thể chỉnh lại là rễ cọc.	- HS làm bài tập 3 → từng nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét → thống nhất tên của rễ cây ở 2 nhóm là Rễ cọc và Rễ chùm.
- GV hỏi: Đặc điểm của rễ cọc và rễ chùm?	- HS nhìn vào phiếu đã chữa của nhóm đọc to cho cả lớp cùng nghe.

- GV yêu cầu làm nhanh BT V số 2 tr.29 SGK.	- HS chọn nhanh vài 1 → 2 em trả lời → nhóm khác có thể bổ sung.
+ *Vấn đề 2:* Nhận biết các loại rễ cọc và rễ chùm qua tranh, mẫu...	
- GV cho HS cả lớp xem rễ cây rau dền và cây nhãn → hoàn thành 2 câu hỏi.	- HS hoạt động cá nhân: Quan sát rễ cây của GV kết hợp với hình 9.2 tr.30 SGK → hoàn thành 2 câu hỏi ở dưới hình.
- GV cho HS theo dõi Phiếu chuẩn kiến thức → sửa chỗ sai.	- HS tự đánh giá câu trả lời của mình. Quan sát phiếu chuẩn kiến thức để sửa chữa (nếu cần).

Phiếu chuẩn kiến thức

BT	*Nhóm*	*A*	*B*
1	- Tên cây:	- Cây rau cải, cây mít, cây đậu.	- Cây hành, cỏ dại, ngô.
2	- Đặc điểm chung của rễ:	- Có một rễ cái to khoẻ đâm thẳng, nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ nhỏ hơn.	- Gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc tỏa từ gốc thân thành chùm.
3	- Đặt tên rễ:	- Rễ cọc.	- Rễ chùm.

- GV có thể cho điểm nhóm nào học tốt hay nhóm trung bình có tiến bộ để khuyến khích.	***Kết luận:*** Đã có trong phiếu học tập của HS.

Hoạt động 2

CÁC MIỀN CỦA RỄ

- GV: Cho HS tự nghiên cứu tr.30 SGK.	- HS làm việc độc lập: Đọc nội dung trong khung kết hợp với quan sát tranh và chú thích → ghi nhớ.

+ *Vấn đề 1:* Xác định các miền của rễ.	
- GV treo tranh câm các miền của rễ đặt các miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ trên bàn → HS chọn và gắn vào tranh.	- 1 HS lên bảng dùng các miếng bìa viết sẵn gắn lên tranh câm → xác định được các miền. - HS khác theo dõi → nhận xét, sửa lỗi (nếu có)
- GV hỏi rễ có mấy miền? kể tên.	- HS trả lời câu hỏi → cả lớp ghi nhớ 4 miền của rễ.
+ *Vấn đề 2:* Tìm hiểu chức năng các miền của rễ.	
- GV hỏi: Chức năng chính của các miền của rễ?	- Tương tự 1 HS lên gắn các miếng bìa viết sẵn chức năng vào các miền cho phù hợp. - HS theo dõi, nhận xét. - HS trả lời câu hỏi của GV về chức năng các miền của rễ. ***Kết luận:*** Rễ có 4 miền chính. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.31 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV kiểm tra theo như sách hướng dẫn
- GV cho HS kể tên 10 cây có rễ cọc, 10 cây có rễ chùm.
- GV có thể kiểm tra như sau:
  Đánh dấu (×) vào ô trống cho câu trả lời đúng.
  Trong các miền sau đây của rễ miền nào có chức năng dẫn truyền?

a. Miền trưởng thành b. Miền hút c. Miền sinh trưởng d. Miền chóp rễ.	Đáp án: câu a.

V. DẶN DÒ

- Đọc mục "Em có biết".
- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2 tr.31 SGK.

Bài 10 CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS hiểu được cấu tạo và chức năng các bộ phận miền hút của rễ.
- Bằng quan sát nhận xét thấy được đặc điểm cấu tạo của các bộ phận phù hợp với chức năng của chúng.
- Biết sử dụng kiến thức đã học giải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến rễ cây.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát tranh, mẫu.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ cây.

II. CÁC THIẾT BỊ TÀI LIỆU CẦN THIẾT

- GV: Tranh phóng to hình 10.1, 10.2, 7.4 SGK, phóng to bảng cấu tạo chức năng miền hút, các miếng bìa ghi sẵn.
- HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo, chức năng các miền của rễ, lông hút, biểu bì, thịt vỏ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV cho HS nhắc lại cấu tạo và chức năng các miền của rễ. Tại sao miền hút quan trọng nhất?

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ

♦ **Mục tiêu:** Thấy cấu tạo miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

♦ **Tiến hành:**

- GV: Treo tranh phóng to hình 10.1 và 10.2 SGK giới thiệu.

+ Lát cắt ngang qua miền hút và tế bào lông hút.

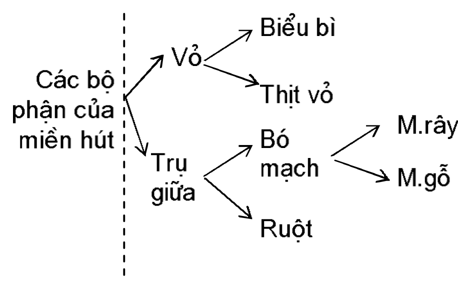
+ Miền hút gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa (chỉ giới hạn các phần trên tranh).

- HS theo dõi tranh trên bảng ghi nhớ được 2 phần của miền hút: vỏ và trụ giữa.
- HS xem chú thích của hình 10.1 tr.32 SGK → ghi ra giấy các bộ phận của phần vỏ và trụ giữa.

- GV kiểm tra bằng cách gọi HS nhắc lại.
- GV ghi sơ đồ lên bảng → cho HS điền tiếp các bộ phận.

Các bộ phận của miền hút:

- 1 → 2 HS nhắc lại cấu tạo của phần vỏ và trụ giữa. HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS lên bảng điền nốt vào sơ đồ của GV → HS khác bổ sung.



- GV cho HS nghiên cứu tr.32 SGK.

- HS đọc nội dung ở cột 2 của bảng "Cấu tạo và chức năng của miền hút". Ghi nhớ nội dung chi tiết cấu tạo của biểu bì, thịt vỏ, mạch rây, mạch gỗ, ruột.

- GV: Yêu cầu HS quan sát lại hình 10.2 trên bảng, trao đổi và trả lời câu hỏi:

- 1 HS đọc lại nội dung trên để cả lớp cùng nghe.

+ Vì sao mỗi lông hút là một tế bào?
- GV nhận xét và cho điểm HS trả lời đúng.

- HS chú ý cấu tạo của lông hút có vách tế bào, màng tế bào... để trả lời lông hút là tế bào.

Kết luận: Miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CHỨC NĂNG CỦA MIỀN HÚT

♦ **Mục tiêu:** HS thấy được từng bộ phận của miền hút phù hợp với chức năng.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS nghiên cứu tr.32 SGK - Bảng "Cấu tạo và chức năng của miền hút", quan sát hình 7.4.	- HS đọc cột 3 trong bảng kết hợp với hình vẽ 10.1 và cột 2 → ghi nhớ nội dung.
- Cho HS thảo luận theo 3 vấn đề:	- Thảo luận đưa ra được ý kiến:
+ Cấu tạo miền hút phù hợp với chức năng thể hiện như thế nào?	+ Phù hợp cấu tạo chức năng: biểu bì: Các tế bào xếp sát Bảo vệ, lông hút: Là tế bào biểu bì kéo dài...
+ Lông hút có tồn tại mãi không?	+ Lông hút không tồn tại mãi, già sẽ rụng.
+ Tìm sự giống nhau và khác nhau giữa tế bào thực vật với tế bào lông hút?	+ Tế bào lông hút không có diệp lục.
- GV gợi ý: Tế bào lông hút có không bào lớn, kéo dài để tìm nguồn thức ăn.	- Đại diện của 1 → 2 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét → bổ sung.
- GV nghe, nhận xét phần trả lời của nhóm → cho điểm nhóm nào trả lời đúng, động viên nhóm khác cố gắng.	
- GV đưa câu hỏi: Trên thực tế bộ rễ thường ăn sâu, lan rộng, nhiều rễ con, hãy giải thích?	- HS dựa vào cấu tạo miền hút, chức năng của lông hút trả lời.
- GV củng cố bài bằng cách như sách hướng dẫn.	***Kết luận:*** Như cột 3 trong bảng "Cấu tạo và chức năng miền hút". - HS đọc phần kết luận tr.33 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

HS trả lời câu hỏi 2, 3 tr.33 SGK, hoặc chọn câu trả lời đúng như sách hướng dẫn.

V. DẶN DÒ

- Đọc mục "Em có biết".
- Chuẩn bị bài tập cho bài sau.

Bài 11

SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS biết quan sát nghiên cứu kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và một số loại muối khoáng chính đối với cây.
- Xác định được con đường rễ cây hút nước và muối khoáng hòa tan.
- Hiểu được nhu cầu nước và muối khoáng của cây phụ thuộc vào những điều kiện nào?
- Tập thiết kế thí nghiệm đơn giản nhằm chứng minh cho mục đích nghiên cứu của SGK đề ra.

2. Kỹ năng

- Thao tác, bước tiến hành TN.
- Biết vận dụng kiến thức đã học để bước đầu giải thích một số hiện tượng trong thiên nhiên.

3. Thái độ

Yêu thích môn học.

II. CÁC THIẾT BỊ, TÀI LIỆU CẦN THIẾT

- GV: Tranh hình 11.1, 11.2 SGK.
- HS: Kết quả của các mẫu thí nghiệm ở nhà.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

I. Cây cần nước và các loại muối khoáng

Hoạt động 1

TÌM HIỂU NHU CẦU NƯỚC CỦA CÂY

♦ **Mục tiêu:** Thấy được nước rất cần cho cây nhưng tùy từng loại cây và giai đoạn phát triển.

♦ **Tiến hành:**

+ *Thí nghiệm 1*	(HS hoạt động nhóm)
- GV cho HS nghiên cứu SGK.	- Từng cá nhân trong nhóm đọc thí nghiệm SGK chú ý tới: điều kiện thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm.
- Thảo luận theo 2 câu hỏi mục ∇ thứ nhất. - GV bao quát lớp, nhắc nhở các nhóm, hướng dẫn động viên nhóm HS yếu.	- Thảo luận nhóm → thống nhất ý kiến → ghi lại nội dung cần đạt được: Đó là cây cần nước như thế nào và dự đoán cây chậu B sẽ héo dần vì thiếu nước.
- Sau khi HS đã trình bày kết quả → GV thông báo kết quả đúng để cả lớp nghe và bổ sung kết quả của nhóm nếu cần.	- Đại diện của 1 → 2 nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.
+ *Thí nghiệm 2*	
- GV: cho các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm cân rau quả ở nhà.	- Các nhóm báo cáo → đưa ra nhận xét chung về khối lượng rau quả sau khi phơi khô là bị giảm.

- GV cho HS nghiên cứu SGK.	- HS đọc mục tr.35 SGK → thảo luận theo 2 câu hỏi ở mục ∇ thứ 2 tr.35 SGK → Đưa ý kiến thống nhất.
- GV lưu ý khi HS kể tên cây cần nhiều nước và ít nước tránh nhầm cây ở nước cần nhiều nước, cây ở cạn cần ít nước.	- HS đưa được ý kiến: Nước cần cho cây, từng loại cây, từng giai đoạn cây cần lượng nước khác nhau. - HS trình bày ý kiến → nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- Yêu cầu HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Như mục tr.35 SGK.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU NHU CẦU MUỐI KHOÁNG CỦA CÂY

♦ **Mục tiêu:** HS thấy được cây rất cần 3 loại muối khoáng chính: đạm, lân, kali.

♦ **Tiến hành:**

+ *Thí nghiệm 3*	
- GV treo tranh hình 11.1, cho HS đọc thí nghiệm 3 tr.35 SGK. - GV hướng dẫn HS thiết kế thí nghiệm theo nhóm. Thí nghiệm gồm các bước:	- HS đọc SGK kết hợp quan sát tranh và bảng số liệu ở tr.36 SGK → trả lời câu hỏi sau thí nghiệm 3.
+ Mục đích thí nghiệm; + Đối tượng thí nghiệm; + Tiến hành: Điều kiện và kết quả.	- Mục đích thí nghiệm: xem nhu cầu muối đạm của cây.
- GV nhận xét bổ sung cho các nhóm vì đây là TN đầu tiên các em tập thiết kế.	- HS trong nhóm sẽ thiết kế thí nghiệm của mình theo hướng dẫn của GV. - 1 → 2 nhóm trình bày thí nghiệm.
- GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi mục ∇.	- HS đọc mục SGK trả lời câu hỏi ghi vào vở.

- GV nhận xét → cho điểm HS có câu trả lời đúng.	- Một vài HS đọc câu trả lời. ***Kết luận:*** Rễ cây chỉ hấp thụ muối khoáng hoà tan trong đất. Cây cần 3 loại muối khoáng chính là: đạm, lân, ka li. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.36 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

HS trả lời 3 câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

Đọc mục "Em có biết". Xem lại bài "Cấu tạo miền hút của rễ".

Bài 11

SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ *(Tiếp theo)*

♦ **Mở bài:** GV cho HS nhắc lại phần kết luận cuối bài của tiết 1 rồi vào bài mới.

II. SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG RỄ CÂY HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG

♦ **Mục tiêu:** Thấy được rễ cây hút nước và muối khoáng nhờ lông hút.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS nghiên cứu SGK → làm bài tập mục ∇ tr.37 SGK.	- HS quan sát kỹ hình 11.2 SGK chú ý đường đi của mũi tên màu vàng và đọc phần chú thích.

- GV viết nhanh 2 bài tập lên bảng + treo tranh phóng to hình 11.2 SGK.	- HS chọn từ điền vào chỗ trống sau đó đọc lại cả câu xem đã phù hợp chưa.
- Sau khi HS đã điền và nhận xét → GV hoàn thiện để HS nào chưa đúng thì sửa (chú ý đối tượng học yếu). - Gọi HS đọc bài tập đã chữa đúng trên bảng. - GV củng cố bằng cách chỉ lại trên tranh để HS theo dõi.	- 1 HS lên chữa bài tập trên bảng → cả lớp theo dõi để nhận xét.
- GV cho HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi: + Bộ phận nào của rễ chủ yếu làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng hoà tan? + Tại sao sự hút nước và muối khoáng của rễ không thể tách rời nhau?	- HS đọc mục SGK. Kết hợp với bài tập trước trả lời được 2 ý: + Lông hút là bộ phận chủ yếu của rễ hút nước và muối khoáng hoà tan. + Vì rễ cây chỉ hút được muối khoáng hoà tan
- GV có thể gọi đối tượng HS trung bình trước, nếu trả lời được, GV khen cho điểm.	***Kết luận:*** Rễ cây hút nước và muối khoáng hoà tan nhờ lông hút.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU NHỮNG ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA CÂY

- ♦ **Mục tiêu:** Biết được các điều kiện như: đất, khí hậu, thời tiết ảnh hưởng đến sự hút muối khoáng.
- ♦ **Tiến hành:**

- GV thông báo những điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây: đất trồng, thời tiết, khí hậu...	

a- Các loại đất trồng khác nhau	
- Yêu cầu HS nghiên cứu SGK → trả lời câu hỏi: Đất trồng đã ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng như thế nào? Ví dụ cụ thể?	- HS đọc mục tr.38 SGK, trả lời câu hỏi của GV có 3 loại đất: + Đất đá ong: nước và muối khoáng trong đất ít → sự hút của rễ khó khăn. + Đất phù sa: nước và muối khoáng nhiều → sự hút của rễ thuận lợi. + Đất đỏ ba zan.
- Em hãy cho biết địa phương em (Hà Nội, Thanh Hoá...) có đất trồng thuộc loại nào?	
b- Thời tiết khí hậu	
- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK. Trả lời câu hỏi thời tiết, khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự hút nước và muối khoáng của cây? - GV gợi ý: Khi nhiệt độ xuống dưới 0^0C, nước bị đóng băng, muối khoáng không hoà tan, rễ cây không hút được.	- HS đọc thông tin tr.38 SGK, trao đổi nhanh trong nhóm về ảnh hưởng của băng giá, khi ngập úng lâu ngày sự hút nước và muối khoáng bị ngừng hay mất.
- Để củng cố phần này, GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi mục ∇.	- 1 → 2 HS trả lời → HS khác nhận xét bổ sung. - HS đưa ra các điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng cũng là kết luận của mục này.
- GV dùng tranh câm hình 11.2 tr.37 SGK để HS điền mũi tên và chú thích hình. - Nếu đúng, GV cho điểm.	***Kết luận:*** Đất trồng, thời tiết, khí hậu ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1 tr.39 SGK.
- Trả lời một số câu hỏi thực tế, HS trả lời đúng GV cho điểm:
  + Vì sao cần bón đủ phân, đúng loại, đúng lúc?
  + Tại sao khi trời nắng, nhiệt độ cao cần tới nhiều nước cho cây?
  + Cày, cuốc, xới đất có lợi gì?

V. DẶN DÒ

- Trả lời câu hỏi 2, 3 tr.39 SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Giải ô chữ tr.39 SGK.
- Chuẩn bị mẫu theo nhóm: Củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, vạn niên thanh, cây tầm gửi (nếu có), dây tơ hồng; tranh các loại cây: bụt mọc, cây mắm, cây đước (có nhiều rễ trên mặt đất).

Bài 12 BIẾN DẠNG CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS phân biệt 4 loại rễ biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút. Hiểu được đặc điểm của từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng.
- Nhận dạng được một số rễ biến dạng đơn giản thường gặp.
- HS giải thích được vì sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi cây ra hoa.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát so sánh, phân tích mẫu, tranh.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. CÁC THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU CẦN THIẾT

- GV: Kẻ sẵn bảng đặc điểm các loại rễ biến dạng SGK tr. 40.
- Tranh, mẫu một số loại rễ đặc biệt.
- HS: Mỗi nhóm chuẩn bị: củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, tranh cây bần, cây bụt mọc... và kẻ bảng trang 40 vào vở bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CỦA RỄ BIẾN DẠNG

♦ **Mục tiêu:** Thấy được các hình thái của rễ biến dạng.

♦ **Tiến hành:**

- GV: Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm. Đặt mẫu lên bàn quan sát → phân chia rễ thành nhóm.	- HS trong nhóm đặt tất cả mẫu và tranh lên bàn → cùng quan sát.
- GV gợi ý: Có thể xem rễ đó ở dưới đất hay trên cây.	- Dựa vào hình thái màu sắc và cách mọc để phân chia rễ vào từng nhóm nhỏ.
- GV củng cố thêm: môi trường sống ở nơi ngập mặn, hay gần ao, hồ...	- HS có thể chia: Rễ dưới mặt đất, rễ mọc trên thân cây hay rễ bám vào tường, rễ mọc ngược lên mặt đất.
- GV không chữa nội dung đúng hay sai, chỉ nhận xét hoạt động của các nhóm → HS sẽ tự sửa ở mục sau.	- Một số nhóm HS trình bày kết quả phân loại của nhóm mình.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO
VÀ CHỨC NĂNG CỦA RỄ BIẾN DẠNG.

♦ **Mục tiêu:** Thấy được các dạng chức năng của rễ biến dạng.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân. - GV treo bảng mẫu để HS tự sửa lỗi (nếu có). - Tiếp tục cho HS làm nhanh bài tập tr.41 SGK.	- Hoàn thành bảng trang 40 vào vở bài tập. - HS so sánh với phần nội dung ở mục 1 để sửa những chỗ chưa đúng về các loại rễ, tên cây...
- GV đưa một số câu hỏi củng cố bài. + Có mấy loại rễ biến dạng? + Chức năng của rễ biến dạng đối với cây là gì?	- 1 → 2 HS đọc kết quả của mình → HS khác bổ sung.
- GV có thể cho HS tự kiểm tra nhau bằng cách gọi 2 HS đứng lên. - 1 HS hỏi: đặc điểm rễ củ có chức năng gì? - 1 HS trả lời nhanh: chứa chất dự trữ... Thay nhau nhiều cặp trả lời, nếu phần trả lời đúng nhiều thì GV cho điểm → GV nhận xét khen lớp.	- 1 HS đọc luôn phần trả lời → HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần). ***Kết luận:*** Như nội dung bảng tr.40 SGK. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận cuối bài tr.42 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV kiểm tra bằng cách yêu cầu HS đánh dấu (x) vào ô trả lời đúng như trong sách hướng dẫn (GV có thể phô tô sẵn nội dung phát cho HS mỗi em một tờ) nhưng có thể chữa như sau:

1. Thu từ 1 → 5 bài để chấm.

2. Sau khi HS đã đánh dấu xong bài của mình → cho các em đổi bài cho bạn bên cạnh rồi GV thông báo kết quả đúng → mỗi em sẽ kiểm tra hộ bài của bạn → GV hỏi ai đúng giơ tay → GV biết được kết quả → cho điểm một số em.

V. DẶN DÒ

- Làm bài tập cuối bài.
- HS sưu tầm một số loại cành của cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ cho bài sau.

Chương III
THÂN

Bài 13 CẤU TẠO NGOÀI CỦA THÂN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nắm được các bộ phận cấu tạo ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.
- Phân biệt được hai loại chồi nách, chồi ngọn.
- Nhận biết, phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát tranh mẫu, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: + Tranh phóng to hình 13.1, 13.2, 13.3 tr. 43 → 44 SGK.
  + Ngọn bí đỏ, ngồng cải.
  + Bảng phân loại thân cây.
- HS: Cành cây: Hoa hồng, râm bụt, rau đay, tranh một số loại cây, rau má, cây cỏ, kính lúp cầm tay...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

CẤU TẠO NGOÀI CỦA THÂN

♦ **Mục tiêu:** Xác định được thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn, chồi nách (chồi hoa, chồi lá).

♦ **Tiến hành:**

a. Xác định các bộ phận ngoài của thân, vị trí chồi ngọn, chồi nách.	
- GV yêu cầu: + HS đặt mẫu trên bàn. + Hoạt động cá nhân. + Quan sát thân cành từ trên xuống trả lời câu hỏi SGK.	- Đặt cây, cành lên bàn quan sát đối chiếu với hình 13.1 tr.43 SGK trả lời 5 câu hỏi SGK.
- GV kiểm tra bằng cách gọi HS trình bày trước lớp.	- HS mang cành của mình đã quan sát lên trước lớp chỉ các bộ phận của thân → HS khác bổ sung.
- GV gợi ý HS đặt một cành gần một cây nhỏ để tìm đặc điểm giống nhau. - Câu hỏi thứ 5 có thể HS trả lời không đúng → GV gợi ý: vị trí của chồi ở đâu thì nó phát triển thành bộ phận đó. - GV dùng tranh 13.1 nhắc lại các bộ phận của thân, hay chỉ ngay trên mẫu để HS ghi nhớ.	- HS tiếp tục trả lời các câu hỏi → yêu cầu nêu được: + Thân, cành đều có những bộ phận giống nhau: đó là có chồi, lá... + Chồi ngọn → đầu thân, chồi nách → nách lá.
b. Quan sát cấu tạo của chồi hoa và chồi lá.	
- GV nhấn mạnh: Chồi nách gồm 2 loại: chồi lá, chồi hoa. Chồi hoa, chồi lá nằm ở kẽ lá.	- HS nghiên cứu mục thông tin tr.43 SGK → ghi nhớ 2 loại chồi lá và chồi hoa.
- GV yêu cầu: HS hoạt động nhóm.	- HS quan sát thao tác và mẫu của GV kết hợp hình 13.2 tr.43 SGK.

- GV cho HS quan sát chồi lá (bí ngô), chồi hoa (hoa hồng) → GV có thể tách vảy nhỏ cho HS quan sát.	→ ghi nhớ cấu tạo của chồi lá, chồi hoa.
- GV hỏi: những vảy nhỏ tách ra được là bộ phận nào của chồi hoa và chồi lá?	- HS xác định được các vảy nhỏ mà GV đã tách là mầm lá. - HS trao đổi nhóm trả lời 2 câu hỏi SGK Yêu cầu trả lời: + Giống nhau: có mầm lá bao bọc. + Khác nhau: Mô phân sinh ngọn và mầm hoa.
- GV treo tranh hình 13.2 tr.43 SGK. - GV cho HS nhắc lại các bộ phận của thân.	- Đại diện của các nhóm lên trình bày và chỉ trên tranh → nhóm khác bổ sung. ***Kết luận:*** Đầu thân và cành có chồi ngọn, dọc thân và cành có chồi nách. Chồi nách gồm 2 loại: chồi hoa và chồi lá.

Hoạt động 2

PHÂN BIỆT CÁC LOẠI THÂN

♦ **Mục tiêu:** Biết cách phân loại thân theo vị trí của thân trên mặt đất theo độ cứng mềm của thân.

♦ **Tiến hành:**

HS hoạt động cá nhân. - GV treo tranh hình 13.3 tr.44 SGK → yêu cầu HS đặt mẫu tranh lên bàn quan sát → chia nhóm. - GV gợi ý một số vấn đề khi phân chia: + Vị trí của thân cây trên mặt đất.	- HS quan sát tranh, mẫu đối chiếu với tranh của GV để chia nhóm cây, kết hợp với những gợi ý của GV rồi đọc thông tin tr.44 SGK để hoàn thành bảng tr.45 SGK.

+ Độ cứng mềm của thân. + Sự phân cành. + Thân tự đứng hay phải leo, bám.	
- GV gọi 1 HS lên điền tiếp vào bảng phụ đã chuẩn bị sẵn.	-1 HS lên điền vào bảng phụ của GV, HS khác theo dõi, bổ sung.
- GV chữa ở bảng phụ để HS theo dõi và sửa lỗi trong bảng của mình.	
- GV hỏi: có mấy loại thân? Cho ví dụ (đó cũng là kết luận của hoạt động 2).	***Kết luận:*** Có 3 loại thân: Thân đứng, thân leo, thân bò. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận chung SGK tr.45.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV phô tô sẵn bài tập 1 và bài tập 2 ở sách GV.
- Phát cho HS làm và chữa như ở bài 12 → cho điểm 3 HS làm đúng.

V. DẶN DÒ

- Làm bài tập cuối bài.
- Các nhóm đọc trước và làm thí nghiệm rồi ghi lại kết quả ở bài 14.

Bài 14 THÂN DÀI RA DO ĐÂU?

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Qua thí nghiệm HS tự phát hiện: Thân dài ra do phần ngọn.
- Biết vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng tiến hành thí nghiệm quan sát, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thích thực vật, bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 14.1, 13.1.
- HS: Báo cáo kết quả của thí nghiệm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Trong thực tế: Khi trồng rau ngót thỉnh thoảng người ta thường cắt ngang thân, làm như vậy có tác dụng gì?

Hoạt động 1

TÌM HIỂU SỰ DÀI RA CỦA THÂN

♦ **Mục tiêu:** Qua TN biết được thân dài ra do phần ngọn.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS báo cáo kết quả thí nghiệm. - GV ghi nhanh kết quả lên bảng. - GV cho HS thảo luận nhóm.	- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm của nhóm. - Nhóm thảo luận theo 3 câu hỏi tr.46 SGK đưa ra được nhận xét: Cây bị ngắt ngọn thấp hơn cây không ngắt ngọn, thân dài ra do phần ngọn.
- Gọi 1 → 2 nhóm trả lời → các nhóm khác bổ sung.	- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- Đối với câu hỏi * GV gợi ý: ở ngọn cây có mô phân sinh ngọn + Treo tranh 13.1 GV giải thích thêm: + Khi bấm ngọn, cây không cao được, chất dinh dưỡng tập trung cho chồi lá và chồi hoa phát triển.	- HS đọc thông tin tr.47 SGK rồi chú ý nghe GV giải thích ý nghĩa của bấm ngọn, tỉa cành.

+ Với cây lấy gỗ, sợi chỉ tỉa cành bị sâu, cành xấu mà không bấm ngọn vì cần thân, sợi dài.	
⇒ Cho HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Thân dài ra do phần ngọn (mô phân sinh ngọn).

Hoạt động 2

GIẢI THÍCH NHỮNG HIỆN TƯỢNG THỰC TẾ

♦ **Mục tiêu:** Giải thích được tại sao đối với một số cây người ta bấm ngọn còn một số cây tỉa cành.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm.	- Nhóm thảo luận 2 câu hỏi tr.47 SGK dựa trên phần giải thích của GV ở mục 1. - Yêu cầu đưa ra được nhận xét: Cây đậu, bông, cà phê là cây lấy quả → cần nhiều cành nên người ta ngắt ngọn.
- GV nghe phần trả lời, bổ sung của các nhóm → GV hỏi: Những loại cây nào người ta thường bấm ngọn, những cây nào thì tỉa cành? Sau khi HS trả lời xong GV hỏi lại vậy hiện tượng cắt thân cây rau ngót ở đầu giờ nêu ra nhằm mục đích gì?	- Đại diện 1 → 2 nhóm trả lời nhóm khác bổ sung. ***Kết luận:*** Bấm ngọn đối với những loại cây lấy quả, hạt hay thân. Còn tỉa cành với những cây lấy gỗ, lấy sợi.
- GV nhận xét giờ học, giải đáp thắc mắc của HS (nếu có).	***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận chung tr.47 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho 2 bài tập (phô tô sẵn).

Bài tập 1: Hãy đánh dấu (×) vào những cây được sử dụng biện pháp bấm ngọn

a. Rau muống; b. Rau cải;
c. Đu đủ; d. Ổi;
e. Hoa hồng; g. Mướp.

(Cách chữa như bài trước)

Đáp án: a, e, g.

Bài tập 2: Hãy đánh dấu (×) vào những cây không sử dụng biện pháp ngắt ngọn.

a. Mây; b. Xà cừ; c. Mồng tơi;
d. Bằng lăng; e. Bí ngô; g. Mía.

Đáp án: a, b, d, g.

V. DẶN DÒ

- Làm bài tập trang 47, giải ô chữ, đọc mục "Em có biết".
- Ôn lại bài: "Cấu tạo miền hút của rễ", chú ý phần cấu tạo.

Bài 15 CẤU TẠO TRONG CỦA THÂN NON

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nắm được đặc điểm cấu tạo trong của thân non, so sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút).
- Nêu được những đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng của chúng.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu quý thiên nhiên, bảo vệ cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Phóng to hình 15.1 tr.49, 10.1 tr.32 SGK.
Bảng phụ: "Cấu tạo trong thân non".

- HS: Ôn lại bài "Cấu tạo miền hút của rễ", kẻ bảng cấu tạo trong và chức năng của thân non vào vở bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV giới thiệu: Thân non của tất cả các loại cây là phần ngọn ở thân và ngọn cành. Thân non thường có màu xanh lục.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CẤU TẠO TRONG CỦA THÂN NON

♦ **Mục tiêu:** Thấy được thân non gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

♦ **Tiến hành:**

+ *Vấn đề 1:* Xác định các bộ phận của thân non.	
- GV cho HS quan sát hình 15.1 SGK, hoạt động cá nhân (GV treo tranh phóng to hình 15.1).	- HS quan sát hình 15.1 đọc phần chú thích xác định cấu tạo chi tiết hai phần của thân non.
- GV gọi HS lên bảng chỉ tranh và trình bày cấu tạo của thân non.	- Cả lớp theo dõi phần trình bày của bạn→ nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét và chuyển sang vấn đề 2.	- Yêu cầu nêu được thân gồm 2 phần: Vỏ (biểu bì, thịt vỏ) và Trụ giữa (bó mạch và ruột).
+ *Vấn đề 2:* Tìm hiểu cấu tạo phù hợp với chức năng của các bộ phận thân non.	
- GV treo tranh, bảng phụ, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành bảng.	- Các nhóm trao đổi thống nhất ý kiến để hoàn thành bảng tr.49 SGK. Chú ý cấu tạo phù hợp với chức năng của từng bộ phận.

	- Đại diện 1 → 2 nhóm lên viết vào bảng phụ, 1 nhóm trình bày kết quả.
- GV đưa đáp án đúng: + Biểu bì → Bảo vệ bộ phận bên trong. + Thịt vỏ→ dự trữ và tham gia quang hợp. + Bó mạch: *Mạch rây:* Vận chuyển chất hữu cơ; *Mạch gỗ:* Vận chuyển muối khoáng và nước. + Ruột: Chứa chất dự trữ.	- Nhóm khác nghe và theo dõi bảng rồi bổ sung. - HS theo dõi sửa lỗi cho đúng với đáp án của GV. - HS đọc to toàn bộ cấu tạo và chức năng các bộ phận của thân non. ***Kết luận:*** Nội dung trong bảng đã hoàn thành.

Hoạt động 2

SO SÁNH CẤU TẠO TRONG
CỦA THÂN NON VÀ MIỀN HÚT CỦA RỄ

♦ **Mục tiêu:** Thấy đặc điểm khác nhau và giống nhau giữa thân non và miền hút.

♦ **Tiến hành:**

- GV treo tranh hình 15.1 và 10.1 phóng to lần lượt gọi 2 HS lên chỉ các bộ phận cấu tạo thân non và rễ.	
- tr.50 SGK. - GV gợi ý: Thân và rễ được cấu tạo bằng gì? Có những bộ phận nào? Vị trí của bó mạch ?...	- Nhóm thảo luận 2 nội dung: + Tìm đặc điểm giống nhau: đều có các bộ phận cấu tạo. + Tìm đặc điểm khác nhau: vị trí bó mạch. - Đại diện nhóm lên trình bày → nhóm khác nhận xét bổ sung.

(GV lưu ý: dù đúng hay sai thì ý kiến của nhóm vẫn được trình bày hết, sau đó sẽ bổ sung → tìm ra phần trả lời đúng nhất chứ không được cắt ngang ý kiến của nhóm).

- GV cho HS xem bảng so sánh kẻ sẵn (sách GV) để đối chiếu phần vừa trình bày bổ sung → tìm xem có bao nhiêu nhóm đúng hoàn toàn. GV có thể cho điểm 1 nhóm.

Kết luận chung: HS đọc kết luận cuối bài.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV sử dụng những câu hỏi sách GV và cách chữa giống như các bài trước.

V. DẶN DÒ

- HS học thuộc mục "Điều em nên biết".
- Mỗi nhóm chuẩn bị hai thớt gỗ.

Bài 16 THÂN TO RA DO ĐÂU?

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS trả lời câu hỏi: Thân cây to ra do đâu?
- Phân biệt được dác và ròng: Tập xác định tuổi của cây qua việc đếm vòng gỗ hàng năm.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, nhận biết kiến thức.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

GV: Đoạn thân gỗ già cưa ngang (thớt gỗ tròn).
Tranh phóng to 15.1, 16.1, 16.2 SGK.

- HS: Chuẩn bị thớt, một cành cây bằng lăng, dao nhỏ, giấy lau.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** HS đã biết cây dài ra do phần ngọn nhưng cây không những dài ra mà còn to ra, vậy cây to ra do đâu?

Hoạt động 1

XÁC ĐỊNH TẦNG PHÁT SINH

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được tầng sinh vỏ và sinh trụ.

♦ **Tiến hành:**

- GV treo tranh hình 15.1 và 16.1. HS trả lời câu hỏi: cấu tạo trong của thân trưởng thành khác thân non như thế nào?	- HS quan sát tranh trên bảng → trao đổi trong nhóm → ghi vào giấy nhận xét.
- GV lưu ý (vì ở hình 16.1 không có phần biểu bì → nếu HS cho đó là đặc điểm khác thì GV phải giải thích).	(Yêu cầu: Phát hiện được tầng sinh vỏ và sinh trụ). - 1 HS lên bảng trả lời chỉ trên tranh điểm khác nhau cơ bản giữa thân non và thân trưởng thành.
- GV hướng dẫn HS xác định vị trí 2 tầng phát sinh như sách GV.	- HS các nhóm tập làm theo GV → tìm tầng sinh vỏ và sinh trụ.

- GV yêu cầu HS đọc SGK → Thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi.	- HS đọc mục thông tin tr.51 SGK, trao đổi nhóm thống nhất ý kiến ghi ra giấy. Yêu cầu: - Tầng sinh vỏ → sinh ra vỏ. - Tầng sinh trụ → sinh ra lớp màng rây và màng gỗ.
- GV gọi đại diện nhóm lên chữa bài.	- HS của nhóm mang mẫu của nhóm lên chỉ vị trí của tầng phát sinh và nội dung trả lời → nhóm khác bổ sung → rút ra kết luận.
- GV nhận xét phần trao đổi của HS các nhóm yêu cầu HS rút ra kết luận cuối cùng của hoạt động này.	***Kết luận:*** Cây to ra nhờ tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ.

Hoạt động 2

NHẬN BIẾT VÒNG GỖ HÀNG NĂM, TẬP XÁC ĐỊNH TUỔI CÂY

♦ **Mục tiêu:** Biết đếm vòng của cây gỗ, xác định tuổi cây.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS đọc SGK, quan sát hình → tập đếm vòng gỗ, thảo luận theo 2 câu hỏi được nêu ra ở phần đầu của tr.51 SGK.	- HS đọc thông tin tr.51 SGK, mục "Em có biết" (tr.53), quan sát hình 16.3 → trao đổi nhóm. + Vòng gỗ hàng năm là gì? Tại sao có vòng gỗ sẫm và vòng gỗ sáng màu? + Làm thế nào để đếm được tuổi cây? - Đại diện nhóm báo cáo kết quả → nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- GV gọi đại diện 1 → 2 nhóm mang miếng gỗ lên trước lớp rồi đếm số vòng gỗ và xác định tuổi cây.	- HS các nhóm đếm số vòng gỗ trên miếng gỗ của mình rồi trình bày trước lớp → nhóm khác bổ sung.
- GV nhận xét và cho điểm nhóm có kết quả đúng.	***Kết luận:*** Hằng năm, cây sinh ra các vòng gỗ, đếm số vòng gỗ có thể xác định được tuổi của cây.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM DÁC VÀ RÒNG

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được dác và ròng.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập trả lời câu hỏi: + Thế nào là dác? Thế nào là ròng? + Tìm sự khác nhau giữa dác và ròng.	- , quan sát hình 16.2 tr.52 SGK → trả lời 2 câu hỏi. - 1 → 2 HS trả lời → HS khác bổ sung.
- GV nhận xét phần trả lời của HS → có thể mở rộng: Người ta chặt cây gỗ xoan rồi ngâm xuống ao, sau một thời gian vớt lên, có hiện tượng phần bên ngoài của thân bong ra nhiều lớp mỏng, còn phần trong cứng chắc. Em hãy giải thích?	- HS dựa vào vị trí của dác và ròng để trả lời câu hỏi (phần bong ra là dác, phần cứng chắc là ròng)
- GV hỏi thêm: Khi làm cột nhà, làm trụ cầu, thanh tà vẹt (đường ray tàu hoả) người ta sẽ sử dụng phần nào của gỗ?	- Dựa vào tính chất của dác và ròng để trả lời (người ta dùng phần ròng để làm).
⇒ GV chú ý giáo dục ý thức bảo vệ cây rừng.	***Kết luận:*** Thân cây gỗ lâu năm có dác và ròng. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận cuối bài tr.52 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV gọi HS lên bảng chỉ trên tranh vị trí của tầng phát sinh - Trả lời câu hỏi thân cây to ra do đâu?
- Xác định tuổi gỗ bằng cách nào? Xác định tuổi gỗ của miếng gỗ của nhóm hay nhóm khác.

V. DẶN DÒ

- Tìm đọc cuốn "Vì sao? Thực vật học". Chuẩn bị thí nghiệm theo nhóm cho bài sau tr.54 SGK.
- Ôn tập lại phần cấu tạo và chức năng của bó mạch.
- Chú ý nhắc HS đọc trước bài 17, làm thí nghiệm (đặt cành hoa vào nước rồi dùng dao cắt bỏ một đoạn trong nước để bọt khí không làm tắc mạch dẫn).

Bài 17 VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG THÂN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS biết tự tiến hành thí nghiệm để chứng minh: Nước và muối khoáng từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng thao tác thực hành.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. CÁC THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU CẦN THIẾT

- GV: Làm thí nghiệm trên nhiều loại hoa: hồng, cúc, huệ, loa kèn trắng, cành lá dâu, dâm bụt...
  Kính hiển vi, dao sắc, nước, giấy thấm, một cành chiết ổi, hồng xiêm (nếu có điều kiện).
- HS: làm thí nghiệm theo nhóm ghi kết quả, quan sát chỗ thân cây bị buộc dây thép (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:**

- GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS (các nhóm báo cáo).
- Ôn lại kiến thức bằng 2 câu hỏi:
  + Mạch gỗ có cấu tạo và chức năng gì?
  + Mạch rây có cấu tạo và chức năng gì?

Hoạt động 1

TÌM HIỂU SỰ VẬN CHUYỂN NƯỚC
VÀ MUỐI KHOÁNG HOÀ TAN

♦ **Mục tiêu:** Biết nước và muối khoáng được vận chuyển qua mạch gỗ.

♦ **Tiến hành:**

- - - của mình trên cành mang hoa (cành hoa huệ), cành mang lá (cành dâu) để nhằm mục đích chứng minh sự	Đại diện nhóm: - Trình bày các bước tiến hành TN, cho cả lớp quan sát kết quả của nhóm mình. - Nhóm khác nhận xét bổ sung.

vận chuyển các chất trong thân lên hoa và lá.	
- GV hướng dẫn HS cắt lát mỏng qua cành của nhóm → quan sát bằng kính hiển vi.	- Quan sát, ghi lại kết quả.
- GV phát một số cành đã chuẩn bị hướng dẫn HS bóc vỏ cành. - GV cho một vài HS quan sát mẫu trên kính hiển vi → xác định chỗ nhuộm màu → có thể trình bày hay vẽ lên bảng cho cả lớp theo dõi.	- HS nhẹ tay bóc vỏ, nhìn bằng mắt thường chỗ có bắt màu, quan sát màu của gân lá.
- GV nhận xét, đánh giá cho điểm nhóm trả lời tốt.	- Các nhóm thảo luận: Chỗ bị nhuộm màu đó là bộ phận nào của thân? Nước và muối khoáng được vận chuyển qua phần nào của thân? - Đại diện 1 → 2 nhóm trình bày kết quả của nhóm mình → nhóm khác bổ sung. ***Kết luận:*** Nước và muối khoáng được vận chuyển từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU SỰ VẬN CHUYỂN CHẤT HỮU CƠ

♦ **Mục tiêu:** Biết được chất hữu cơ được vận chuyển qua mạch rây.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân sau đó thảo luận nhóm.	- HS đọc thí nghiệm và quan sát hình 17.2 tr.55 SGK.
- GV lưu ý khi bóc vỏ → bóc luôn cả mạch nào?	Thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi tr.55 SGK.

- GV có thể mở rộng: Chất hữu cơ do lá chế tạo sẽ mang đi nuôi thân, cành, rễ... - GV nhận xét và giải thích nhân dân lợi dụng hiện tượng này để chiết cành. - GV hỏi: Khi bị cắt vỏ, làm đứt mạch rây ở thân thì cây có sống được không? Tại sao? - Giáo dục ý thức bảo vệ cây, tránh tước vỏ cây để chơi đùa, chằng buộc dây thép vào thân cây.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhóm khác bổ sung → rút ra kiến thức. ***Kết luận:*** Chất hữu cơ trong cây được vận chuyển từ lá đến các cơ quan nhờ mạch rây. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận cuối bài tr.55 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV cho HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK, làm bài tập cuối bài tại lớp.

V. DẶN DÒ

Chuẩn bị: Củ khoai tây có mầm, củ su hào, gừng, củ dong ta, một đoạn xương rồng, que nhọn, giấy thấm. Kẻ bảng như tr.59 SGK.

Bài 18 BIẾN DẠNG CỦA THÂN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nhận biết được những đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số thân biến dạng qua quan sát mẫu và tranh ảnh.
- Nhận dạng được một số thân biến dạng trong thiên nhiên.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát mẫu thật, nhận biết kiến thức qua quan sát so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục lòng say mê môn học, yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 18.1 và 18.2 SGK.
  Một số mẫu thật.
- HS: Chuẩn bị một số củ đã dặn ở bài trước, que nhọn, giấy thấm, kẻ bảng như tr.59 SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

QUAN SÁT MỘT SỐ THÂN BIẾN DẠNG

♦ **Mục tiêu:** Quan sát được hình dạng và bước đầu phân nhóm các loại thân biến dạng, thấy được chức năng đối với cây.

♦ **Tiến hành:**

a. Quan sát các loại củ, tìm đặc điểm chứng tỏ chúng là thân. - GV yêu cầu HS quan sát các loại củ xem chúng có đặc điểm gì chứng tỏ là thân.	- HS đặt mẫu lên bàn quan sát tìm xem có chồi, lá không?
- GV lưu ý tìm củ su hào có chồi nách và gừng đã có chồi để HS quan sát thêm. - GV cho HS phân chia các loại củ thành nhóm dựa trên vị trí của nó so với mặt đất và hình dạng củ, chức năng.	- HS quan sát + tranh ảnh và gợi ý của GV để chia củ thành nhiều nhóm. - Yêu cầu HS phát hiện các đặc điểm: + Đặc điểm giống nhau: có chồi, lá → là thân Đều phình to → chứa chất dự trữ.

- GV yêu cầu HS tìm những đặc điểm giống và khác nhau giữa các loại củ này. - GV lưu ý HS bóc vỏ của củ dong → tìm dọc củ có những mắt nhỏ đó là chồi nách, còn các vỏ (hình vảy) → lá.	+ Đặc điểm khác nhau: dạng rễ Củ gừng, dong (có hình rễ) → dưới mặt đất → thân rễ. Củ su hào, khoai tây (dạng tròn, to) → thân củ.
- GV cho HS trình bày và tự bổ sung cho nhau.	- Đại diện nhóm lên trình bày kết quả của nhóm và nhóm khác nhận xét bổ sung.
- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời 4 câu hỏi tr.58 SGK.	- HS đọc mục tr.58 SGK. Trao đổi nhóm theo 4 câu hỏi SGK. - Đại diện nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.
- GV nhận xét và tổng kết: một số loại thân biến dạng làm chức năng khác là dự trữ chất khi ra hoa kết quả.	
b. Quan sát thân cây xương rồng.	
- GV cho HS quan sát thân cây xương rồng, thảo luận theo câu hỏi: + Thân xương rồng chứa nhiều nước có tác dụng gì? + Sống trong điều kiện nào lá biến thành gai? + Cây xương rồng thường sống ở đâu? + Kể tên một số cây mọng nước?	- HS quan sát thân, gai, chồi ngọn của cây xương rồng. Dùng que nhọn chọc vào thân → quan sát hiện tượng → thảo luận nhóm.
	- Đại diện nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung. - HS đọc mục tr.58 SGK để sửa chữa kết quả.

- GV cho HS nghiên cứu SGK rồi rút ra kết luận chung cho hoạt động 1.	***Kết luận:*** Thân biến dạng để chứa chất dự trữ hay dự trữ nước cho cây.

Hoạt động 2

ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG CỦA MỘT SỐ LOẠI THÂN BIẾN DẠNG

♦ **Mục tiêu:** HS ghi lại những đặc điểm và chức năng của thân biến dạng → gọi tên các loại thân biến dạng.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS hoạt động độc lập theo yêu cầu ∇ của tr.59 SGK. - GV treo bảng đã hoàn thành kiến thức để HS theo dõi và sửa bài cho nhau. - GV tìm hiểu số bài đúng và chưa đúng bằng cách gọi cho HS giơ tay → GV sẽ biết được tỉ lệ HS nắm được bài tại lớp.	- HS hoàn thành bảng ở vở bài tập. - HS đổi vở bài tập cho bạn cùng bàn, theo dõi bảng của GV → chữa chéo cho nhau. - 1 HS đọc to toàn bộ nội dung trong bảng của GV cho cả lớp nghe để ghi nhớ kiến thức. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận cuối bài.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS làm bài tập tại lớp → GV thu 15 bài chấm ngay tại lớp.
- Hay kiểm tra bằng những câu hỏi như sách GV.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Chuẩn bị bài sau:
  - Một số loại lá như tr.61 - 62 SGK.
  - Một số loại cành: rau đay, hoa hồng, dâm bụt, ổi, trúc, đào, hoa sữa.

Chương IV

LÁ

Bài 19 ĐẶC ĐIỂM BÊN NGOÀI CỦA LÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được những đặc điểm bên ngoài của lá và cách xếp lá trên cây phù hợp với chức năng thu nhận ánh sáng, cần thiết cho việc chế tạo chất hữu cơ.
- Phân biệt được 3 kiểu gân lá, phân biệt được lá đơn, lá kép.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh nhận biết.
- Kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Sưu tầm lá, cành có đủ chồi nách, cành có các kiểu mọc lá.
- HS: Chú ý nếu có điều kiện trong nhóm nên có đủ loại lá, cành như yêu cầu bài trước.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Cho biết tên các bộ phận của lá? Chức năng của lá?

Hoạt động 1

ĐẶC ĐIỂM BÊN NGOÀI CỦA LÁ

♦ **Mục tiêu:** Biết được phiến lá đa dạng là bản rộng dẹt và có 3 loại gân lá.

♦ **Tiến hành:**

a. Phiến lá (HS hoạt động nhóm)	
- GV cho HS quan sát phiến lá, thảo luận 3 vấn đề ở ∇ tr.61 - 62 SGK phần a. - GV quan sát các nhóm → giúp đỡ nhóm có học lực yếu. - GV cho HS trả lời, bổ sung cho nhau. - GV đưa đáp án đúng (như sách GV) → nhóm nào còn sai sót thì tự sửa.	- HS đặt tất cả các lá lên bàn, quan sát, thảo luận theo 3 câu hỏi SGK, ghi chép ý kiến thống nhất của nhóm. Yêu cầu: Phiến lá có nhiều hình dạng, bản dẹt... → thu nhận ánh sáng. - Đại diện của nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.
b. Gân lá	
- GV cho HS quan sát lá + nghiên cứu SGK	- HS đọc mục tr.62 SGK, quan sát mặt dưới của lá → phân biệt đủ 3 loại gân lá.
- GV kiểm tra từng nhóm theo mục ∇ của phần b. - GV có thể hỏi: ngoài những lá mang đi còn những lá nào có kiểu gân như thế? (nếu HS không trả lời được cũng không sao).	- Đại diện của 1 → 3 nhóm mang các lá có đủ 3 loại gân lá lên trình bày trước lớp → nhóm khác nhận xét.
c. Phân biệt lá đơn, lá kép	
- GV yêu cầu HS quan sát mẫu, phân biệt được lá đơn và lá kép.	- HS quan sát cành mồng tơi, cành hoa hồng kết hợp với đọc mục tr.63 SGK để hoàn thành yêu cầu của GV. Chú ý vào vị trí của chồi nách.

- GV đưa câu hỏi → HS trao đổi nhóm. Vì sao lá mồng tơi thuộc loại lá đơn, lá hoa hồng thuộc loại lá kép?	- Đại diện của 1 → 2 nhóm mang cành mồng tơi và cành hoa hồng trả lời trước lớp → nhóm khác nhận xét.
- GV cho các nhóm: Chọn những lá đơn và lá kép trong những lá đã chuẩn bị.	- Các nhóm chọn lá đơn lá kép → trao đổi nhau giữa các nhóm ở gần.
- GV gọi 1 HS lên chọn ra lá đơn, lá kép trong số những lá của GV trên bàn → cho cả lớp quan sát.	
- GV cho HS rút ra kết luận cho hoạt động 1.	***Kết luận:*** Phiến lá là bản dẹt có màu sắc hình dạng, kích thước khác nhau, có 3 loại gân lá, có lá đơn và lá kép.

Hoạt động 2

CÁC KIỂU XẾP LÁ TRÊN THÂN VÀ CÀNH

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được kiểu xếp lá và hiểu ý nghĩa sinh học của nó.

♦ **Tiến hành:**

* *Quan sát cách mọc lá (hoạt động nhóm)*	
- GV cho HS quan sát 3 cành mang đến lớp → xác định cách xếp lá.	- HS trong nhóm quan sát 3 cành của nhóm mình đối chiếu hình 19.5 tr.63 SGK → xác định 3 cách xếp lá là: mọc cách, mọc đối, mọc vòng.
* *Làm bài tập tại lớp (hoạt động cá nhân).*	- Mỗi HS kẻ như bảng như tr.63 SGK và hoàn thành vào vở bài tập. - HS tự chữa cho nhau kết quả điền bảng.

* *Tìm hiểu ý nghĩa sinh học của cách xếp lá.* - GV cho HS nghiên cứu SGK tự quan sát hoặc là GV hướng dẫn như trong sách GV. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo 2 câu hỏi tr.64 SGK. - GV nhận xét và đưa ra đáp án đúng → HS rút ra kết luận.	- HS quan sát 3 cành kết hợp với hướng dẫn ở tr.63 SGK. - HS thảo luận đưa ra được ý kiến: kiểu xếp lá sẽ giúp lá nhận được nhiều ánh sáng. - HS trình bày kết quả trước lớp. ***Kết luận:*** có 3 kiểu xếp lá trên cây → giúp lá nhận được nhiều ánh sáng. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV sử dụng câu hỏi cuối bài để kiểm tra → HS trả lời đúng → GV cho điểm.
- GV dùng câu hỏi trắc nghiệm - cách chữa như ở bài trước → GV cho điểm 1 → 3 HS.

  * Đánh dấu (×) vào câu trả lời đúng.

  1. Trong các lá sau đây, nhóm những lá nào có gân song song?

     a- Lá hành, lá nhãn, lá bưởi

     b- Lá rau muống, lá cải

     c- Lá lúa, lá mồng tơi, lá bí đỏ

     d- Lá tre, lá lúa, lá cỏ.

  2. Trong các lá sau đây, những nhóm lá nào thuộc lá đơn?

     a- Lá dâm bụt, lá phượng, lá dâu

     b- Lá trúc đào, lá hoa hồng, lá lốt

     c- Lá ổi, lá dâu, lá trúc Nhật

     d- Lá hoa hồng, lá phượng, lá khế.

  Đáp án: 1d, 2c.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK, làm bài tập.
- Đọc mục "Em có biết".

Bài 20 CẤU TẠO TRONG CỦA PHIẾN LÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm được đặc điểm cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.
- Giải thích được đặc điểm màu sắc của hai mặt phiến lá.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát và nhận biết.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thích say mê môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 20.4 tr.65 SGK.
- Mô hình cấu tạo một phần phiến lá, đề kiểm tra phô tô hay viết trước vào bảng phụ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** như SGK và sách GV.

Hoạt động 1
BIỂU BÌ

♦ **Mục tiêu:** HS nắm được cấu tạo của biểu bì, chức năng bảo vệ và trao đổi khí.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS trong nhóm nghiên cứu SGK → trả lời 2 câu hỏi tr.65 SGK.	- HS đọc thông tin mục , quan sát hình 20.2 và 20.3 trao đổi theo 2 câu hỏi SGK. Yêu cầu HS phải nêu được:

	Biểu bì → bảo vệ: tế bào phải xếp sát nhau. Lỗ khí đóng mở → thoát hơi nước.
- GV yêu cầu thảo luận toàn lớp → bổ sung. - GV chốt lại kiến thức đúng: như sách GV. - GV có thể giải thích thêm về hoạt động đóng mở lỗ khí khi trời nắng và khi râm. - GV hỏi thêm: Tại sao lỗ khí thường tập trung nhiều ở mặt dưới của lá? (nếu HS trả lời được thì GV có thể cho điểm, còn không trả lời được thì GV giải thích).	- Đại diện 1 → 2 nhóm trình bày→ nhóm khác nhận xét → bổ sung.
	Kết luận: Lớp tế bào biểu bì có vách ngoài dày để bảo vệ, có nhiều lỗ khí để trao đổi khí và thoát hơi nước.

Hoạt động 2

THỊT LÁ

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được đặc điểm các lớp tế bào thịt lá phù hợp với chức năng chính của chúng.

♦ **Tiến hành:**

- GV giới thiệu và cho HS quan sát mô hình, hình 20.4 SGK, nghiên cứu SGK. - GV gợi ý khi so sánh chú ý ở những đặc điểm: hình dạng tế bào, cách xếp của tế bào, số lượng lục lạp...	- HS nghe và quan sát mô hình trên bảng → đọc mục và kết hợp hình 20.4 tr.66 SGK. - HS hoạt động cá nhân: trả lời câu hỏi mục ∇ → ghi ra giấy. - HS trao đổi trong nhóm theo những gợi ý của GV và thống nhất ý kiến.

-	- Đại diện 1 → 2 nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.
-	
-	
- mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới?	***Kết luận:*** Các tế bào thịt lá chứa nhiều lục lạp để chế tạo chất hữu cơ.

Hoạt động 3

GÂN LÁ

♦ **Mục tiêu:** Biết được chức năng của gân lá.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nghiên cứu tr.66 SGK trả lời câu hỏi.	- HS đọc mục tr.66 SGK quan sát hình 20.4 kết hợp với kiến thức về chức năng của bó mạch ở rễ và thân trả lời câu hỏi SGK.
- GV kiểm tra 1→ 3 HS → cho HS rút ra kết luận.	- HS trả lời trước lớp → HS khác bổ sung nếu cần.
- GV hỏi: Qua bài học em biết được những điều gì? (HS sẽ bổ sung cho nhau).	***Kết luận:*** Gân lá gồm các bó mạch có chức năng vận chuyển các chất. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

GV treo tranh phóng to hình 20.4 → giới thiệu lại toàn bộ cấu tạo của phiến lá.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV phát tờ phô tô bài tập cho HS làm (nội dung bài tập như sách GV). GV cho HS đổi bài chấm cho nhau như các tiết học trước.
- GV có thể chấm ngay 3 → 5 bài.

V. DẶN DÒ

- HS học bài trả lời câu hỏi SGK tr.67.
- Đọc mục "Em có biết".
- Ôn lại kiến thức ở tiểu học: Chức năng của lá. Chất khí nào duy trì sự cháy.

Bài 21 QUANG HỢP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: Khi có ánh sáng, lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả ra khí ôxi.
- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng phân tích thí nghiệm, quan sát hiện tượng rút ra nhận xét.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, chăm sóc cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: dung dịch i ốt, lá khoai lang, ống nhỏ. Kết quả của thí nghiệm: một vài lá đã thử dung dịch i ốt... tranh phóng to hình 21.1, 21.2 SGK.
- HS: Ôn lại kiến thức tiểu học về chức năng của lá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như tr.68 SGK: GV cắt ngang củ khoai nhỏ iốt vào, HS quan sát để ghi nhớ kiến thức.

Hoạt động 1

XÁC ĐỊNH CHẤT MÀ LÁ CÂY CHẾ TẠO ĐƯỢC KHI CÓ ÁNH SÁNG

♦ **Mục tiêu:** Thông qua thí nghiệm xác định được tinh bột là chất lá cây đã tạo được ngoài ánh sáng.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân: nghiên cứu tr.68 - 69 SGK.	- HS đọc mục , kết hợp với hình 21.1 tr.68-69 SGK.
- GV cho HS thảo luận nhóm: trao đổi 3 câu hỏi ∇ tr.69.	- Trả lời 3 câu hỏi ở mục ∇. - HS mang phần tự trả lời của mình thảo luận trong nhóm → thống nhất ý kiến.
- GV cho các nhóm thảo luận kết quả của nhóm (như sách GV).	- Đại diện các nhóm báo cáo và trao đổi lẫn nhau.
- GV nghe, bổ sung, sửa chữa và nêu ý kiến đúng, cho HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV để khẳng định kết luận của thí nghiệm.	- HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV đối chiếu với SGK.
- GV cho HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Lá chế tạo tinh bột khi có ánh sáng.
- GV treo tranh yêu cầu 1 HS nhắc lại thí nghiệm và kết luận của hoạt động này.	
- GV mở rộng thêm: Từ tinh bột và các muối khoáng hòa tan khác, lá sẽ tạo ra các chất hữu cơ cần thiết cho cây.	

Hoạt động 2

XÁC ĐỊNH CHẤT KHÍ THẢI RA
TRONG QUÁ TRÌNH LÁ CHẾ TẠO TINH BỘT

♦ **Mục tiêu:** HS phân tích thí nghiệm để rút ra kết luận về chất khí mà lá cây nhả ra ngoài trong khi chế tạo tinh bột là khí ôxi.

◆ **Tiến hành:**

- GV cho HS thảo luận nhóm, nghiên cứu tr.69 SGK. - GV gợi ý: HS dựa vào kết quả của thí nghiệm 1 và chú ý quan sát ở đáy hai ống nghiệm. - GV quan sát lớp → chú ý nhóm HS yếu để hướng dẫn thêm (chất khí nào duy trì sự cháy).	- HS đọc mục , quan sát hình 21.2 → trao đổi nhóm trả lời 3 câu hỏi mục ∇, thống nhất ý kiến. Yêu cầu: + Dựa vào kết quả của thí nghiệm 1→ xác định cành rong ở cốc B chế tạo được tinh bột. + Chất khí ở cốc B là khí O_2.
- GV cho các nhóm thảo luận kết quả → tìm ý kiến đúng. - GV nhận xét và đưa đáp án đúng→ cho HS rút ra kết luận.	- Đại diện nhóm lên trình bày kết quả → cả lớp thảo luận và bổ sung.
- GV hỏi: Tại sao về mùa hè khi trời nắng nóng, đứng dưới bóng cây to lại thấy mát và dễ thở?	- Các nhóm nghe và sửa nếu cần
- GV cho HS nhắc lại 2 kết luận nhỏ của 2 hoạt động.	***Kết luận:*** Lá nhả ra khí ôxi trong quá trình chế tạo tinh bột. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.70 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS trả lời 2 câu hỏi tr.70 SGK → cho điểm 1 → 2 HS .
- GV gọi HS nhắc lại 2 thí nghiệm và rút ra kết luận → cho điểm 1 → 2 HS trả lời đúng.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK.
- Ôn lại kiến thức về chức năng của rễ.

Bài 21 QUANG HỢP *(Tiếp theo)*

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cần sử dụng để chất tạo tinh bột.
- Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.
- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh phân tích thí nghiệm, khái quát.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ cây, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Thực hiện trước thí nghiệm, mang lá ở thí nghiệm đến lớp để thử kết quả với dung dịch iốt.
- HS: Ôn lại cấu tạo của lá, sự vận chuyển nước của rễ, ôn lại bài quang hợp của tiết trước.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV cho HS nhắc lại kết luận chung của bài trước → GV hỏi: Vậy lá cây cần chất gì để chế tạo tinh bột?

Hoạt động 1

CÂY CẦN NHỮNG CHẤT GÌ ĐỂ CHẾ TẠO TINH BỘT?

♦ **Mục tiêu:** Thông qua thí nghiệm biết cây cần: nước, khí cacbônic, ánh sáng, diệp lục để chế tạo tinh bột.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu: HS nghiên cứu độc lập tr.70, 71 SGK.	- Mỗi HS đọc kỹ thông tin mục và các thao tác thí nghiệm ở mục ∇.

- GV yêu cầu: HS nhắc lại thí nghiệm.	- HS tóm tắt thí nghiệm cho cả lớp cùng nghe.
- GV cho HS thảo luận theo 2 câu hỏi tr.72 SGK.	- HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời đúng ghi vào giấy.
- GV gợi ý: + Sử dụng kết quả của tiết trước → xác định lá ở chuông nào có tinh bột và lá ở chuông nào không có tinh bột. + Cây ở chuông A sống trong điều kiện không khí không có khí CO_2. + Cây ở chuông B sống trong điều kiện có khí CO_2.	Yêu cầu: + Chuông A có thêm cốc nước vôi trong. + Lá trong chuông A không chế tạo được tinh bột. + Lá cây ở chuông B chế tạo được tinh bột.
- GV cho HS các nhóm thảo luận kết quả. - GV lưu ý cho HS: Chú ý vào điều kiện của thí nghiệm vì chính điều kiện sẽ làm thay đổi kết quả của thí nghiệm. - Sau khi HS thảo luận, GV cho HS rút ra kết luận nhỏ cho hoạt động này.	- HS thảo luận kết quả ý kiến của nhóm và bổ sung.
- GV hỏi: Tại sao ở xung quanh nhà và những nơi công cộng cần trồng nhiều cây xanh?	***Kết luận:*** Không có khí cacbônic lá không thể chế tạo được tinh bột.

Hoạt động 2

KHÁI NIỆM VỀ QUANG HỢP

♦ **Mục tiêu:** HS nắm được khái niệm quang hợp, viết sơ đồ quang hợp.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập: nghiên cứu SGK.	- HS tự đọc mục và trả lời yêu cầu mục ∇ tr.72 SGK.

- GV gọi 2 HS viết lại sơ đồ quang hợp lên bảng.	- HS viết sơ đồ quang hợp, trao đổi trong nhóm về khái niệm quang hợp.
- GV cho HS nhận xét 2 sơ đồ trên bảng → bổ sung và thảo luận khái niệm quang hợp.	- HS trình bày kết quả của nhóm, bổ sung sơ đồ quang hợp (nếu cần).
- GV cho HS quan sát lại sơ đồ trả lời câu hỏi: + Lá cây sử dụng những nguyên liệu nào để chế tạo tinh bột? Nguyên liệu đó được lấy từ đâu? + Lá cây chế tạo tinh bột trong điều kiện nào?	
- GV cho HS đọc thông tin và đặt câu hỏi: Ngoài tinh bột, lá cây còn tạo ra những sản phẩm hữu cơ nào khác?	- HS trả lời câu hỏi → rút ra kết luận. ***Kết luận:*** Quang hợp là hiện tượng lá cây chế tạo tinh bột ngoài ánh sáng mặt trời nhờ nước, khí cacbônic và diệp lục. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.72 SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

- GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm quang hợp.
- Trả lời câu hỏi 3 tr.72 SGK.
- GV có thể dùng câu hỏi trắc nghiệm để kiểm tra.

Hãy đánh dấu (×) vào câu trả lời đúng.

Câu 1: Trong các bộ phận sau đây của lá, bộ phận nào là nơi xảy ra quá trình quang hợp?

a- Lỗ khí.

b- Gân lá.

c- Diệp lục.

Đáp án: Câu c.

Câu 2: Lá cây cần chất khí nào trong các chất khí sau để chế tạo tinh bột?

a- Khí ôxi.

b- Khí cacbônic.

c- Khí ni tơ.

Đáp án: Câu b.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục "Em có biết".

Bài 22 ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI ĐẾN QUANG HỢP, Ý NGHĨA CỦA QUANG HỢP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp.
- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.
- Tìm được các ví dụ thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng khai thác thông tin, nắm bắt thông tin.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức tham gia bảo vệ, phát triển cây xanh ở địa phương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Sưu tầm tranh ảnh về một số cây ưa sáng và ưa tối.
  Tìm tranh ảnh về vai trò của quang hợp với đời sống động vật và con người.
- HS: Ôn tập kiến thức ở tiểu học về các chất khí cần thiết cho động vật và thực vật.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV cho HS nhắc lại khái niệm quang hợp và viết lại sơ đồ quang hợp để vào bài hay giống như sách GV.

Hoạt động 1

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI NÀO
ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUANG HỢP?

♦ **Mục tiêu:** Xác định được các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình quang hợp như: nước, khí cacbônic, ánh sáng.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, nghiên cứu SGK. - GV quan sát, giúp đỡ nhóm nào còn lúng túng.	- HS tự đọc thông tin tr.75 SGK → suy nghĩ trả lời 2 câu hỏi mục ∇ tr.75 SGK.
- GV có thể gợi ý cho các câu hỏi thảo luận: chú ý vào điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp.	- Trao đổi trong nhóm → thống nhất ý kiến trả lời.
	Yêu cầu kiến thức: + Các điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp: khí CO_2, nước, ánh sáng, nhiệt độ.

	+ Trồng cây với mật độ dày → thiếu ánh sáng.
- GV nhận xét phần trao đổi nhóm của HS. GV đưa đáp án đúng để các nhóm có thể sửa hay bổ sung vào phần trả lời. - GV cho HS quan sát tranh: bụi lá lốt ở dưới gốc cây hồng xiêm, tranh khóm chuối cằn ở gần nhiều lò gạch → thấy được ảnh hưởng của ánh sáng và lượng khí CO_2.	- Các nhóm thảo luận kết quả của nhau → tìm ra câu trả lời đúng.
→ Cho HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Các điều kiện: ánh sáng, nhiệt độ, hàm lượng CO_2, nước → ảnh hưởng đến quang hợp.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU Ý NGHĨA CỦA QUANG HỢP Ở CÂY XANH

♦ **Mục tiêu:** HS hiểu được sự quang hợp ở cây xanh đã tạo ra thức ăn và khí O_2 cho tất cả các sinh vật.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi mục ∇ tr.75 SGK.	- Mỗi HS tự suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- GV lưu ý các nhóm: Khẳng định được tầm quan trọng của các chất hữu cơ và khí O_2 do quang hợp của cây xanh tạo ra.	- Trao đổi trong nhóm về ý kiến thống nhất câu trả lời của nhóm.
- GV nghe và giúp đỡ HS hoàn thiện đáp án về ý nghĩa của quang hợp như sách GV. - GV đề phòng thắc mắc của HS như: con giun sống trong ruột người không cần chất hữu cơ và khí O_2 do cây xanh chế tạo và thải ra.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả → nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV hỏi: Qua bài này giúp em hiểu được những điều gì?	
- Từ phần thảo luận trên lớp → HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Nhờ quá trình quang hợp, cây xanh đã tạo ra các chất cần cho sự sống của các sinh vật. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV sử dụng cách kiểm tra như sách GV → cho điểm 1 → 3 HS.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK. Đọc mục "Em có biết".
- Ôn tập lại bài quang hợp.

Bài 23 CÂY CÓ HÔ HẤP KHÔNG?

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế một thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.
- Nhớ được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống cuả cây.
- Giải thích được vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp ở cây.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát thí nghiệm → tìm kiến thức.
- Tập thiết kế thí nghiệm.

3. Thái độ

Giáo dục lòng say mê môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: + Có điều kiện làm thí nghiệm 1 trước 1 giờ.
  + Các dụng cụ để làm thí nghiệm 2 như SGK.
- HS: Ôn lại bài quang hợp, kiến thức tiểu học về vai trò của khí ôxi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như tr.77 SGK.

Hoạt động 1

CÁC THÍ NGHIỆM CHỨNG MINH HIỆN TƯỢNG HÔ HẤP Ở CÂY

♦ **Mục tiêu:** HS nắm được các bước tiến hành thí nghiệm, tập thiết kế thí nghiệm để rút ra kết luận.

♦ **Tiến hành:**

a. Thí nghiệm 1: Nhóm Lan và Hải	
- GV yêu cầu HS nghiên cứu tr.77 SGK → nắm cách tiến hành, kết quả của thí nghiệm. - GV cho một HS trình bày lại thí nghiệm trước lớp.	- HS đọc thí nghiệm quan sát hình 23.1 SGK ghi lại tóm tắt thí nghiệm gồm: Chuẩn bị, tiến hành, kết quả.
- GV lưu ý khi HS giải thích lớp váng trắng đục ở cốc A dày hơn là do có nhiều khí cacbônic thì GV nên hỏi thêm: Vậy ở chuông A do đâu mà lượng khí cacbônic nhiều lên.	- HS đọc thông tin tr.77 SGK → thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi tr.78 SGK.
	- Đại diện nhóm trình bày kết quả → nhóm khác nhận xét bổ sung tìm câu trả lời đúng. - Yêu cầu HS nêu được lượng khí CO_2 trong chuông A tăng lên chỉ có thể do cây thải ra.

- GV giúp HS hoàn thiện đáp án và rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Khi không có ánh sáng cây đã thải ra nhiều khí cacbônic.
b. Thí nghiệm 2: Của nhóm An và Dũng - GV yêu cầu HS thiết kế được thí nghiệm dựa trên những dụng cụ có sẵn và kết quả của thí nghiệm 1.	
- GV cho HS nghiên cứu SGK → trả lời câu hỏi: Các bạn An và Dũng làm thí nghiệm nhằm mục đích gì? - GV yêu cầu nhóm thiết kế thí nghiệm, GV đi tới các nhóm quan sát → hướng dẫn, gợi ý cách bố trí thí nghiệm. - GV hết sức lưu ý: Nếu HS trong lớp có học lực trung bình thì các em có thể không biết bố trí thí nghiệm → GV phải hướng dẫn tỉ mỉ từng bước.	- HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 23.2 tr.78 SGK → trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét giúp HS hoàn thiện thí nghiệm và giải thích rõ: Khi đặt cây vào cốc thuỷ tinh rồi đậy miếng kính lên, lúc đầu trong cốc vẫn có O_2 của không khí, sau một thời gian, đến khi khẽ dịch tấm kính để đưa que đóm đang cháy vào → đóm tắt ngay chứng tỏ trong cốc không còn khí O_2 và cây đã nhả CO_2.	- HS trong nhóm cùng tiến hành thảo luận từng bước của thí nghiệm.
- GV thử kết quả thí nghiệm đã chuẩn bị cho cả lớp quan sát → chốt lại kiến thức cho cả 2 thí nghiệm → HS nhắc lại.	- Đại diện 1→ 3 nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung, tiếp tục thảo luận. - HS nghe và bổ sung vào bài của mình những chỗ chưa đúng. ***Kết luận:*** Cây nhả ra khí cacbônic và hút khí ôxi.

Hoạt động 2

HÔ HẤP Ở CÂY

♦ **Mục tiêu:** HS hiểu được khái niệm hô hấp và ý nghĩa của hô hấp.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập với SGK trả lời câu hỏi: + Hô hấp là gì? Hô hấp có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của cây? + Những cơ quan nào của cây tham gia hô hấp và trao đổi khí trực tiếp với môi trường ngoài. + Cây hô hấp vào thời gian nào? + Người ta đã dùng biện pháp nào để giúp rễ và hạt mới gieo hô hấp?	- HS đọc thông tin tr.78 - 79 SGK suy nghĩ trả lời 4 câu hỏi. Yêu cầu: + Viết được sơ đồ hô hấp. + Mọi cơ quan của cây đều hô hấp. + Biện pháp làm tơi xốp đất...
- GV gọi 2 HS trả lời 4 câu hỏi → HS khác bổ sung. - GV chốt lại kiến thức và đề phòng HS trả lời: ban đêm cây mới hô hấp thì GV giải thích.	- HS cả lớp theo dõi nhận xét bổ sung cho phần trả lời của bạn → đi đến ý kiến đúng.
- [illegible] tr.79 SGK. - GV cần lưu ý HS ở thành phố có thể chỉ trả lời được 1 → 2 biện pháp, nhưng HS ở nông thôn thì phải trả lời được nhiều biện pháp như sách GV. - GV giải thích các biện pháp kỹ thuật cho cả lớp nghe cho HS rút ra kết luận.	- HS đọc yêu cầu → trao đổi nhanh trong nhóm đưa ra biện pháp như: cuốc, tháo nước khi ngập.

- GV hỏi: Tại sao khi ngủ đêm trong rừng ta thấy khó thở, còn ban ngày thì mát và dễ thở?	- Trao đổi giữa các nhóm. ***Kết luận:*** Cây hô hấp suốt ngày đêm, tất cả các cơ quan đều tham gia. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK → GV cho điểm 2 HS.
- GV cho HS trả lời câu hỏi 4.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Ôn lại bài: "Cấu tạo trong của phiến lá".

Bài 24 PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS lựa chọn được cách thiết kế một thí nghiệm chứng minh cho kết luận: phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước.
- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.
- Nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới sự thoát hơi nước qua lá.
- Giải thích ý nghĩa của một số biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết so sánh kết quả thí nghiệm tìm ra kiến thức.

3. Thái độ

Giáo dục lòng say mê môn học, ham hiểu biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh vẽ phóng to hình 24.3 SGK.
- HS: Xem lại bài "Cấu tạo trong của phiến lá".

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

THÍ NGHIỆM XÁC ĐỊNH PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU

♦ **Yêu cầu:** HS biết nhận xét kết quả thí nghiệm, so sánh thí nghiệm, lựa chọn thí nghiệm chứng minh đúng nhất.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS nghiên cứu độc lập SGK trả lời 2 câu hỏi. + Một số HS đã dự đoán điều gì? + Để chứng minh cho dự đoán đó họ đã làm gì?	- HS đọc mục thông tin tr.80 SGK trả lời câu hỏi của GV.
- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm để lựa chọn thí nghiệm. - GV tìm hiểu số nhóm chọn thí nghiệm 1 hoặc thí nghiệm 2 (ghi vào góc bảng).	- HS trong nhóm tự nghiên cứu 2 thí nghiệm quan sát hình 24.3 trả lời câu hỏi mục ∇ tr.81 SGK → sau đó thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời.
- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày tên thí nghiệm và giải thích lý do chọn của nhóm mình.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả → các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

	- HS phải biết trong lớp nhóm nào lựa chọn thí nghiệm của Dũng, Tú và nhóm nào chọn thí nghiệm của Tuấn, Hải.
- GV lưu ý tạo điều kiện cho các nhóm trình bày ý kiến, nếu có nhiều ý kiến chưa thống nhất thì cho tranh luận nhưng theo gợi ý của GV. Ví dụ: cho HS nhắc lại dự đoán ban đầu, sau đó xem lại thí nghiệm của nhóm Dũng và Tú đã chứng minh được điều nào của dự đoán, còn nội dung nào chưa chứng minh được? Thí nghiệm của nhóm Tuấn, Hải chứng minh được nội dung nào? Giải thích ? - Sau khi đã thảo luận xong GV hỏi: Sự lựa chọn nào là đúng.	- Đại diện nhóm giải thích sự lựa chọn của nhóm mình theo gợi ý của GV.
- GV chốt lại đáp án đúng như trong sách GV cho HS rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước qua lá.
- GV cho HS nghiên cứu hình 24.3 tr.81 SGK.	- HS quan sát hình 24.3 tr.81 SGK chú ý chiều mũi tên màu đỏ để biết con đường mà nước thoát ra ngoài qua lá.

Hoạt động 2

Ý NGHĨA CỦA SỰ THOÁT HƠI NƯỚC QUA LÁ

- GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi: Vì sao sự thoát hơi nước qua lá có ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống của cây?	- HS hoạt động độc lập đọc thông tin mục tr.81 SGK để trả lời câu hỏi của GV. Yêu cầu nêu được:

	+ Tạo sức hút → vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ → lá. + Làm dịu mát cho lá.
- GV tổng kết lại ý kiến của HS → cho HS tự rút ra kết luận.	- HS trình bày ý kiến và HS khác bổ sung. ***Kết luận:*** Hiện tượng thoát hơi nước qua lá giúp cho việc vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá, giữ cho lá khỏi bị khô.

Hoạt động 3

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI NÀO ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THOÁT HƠI NƯỚC QUA LÁ?

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK → trả lời 2 câu hỏi tr.82 SGK. - GV gợi ý HS sử dụng kết luận ở hoạt động 2 và những câu hỏi nhỏ sau để trả lời. + Khi nào lá cây thoát hơi nước nhiều? + Nếu cây thiếu nước sẽ xảy ra hiện tượng gì?	- HS đọc mục và trả lời 2 câu hỏi mục ∇ tr.82 SGK.
- GV cho HS nhận xét bổ sung ý kiến cho nhau → rút ra kết luận.	- Một số HS trả lời câu hỏi → HS khác nhận xét bổ sung nếu cần. ***Kết luận:*** Các điều kiện bên ngoài như: ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, không khí ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước của lá.
- GV hỏi HS: Qua bài học em hiểu được những gì?	***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.82 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS trả lời câu hỏi 1, 2 tr.82 SGK.
- GV gợi ý trả lời câu hỏi 3: Như SGV.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Chuẩn bị: đoạn xương rồng có gai, củ dong, củ hành, cành mây, tranh ảnh lá biến dạng khác.
- Kẻ sẵn bảng tr.85 SGK vào vở bài tập.

Bài 25 BIẾN DẠNG CỦA LÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Nêu được đặc điểm hình thái và chức năng của một số lá biến dạng, từ đó hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết kiến thức từ mẫu, tranh.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: + Mẫu: Cây mây, đậu Hà Lan, cây hành còn lá xanh, củ dong ta, cành xương rồng.
  + Tranh: Cây nắp ấm, cây bèo đất.
  + Chuẩn bị trò chơi như SGV.

HS: + Sưu tầm mẫu theo nhóm đã phân công.

+ Kẻ bảng tr.85 SGK vào vở bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK, hay GV treo tranh cây nắp ấm giới thiệu lá của cây cho HS so sánh với một lá bình thường để suy ra lá biến dạng nhằm thực hiện chức năng khác.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ LOẠI LÁ BIẾN DẠNG

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: Quan sát hình trả lời câu hỏi mục ∇ tr.83 SGK. - GV quan sát các nhóm, có thể giúp đỡ động viên nhóm học yếu, nhóm học khá thì có kết quả nhanh và đúng.	- Hoạt động của nhóm. + HS trong nhóm cùng quan sát mẫu kết hợp với các hình 25.1..... 25.7 tr.84 SGK. + HS tự đọc mục và trả lời các câu hỏi mục ∇ tr.83 SGK. + Trong nhóm thống nhất ý kiến → cá nhân hoàn thành bảng tr.85 SGK vào vở bài tập.
- GV cho các nhóm trao đổi kết quả.	- Đại diện 1 → 3 nhóm trình bày → nhóm khác nhận xét.
- GV chữa bằng cách cho chơi trò chơi "Thi điền bảng liệt kê". + GV treo bảng liệt kê lên bảng, gọi 7 nhóm tham gia, bốc thăm xác định tên mẫu vật nhóm cần điền. + Yêu cầu mỗi nhóm nhặt các mảnh bìa có ghi sẵn đặc điểm, hình thái, chức năng... gài vào ô cho phù hợp.	- HS sau khi bốc thăm tên mẫu cử 3 người lên chọn mảnh bìa để gắn vào vị trí. Chú ý: Trước khi lên bảng HS nên quan sát lại mẫu, hoặc tranh để gắn bìa cho phù hợp. - Các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.

+ GV thông báo luật chơi. Thành viên của nhóm chọn và gài vào phần của nhóm mình. - GV nhận xét kết quả và cho điểm nhóm làm tốt. - GV thông báo đáp án đúng để HS điều chỉnh. - GV yêu cầu HS đọc mục "Em có biết" để biết thêm một loại lá biến dạng nữa (lá của cây hạt bí).	- HS nhắc lại các loại lá biến dạng, đặc điểm, hình thái và chức năng chủ yếu của nó. ***Kết luận:*** Nội dung ở bảng vừa hoàn thành.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU Ý NGHĨA BIẾN DẠNG CỦA LÁ

♦ **Mục tiêu:** So sánh đặc điểm hình thái chức năng chủ yếu của lá biến dạng với lá bình thường để khái quát về ý nghĩa biến dạng của lá.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS xem lại bảng ở hoạt động 1 → nêu ý nghĩa biến dạng của lá. - GV nên gợi ý: + Có nhận xét gì về đặc điểm hình thái của các lá biến dạng so với lá thường? + Những đặc điểm biến dạng đó có tác dụng gì đối với cây?	- HS xem lại đặc điểm hình thái và chức năng chủ yếu của lá biến dạng ở hoạt động 1 kết hợp với gợi ý của GV để thấy được ý nghĩa biến dạng của lá. - Một vài HS trả lời và HS khác bổ sung. ***Kết luận:*** Lá của một số loại cây biến đổi hình thái thích hợp với chức năng ở những điều kiện sống khác nhau. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.85 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1, 2 cuối bài.
- Tìm hiểu ở địa phương (nếu có) hay qua các tài liệu về lá biến dạng.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị theo nhóm các mẫu: Đoạn rau má, củ khoai lang có mầm, củ gừng, nghệ có mầm, lá cây thuốc bỏng.

Chương V

SINH SẢN SINH DƯỠNG

Bài 26 SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nắm được khái niệm đơn giản về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.
- Tìm được một số ví dụ về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.
- Nắm được các biện pháp tiêu diệt cỏ dại hại cây trồng và giải thích cơ sở khoa học của những biện pháp đó.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh vẽ hình 26.4 SGK, kẻ sẵn bảng tr.88 SGK.
  Mẫu: Rau má, sài đất, củ gừng, củ nghệ có mầm, cỏ gấu, củ khoai lang có chồi, lá bỏng, lá hoa đá có mầm.
- HS: Chuẩn bị 4 mẫu như hình 26.4 SGK theo nhóm, ôn lại kiến thức của các bài biến dạng của thân, rễ, kẻ bảng tr.88 SGK vào vở bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Có thể như SGK hoặc GV cho HS xem lá bỏng có các chồi → gọi hiện tượng này là sinh sản sinh dưỡng tự nhiên. Vậy sinh sản sinh dưỡng là gì? Ở những cây khác có như vậy không?

Hoạt động 1

TÌM HIỂU KHẢ NĂNG TẠO THÀNH CÂY MỚI TỪ RỄ, THÂN, LÁ Ở MỘT SỐ CÂY CÓ HOA

♦ **Mục tiêu:** HS thấy được cơ quan sinh dưỡng của một số cây có khả năng mọc chồi → tạo thành cây mới.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu hoạt động nhóm: thực hiện yêu cầu mục ∇ tr.87 SGK.	- Hoạt động của nhóm + Cá nhân: Quan sát trao đổi mẫu kết hợp hình 26 tr.87 SGK → trả lời 4 câu hỏi mục ∇. + Trao đổi trong nhóm → thống nhất ý kiến trả lời.
- GV cho HS các nhóm trao đổi kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày → nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng trong vở bài tập.	- Cá nhân nhớ lại kiến thức về các loại rễ, thân biến dạng kết hợp với câu trả lời của nhóm → hoàn thành bảng ở vở bài tập.
- GV chữa bằng cách gọi HS lên tự điền vào từng mục ở bảng GV đã chuẩn bị (GV nên gọi nhiều HS tham gia).	- Một số HS lên bảng điền vào từng mục → HS khác quan sát, bổ sung nếu cần.
- GV theo dõi bảng → công bố kết quả đúng (để HS sửa), kết quả nào chưa phù hợp thì HS khác bổ sung tiếp.	*HS nhận xét:* Một số cây trong điều kiện đất ẩm có khả năng tạo được cây mới từ cơ quan sinh dưỡng.

Hoạt động 2

SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN CỦA CÂY

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, tr.88 SGK.	- HS xem lại bảng ở vở bài tập hoàn thành yêu cầu mục ∇ tr.88 SGK: Điền từ vào chỗ trống trong các câu SGK.
- GV chữa bằng cách cho một vài HS đọc → để nhận xét.	- Một vài HS đọc kết quả → HS khác theo dõi nhận xét, bổ sung (nếu cần).
- Sau khi chữa bài → GV cho HS hình thành khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.	* Khái niệm: Khả năng tạo thành cây mới từ các cơ quan sinh dưỡng → sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.
- GV hỏi: Tìm trong thực tế những cây nào có khả năng sinh sản sinh dưỡng tự nhiên? (Nếu HS không tìm được, GV có thể giới thiệu: cây hoa đá, cỏ tranh, cỏ gấu, sài đất... cho HS quan sát mẫu).	
- GV hỏi: Tại sao trong thực tế, tiêu diệt cỏ dại rất khó (nhất là cỏ gấu)? Vậy cần có biện pháp gì và dựa trên cơ sở khoa học nào để diệt hết cỏ dại?	
- Nếu HS không trả lời được, GV nên giải thích rõ.	***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.88 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

- Đối với câu hỏi 4, HS ở thành phố không biết để trả lời thì GV giải thích cho cả lớp biết.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Nhóm chuẩn bị cắm cành rau muống vào cốc, bát đất ẩm.
- Ôn lại bài "Vận chuyển các chất trong thân".

Bài 27 SINH SẢN SINH DƯỠNG DO NGƯỜI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là giâm cành, chiết cành và ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.
- Biết được những ưu việt của hình thức nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thích bộ môn, ham mê tìm hiểu thông tin khoa học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: + Mẫu thật: Cành dâu, ngọn mía, rau muống giâm đã ra rễ.
  + Tư liệu về nhân giống vô tính trong ống nghiệm.
- HS: Cành rau muống cắm trong bát đất, một số địa phương thì có thể có ngọn mía, cành sắn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU GIÂM CÀNH

♦ **Mục tiêu:** HS biết được giâm cành là tách một đoạn thân hoặc cành cây mẹ, cắm xuống đất → cây con.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động độc lập → trả lời câu hỏi SGK. - GV giới thiệu mắt của cành sắn ở dọc cành; cành giâm phải là cành bánh tẻ.	- HS quan sát hình 27.1. Kết hợp với mẫu của mình suy nghĩ trả lời 3 câu hỏi mục ∇ tr.89 SGK. Yêu cầu nêu được: + Cành sắn hút ẩm mọc rễ. + Cắm cành xuống đất ẩm → ra rễ → cây con.
- GV cho HS cả lớp trao đổi kết quả với nhau. - GV lưu ý: câu hỏi 3 nếu HS không trả lời được thì GV phải giải thích: Cành của những cây này có khả năng ra rễ phụ rất nhanh → HS rút ra kết luận.	- Một số HS phát biểu → HS khác nhận xét bổ sung.
- GV hỏi: Những loại cây nào thường áp dụng biện pháp này?	***Kết luận:*** Giâm cành là cắt một đoạn thân, hay cành có đủ mắt, chồi của cây mẹ cắm xuống đất ẩm cho ra rễ → phát triển thành cây mới.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CHIẾT CÀNH

♦ **Mục tiêu:** HS biết cách chiết cành và phân biệt được cây có thể chiết cành.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS hoạt động cá nhân: Quan sát hình SGK trả lời câu hỏi.	- HS quan sát hình 27.2 chú ý các bước tiến hành để chiết. Kết quả tr.90 SGK. - HS vận dụng kiến thức bài "Vận chuyển các chất trong thân" để trả lời câu hỏi 2. - HS cả lớp trao đổi lẫn nhau về đáp án của mình để tìm câu trả lời đúng.
- GV nghe và nhận xét phần trao đổi của lớp nhưng GV phải giải thích thêm về kỹ thuật chiết cành: cắt một đoạn vỏ gồm cả mạch rây để trả lời câu hỏi 2. - GV lưu ý nếu HS không trả lời được câu hỏi 3 thì GV phải giải thích: Cây chậm ra rễ nên phải chiết cành, nếu giâm thì cành chết. - GV cho HS định nghĩa chiết cành. - GV hỏi: Người ta chiết cành với loại cây nào?	***Kết luận:*** Chiết cành là làm cho cành ra rễ ngay trên cây mẹ → cắt đem trồng thành cây mới.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU VỀ GHÉP CÂY

♦ **Mục tiêu:** HS biết các bước ghép mắt ở cây.

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS nghiên cứu SGK thực tr.90 SGK và trả lời câu hỏi. + Em hiểu thế nào là ghép cây? Có mấy cách ghép cây?	- HS đọc mục kết hợp quan sát hình 27.3 trả lời câu hỏi tr.90 SGK. - HS trả lời → HS khác bổ sung.

- GV giúp HS hoàn thiện đáp án.	***Kết luận:*** Ghép cây là dùng mắt, chồi của một cây gắn vào cây khác cùng loại cho tiếp tục phát triển.

Hoạt động 4

NHÂN GIỐNG VÔ TÍNH TRONG ỐNG NGHIỆM

- GV yêu cầu HS đọc SGK trả lời câu hỏi. + Nhân giống vô tính là gì? + Em hãy cho biết thành tựu nhân giống vô tính mà em biết qua phương tiện thông tin?	- HS đọc mục SGK 90 kết hợp quan sát hình 27.4 SGK trả lời câu hỏi.
- GV lưu ý: Nếu HS không biết thành tựu về nhân giống vô tính thì GV phải thông báo như sách GV, hay ví dụ cụ thể: + Từ một của khoai tây trong 8 tháng bằng phương pháp nhân giống vô tính thu được 2000 triệu mầm giống đủ trồng trên 40 ha. + Nhân giống phong lan → cho hàng trăm cây mới.	- Một số HS trình bày → HS khác nhận xét bổ sung. ***Kết luận:*** Nhân giống vô tính là phương pháp tạo nhiều cây mới từ một mô trong thí nghiệm. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV: + HS trả lời câu hỏi 1, 2 cuối bài
  + HS khá giỏi trả lời câu hỏi 4* → GV có thể cho điểm nếu trả lời tốt.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Làm bài tập tr.92 SGK ở nhà → báo cáo kết quả sau 2 → 4 tuần.
- Chuẩn bị: hoa bưởi, hoa râm bụt, hoa loa kèn.

Chương VI

HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH

Bài 28 CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HOA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân biệt được các bộ phận chính của hoa, các đặc điểm cấu tạo và chức năng của từng bộ phận.
- Giải thích được vì sao nhị và nhụy là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích, tách bộ phận của thực vật.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, hoa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Một số hoa: râm bụt, hoa bưởi, hoa loa kèn to, hoa cúc, hoa hồng. Tranh ghép các bộ phận hoa, kính lúp, dao.
- HS: - Một số hoa giống của GV.
  - Kính lúp, dao lam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV cho HS quan sát một số loại hoa và đặt câu hỏi: hoa thuộc loại cơ quan nào? Cấu tạo phù hợp với chức năng như thế nào?

Hoạt động 1

CÁC BỘ PHẬN CỦA HOA

♦ **Tiến hành:**

- GV cho HS quan sát hoa thật → Xác định các bộ phận của hoa. - GV yêu cầu HS đối chiếu hình 28.1 tr.94 SGK → ghi nhớ các bộ phận của hoa.	- HS trong nhóm quan sát hoa bưởi nở, kết hợp với hiểu biết về hoa → xác định các bộ phận của hoa.
- GV cho HS tách hoa để quan sát các đặc điểm về số lượng, màu sắc, nhị, nhụy,...	- Một vài HS cầm hoa của nhóm nhóm khác bổ sung (nếu cần).
- GV đi từng nhóm quan sát các thao tác của HS, giúp đỡ nhóm nào còn lúng túng hay làm chưa đúng, nhắc nhở các nhóm xếp các bộ phận đã tách trên giấy cho gọn gàng và sạch sẽ.	- HS trong nhóm tách hoa đặt lên giấy: đếm số cánh hoa, quan sát màu sắc. + Quan sát nhị: Đếm số nhị, tách riêng một nhị, dùng dao lam cắt ngang bao phấn, dầm nhẹ bao phấn → dùng lúp quan sát hạt phấn.
- GV có thể cho HS tìm đĩa mật (nếu có)	+ Quan sát nhụy: tách riêng nhụy dùng dao cắt ngang bầu kết hợp hình 28.3 94 SGK xem: Nhụy gồm những phần nào? Noãn nằm ở đâu?
- GV cho trao đổi kết quả các nhóm chủ yếu là bộ phận nhị, nhụy. - GV chốt lại kiến thức bằng cách treo tranh giới thiệu hoa, cấu tạo nhị, nhụy.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung cho đầy đủ.

- GV gọi 2 HS lên bàn tách hoa loa kèn và hoa râm bụt trong khi các nhóm khác tách 2 loại hoa này. Sau đó 2 HS trình bày các bộ phận của hoa loa kèn và hoa râm bụt, HS khác theo dõi, nhận xét.	***Kết luận:*** Hoa gồm các bộ phận: bao hoa (đài, tràng), nhị, nhụy. - Bao hoa gồm: đài hoa và tràng hoa. - Nhị gồm: chỉ nhị và bao phấn (chứa hạt phấn) - Nhụy gồm: Đầu, vòi, bầu nhụy, noãn trong bầu nhụy.

Hoạt động 2

CHỨC NĂNG CÁC BỘ PHẬN CỦA HOA

♦ **Mục tiêu:** HS xác định được chức năng của từng bộ phận của hoa: đài, tràng, nhị, nhụy.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân. Nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi SGK.	- HS đọc mục tr.95 SGK, quan sát lại bông hoa trả lời 2 câu hỏi mục ∇ tr.95 SGK.
- GV gợi ý: Tìm xem tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái nằm ở đâu? Chúng thuộc bộ phận nào của hoa? Có còn bộ phận nào của hoa chứa tế bào sinh dục nữa không?	Yêu cầu xác định được: + Tế bào sinh dục đực trong hạt phấn của nhị. + Tế bào sinh dục cái trong noãn của nhụy. + Đài, tràng → bảo vệ nhị, nhụy.
- GV cho HS trong lớp trao đổi kết quả với nhau.	- Một số HS trả lời → HS khác bổ sung.
- GV chốt lại kiến thức như sách GV trang 113. - GV giới thiệu thêm về hoa hồng và hoa cúc cho cả lớp quan sát.	***Kết luận:*** Đài tràng → bảo vệ bộ phận bên trong. Nhị, nhụy → sinh sản duy trì nòi giống. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.95 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV cho HS ghép hoa và ghép nhị, nhụy vào bìa ghép.

a. Ghép hoa

- GV gọi 1 HS lên chọn các bộ phận của hoa rồi gắn vào tấm bìa ghép thành một bông hoa hoàn chỉnh gồm cuống đài, đế, cánh, nhị, nhụy.
- Cho HS khác nhận xét đánh giá → GV cho điểm nếu hoàn chỉnh.

b. Ghép nhị, nhụy

- GV treo tranh câm nhị, nhụy, như hình 28.2 và 28.3.
- GV yêu cầu HS chọn các mẩu giấy có chữ đầu nhụy, vòi nhụy, bầu nhụy, chỉ nhị, bao phấn để gắn vào bên cạnh cho phù hợp.
- HS sẽ nhận xét → GV cho điểm.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK.
- Làm bài tập tr.95 SGK.
- HS chuẩn bị: hoa bí, hoa mướp, hoa râm bụt, hoa loa kèn, hoa huệ, tranh ảnh các loại hoa khác nhau.

Bài 29 CÁC LOẠI HOA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân biệt được 2 loại hoa: hoa đơn tính và hoa lưỡng tính.
- Phân biệt được 2 cách xếp hoa trên cây, biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát so sánh, hoạt động nhóm.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức yêu thích thực vật, bảo vệ hoa và thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Một số mẫu gồm hoa đơn tính và hoa lưỡng tính, hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm, tranh ảnh về hoa.

  HS: + Mang đủ các hoa như dặn dò tiết trước.

  + Kẻ bảng tr.97 SGK vào vở bài tập.

  Xem lại kiến thức về các loại hoa.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

PHÂN CHIA CÁC NHÓM HOA CĂN CỨ VÀO BỘ PHẬN SINH SẢN CHỦ YẾU CỦA HOA

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu các nhóm đặt hoa lên bàn để quan sát, hoàn thành cột 1, 2, 3 ở vở bài tập.	- Từng HS lần lượt quan sát các hoa của nhóm để hoàn thành cột 1, 2, 3 trong bảng ở vở bài tập.
- GV yêu cầu HS chia hoa thành 2 nhóm.	- HS tự phân chia hoa thành 2 nhóm → viết ra giấy.
- GV cho HS cả lớp được thảo luận kết quả. - GV giúp HS sửa bằng cách thống nhất cách phân chia theo bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.	- Một số HS đọc bài của mình → HS khác chú ý bổ sung, nếu không trùng hợp đưa ý kiến riêng → tiếp tục thảo luận. - HS nêu được: Nhóm 1: Có đủ nhị, nhụy. Nhóm 2: Có nhị hoặc có nhụy.
- GV yêu cầu HS làm bài tập dưới bảng SGK.	- HS chọn từ thích hợp hoàn thành bài tập 1 và 2 tr.97 SGK.

- GV cho HS hoàn thiện nốt bảng liệt kê. - GV giúp HS điều chỉnh chỗ còn sai sót. - GV đưa câu hỏi củng cố: Dựa vào bộ phận sinh sản chia thành mấy loại hoa? Thế nào là hoa đơn tính và hoa lưỡng tính? - GV gọi 2 HS lên bảng nhặt riêng những hoa đơn tính và hoa lưỡng tính.	- HS tự điền nốt vào cột của bảng ở vở bài tập. - Một vài HS đọc kết quả cột 4 → HS khác góp ý. ***Kết luận:*** Có 2 loại hoa: Hoa đơn tính chỉ có nhị hoặc nhụy. Hoa lưỡng tính: có cả nhị và nhụy.

Hoạt động 2

PHÂN CHIA CÁC NHÓM HOA DỰA VÀO CÁCH XẾP HOA TRÊN CÂY

- ♦ **Mục tiêu:** HS biết có 2 nhóm: Hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm.
- ♦ **Tiến hành:**

- GV bổ sung thêm một số ví dụ khác về hoa mọc thành cụm như: hoa ngâu, hoa huệ, hoa phượng... bằng mẫu thật hay bằng tranh (đối với hoa cúc, GV nên tách hoa nhỏ ra để HS biết).	- HS đọc mục quan sát hình 29.2 và tranh ảnh hoa sưu tầm để phân biệt 2 cách xếp hoa và nhận biết qua tranh, hoặc mẫu.
- GV hỏi: Qua bài học em biết được điều gì?	- HS trình bày trước lớp → HS khác bổ sung. ***Kết luận:*** Có 2 cách mọc hoa: - Mọc đơn độc. - Mọc thành cụm. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận tr.98 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV sử dụng câu hỏi 1, 2, 3* cuối bài.

V. DẶN DÒ

- Học bài.
- Sưu tầm hoa, tranh ảnh về hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

Bài 30 THỤ PHẤN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phát biểu được khái niệm thụ phấn.
- Nêu được những đặc điểm chính của hoa tự thụ phấn. Phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.
- Nhận biết những đặc điểm chính của hoa thích hợp với lối thụ phấn nhờ sâu bọ.

2. Kỹ năng

Rèn luyện và củng cố các kỹ năng:

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Kỹ năng quan sát mẫu vật, tranh vẽ.
- Kỹ năng sử dụng các thao tác tư duy.

3. Thái độ

Yêu và bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Mẫu vật: hoa tự thụ phấn, hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.
  - Tranh vẽ (to, rõ) cấu tạo hoa bí đỏ.

- Tranh ảnh một số hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

- HS: Mỗi nhóm: + Một loại hoa tự thụ phấn.
  + Một loại hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Tìm hiểu hiện tượng thụ phấn**

- GV giới thiệu hiện tượng thụ phấn.
- Cho HS đọc khái niệm hiện tượng thụ phấn trong SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU HOA TỰ THỤ PHẤN VÀ HOA GIAO PHẤN

♦ **Mục tiêu:**

- Hiểu rõ đặc điểm hoa tự thụ phấn.
- Phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.

♦ **Tiến hành:**

a. Hoa tự thụ phấn	
	- HS tự quan sát hình 30.1 tr.99 SGK (chú ý vị trí của nhị và nhụy) → Suy nghĩ để trả lời câu hỏi. - HS làm ∇ tr.99 SGK (lựa chọn các đặc điểm ghi vào nháp). + Trao đổi câu trả lời tìm được và giải thích. + Các nhóm nhận xét, bổ sung (nếu cần). ***Kết luận:*** Đặc điểm hoa tự thụ phấn: - Hoa lưỡng tính. - Nhị và nhụy chín cùng một lúc.
- Cho HS đọc thông tin và trả lời 2	- HS đọc phần b tr.99.

câu hỏi mục 1b. - Tổ chức thảo luận giữa các nhóm, trao đổi đáp án 2 câu hỏi. - GV kết luận: Thụ phấn bằng cách giao phấn nhờ nhiều yếu tố.	Thảo luận câu trả lời trong nhóm (gợi ý giao phấn là hiện tượng hạt phấn chuyển đến đầu nhụy hoa khác). - Tự bổ sung hoàn thiện đáp án. Yêu cầu kiến thức: + Nêu được đặc điểm là hoa đơn tính, hoặc hoa lưỡng tính có nhị và nhụy không chín cùng một lúc. + Hoa giao phấn thực hiện được nhờ nhiều yếu tố: sâu bọ, gió, người...

Hoạt động 2

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA HOA THỤ PHẤN NHỜ SÂU BỌ

♦ **Mục tiêu:** Nhận biết các đặc điểm hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

♦ **Tiến hành:**

- Hướng dẫn HS quan sát mẫu vật và tranh vẽ để trả lời 4 câu hỏi mục ∇ tr.100 SGK. - Cho HS xem thêm một số tranh ảnh hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. - Hoa có những đặc điểm nào để thu hút sâu bọ?	- HS quan sát vật mẫu + tranh (Chú ý các đặc điểm nhị, nhụy, màu hoa) → suy nghĩa trả lời 4 câu hỏi SGK.
- Tổ chức thảo luận, trao đổi đáp án của các câu hỏi (khuyến khích HS bổ sung sửa chữa cho nhau). - GV có thể cho điểm cá nhân, nhóm làm tốt.	- Các nhóm trình bày kết quả. - HS tự bổ sung và tóm tắt các đặc điểm chính của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. ***Kết luận:*** + Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ có đặc điểm: màu sắc sặc sỡ, mùi thơm. + Đĩa mật nằm ở đáy hoa. + Hạt phấn và đầu nhụy có chất dính.

Kết luận chung: HS đọc phần kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở cuối bài.
- Hãy chọn những loại hoa thụ phấn nhờ sâu bọ trong các hoa của các cây sau: mướp, bí đỏ, hồng, ngô, cỏ dại, huệ.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 tr.100 SGK.
- Tìm một số hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.
- Chuẩn bị cây ngô có hoa, hoa bí ngô, bông, que.

Bài 30 THỤ PHẤN *(Tiếp theo)*

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giải thích được tác dụng của những đặc điểm có ở hoa thụ phấn nhờ gió, so sánh với thụ phấn nhờ sâu bọ.
- Hiểu hiện tượng giao phấn.
- Biết được vai trò của con người từ việc thụ phấn cho hoa để góp phần nâng cao năng suất và phẩm chất cây trồng.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ thiên nhiên.
- Vận dụng kiến thức góp phần thụ phấn cho cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Mẫu vật: + Cây ngô có hoa, hoa bí ngô.

+ Dụng cụ thụ phấn cho hoa.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Ngoài thụ phấn nhờ sâu bọ, hoa còn được thụ phấn nhờ gió và nhờ người.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA HOA THỤ PHẤN NHỜ GIÓ

♦ **Mục tiêu:** Giải thích được tác dụng của những đặc điểm thường có ở hoa thụ phấn nhờ gió.

♦ **Tiến hành:**

- HS quan sát mẫu vật hình 30.3, 30.4 SGK ⇒ tìm câu trả lời.

Yêu cầu: hoa đực ở trên → dễ tung hạt phấn.

- Các nhóm thảo luận, trao đổi hoàn thành phiếu học tập.

Đặc điểm của hoa	*Tác dụng*
Hoa tập trung ở ngọn cây. Bao hoa thường tiêu giảm. Chỉ nhị dài, bao phấn treo lủng lẳng. Hạt phấn nhiều, nhỏ và nhẹ. Đầu nhụy dài, có nhiều lông.	

- 1, 2 nhóm trình bày kết quả → nhóm khác bổ sung.

- Yêu cầu các nhóm so sánh hoa thụ

- HS thảo luận nhóm tập trung các

phấn nhờ gió và hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. - GV chuẩn kiến thức theo SGV (tr.120).	đặc điểm: bao hoa, nhị, nhụy... Trao đổi giữa các nhóm, bổ sung. ***Kết luận:*** Đặc điểm hoa thụ phấn nhờ gió (như phiếu học tập).

Hoạt động 2

ỨNG DỤNG KIẾN THỨC VỀ THỤ PHẤN

- Yêu cầu HS đọc thông tin mục ở phần 4 để trả lời câu hỏi cuối mục.	- HS tự thu thập thông tin bằng cách đọc mục 4, tự tìm câu trả lời.
- Hãy kể những ứng dụng về sự thụ phấn của con người? GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ.	- Yêu cầu nêu được:
+ Khi nào hoa cần thụ phấn bổ sung?	+ Khi thụ phấn tự nhiên gặp khó khăn.
+ Con người đã làm gì để tạo điều kiện cho hoa thụ phấn?	+ Con người nuôi ong, trực tiếp thụ phấn cho hoa.
- GV chốt lại các ứng dụng về sự thụ phấn.	- HS tự rút ra những ứng dụng về sự thụ phấn của con người.
- Con người chủ động thụ phấn cho hoa nhằm: + Tăng sản lượng quả và hạt. + Tạo ra các giống lai mới. - GV đặt câu hỏi củng cố: + Hoa thụ phấn nhờ gió có những đặc điểm gì?	
+ Trong trường hợp nào thụ phấn nhờ người là cần thiết?	***Kết luận chung:*** HS đọc phần kết luận tr.102 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- Cho HS làm bài tập (tr.102) để kiểm tra, GV có thể cho điểm.

- Trả lời câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK (tr.102).
- Hoàn thiện bài tập (tr.102).
- Tập thụ phấn cho hoa.

Bài 31 THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS hiểu được thụ tinh là gì? Phân biệt được thụ phấn và thụ tinh, thấy được mối quan hệ giữa thụ phấn và thụ tinh.
- Nhận biết dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.
- Xác định sự biến đổi các bộ phận của hoa thành quả và hạt sau khi thụ tinh.

2. Kỹ năng

Rèn luyện và củng cố các kỹ năng:

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Kỹ năng quan sát, nhận biết.
- Vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng trong đời sống.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức trồng và bảo vệ cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Tranh phóng to hình 31.1 tr.103 SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Tiếp theo thụ phấn là hiện tượng thụ tinh để dẫn đến kết hạt và tạo quả.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU SỰ THỤ TINH

♦ **Mục tiêu:** HS hiểu rõ thụ tinh là sự kết hợp tế bào sinh dục đực với tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử. Nắm được dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.

♦ **Tiến hành:**

a) Hiện tượng nảy mầm của hạt phấn	
- GV hướng dẫn HS:	
	- HS tự quan sát hình 31.1 + chú thích và đọc thông tin. + Suy nghĩ tìm đáp án câu hỏi. + Phát biểu đáp án bằng cách chỉ trên tranh sự nảy mầm của hạt phấn và đường đi của ống phấn.
G	
	- HS nghe và ghi nhớ kiến thức.
b)	
-	- HS tự đọc thông tin + quan sát hình 31.1.
-	+ Suy nghĩ tìm đáp án các câu hỏi.
+ Sự thụ tinh xảy ra tại phần nào	Yêu cầu đạt được:

của hoa? + Sự thụ tinh là gì? + Tại sao nói sự thụ tinh là dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính?	+ Sự thụ tinh xảy ra ở noãn. + Thụ tinh là sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái → hợp tử. + Dấu hiệu của sinh sản hữu tính là sự kết hợp tế bào sinh dục đực và cái.
- Tổ chức thảo luận trao đổi đáp án.	- Phát biểu đáp án tìm được (khuyến khích HS góp ý bổ sung).
- GV giúp HS hoàn thiện kiến thức và nhấn mạnh sự sinh sản có sự tham gia của tế bào sinh dục đực và cái trong thụ tinh → sinh sản hữu tính.	- HS tự bổ sung để hoàn thiện kiến thức về thụ tinh. ***Kết luận:*** Thụ tinh là quá trình kết hợp tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU SỰ KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ

♦ **Mục tiêu:** HS thấy được sự biến đổi của hoa sau thụ tinh để tạo quả và hạt.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS tự đọc thông tin mục 3 để trả lời câu hỏi cuối mục. - GV giúp HS hoàn thiện đáp án.	- HS tự đọc thông tin SGK→ suy nghĩ trả lời 3 câu hỏi ∇ SGK. + Cho một vài HS trả lời → bổ sung cho nhau. ***Kết luận:*** Sau thụ tinh + Hợp tử → phôi. + Noãn → hạt chứa phôi. + Bầu → quả chứa hạt. + Các bộ phận khác của hoa héo và rụng (một số ít loài cây ở

quả còn dấu tích của một số bộ phận của hoa).

Kết luận chung: Cho HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

HS trả lời câu hỏi:

1. Hãy kể những hiện tượng xảy ra trong sự thụ tinh? Hiện tượng nào là quan trọng nhất?
2. Phân biệt hiện tượng thụ phấn và hiện tượng thụ tinh?
3. Quả do bộ phận nào của hoa tạo thành?

V. DẶN DÒ

- Học và trả lời câu hỏi 1, 2 tr.104 SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Chuẩn bị một số quả theo nhóm: đu đủ, đậu Hà Lan, cà chua, chanh (quất), táo, me, phượng, bằng lăng, lạc ... (vỏ khô).

Chương VII
QUẢ VÀ HẠT

Bài 32 CÁC LOẠI QUẢ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết cách phân chia quả thành các nhóm khác nhau.
- Dựa vào đặc điểm của vỏ quả để chia quả thành hai nhóm chính là quả khô và quả thịt.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, thực hành.
- Vận dụng kiến thức để biết bảo quản, chế biến quả và hạt sau thu hoạch.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Sưu tầm trước một số quả khô và quả thịt khó tìm.
- HS: Chuẩn bị quả theo nhóm (4 - 6 HS)
  + Đu đủ, cà chua, táo, quất...
  + Đậu Hà Lan, me, phượng, bằng lăng...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Cho HS kể quả mang theo và một số quả em biết?
Chúng giống và khác nhau ở những điểm nào?
⇒ Biết phân loại quả sẽ có tác dụng thiết thực trong đời sống.

Hoạt động 1

TẬP CHIA NHÓM CÁC LOẠI QUẢ

♦ **Mục tiêu:** HS tập chia quả thành các nhóm khác nhau theo tiêu chuẩn tự chọn.

♦ **Tiến hành:**

- GV: giao nhiệm vụ cho các nhóm: Đặt quả lên bàn, quan sát kỹ ⇒ xếp thành nhóm.	HS: + Quan sát vật mẫu, lựa chọn đặc điểm để chia quả thành các nhóm + Tiến hành phân chia quả theo đặc điểm nhóm đã chọn.
+ Dựa vào những đặc điểm nào để chia nhóm? - Hướng dẫn HS phân tích các bước của việc phân chia các nhóm quả.	- HS viết kết quả phân chia và đặc điểm dùng để phân chia. Ví dụ: Hình dạng, số hạt, đặc điểm của hạt.
- Yêu cầu một số nhóm trưởng báo cáo kết quả.	- Báo cáo kết quả của các nhóm.
- GV nhận xét sự phân chia của HS → nêu vấn đề: Bây giờ chúng ta học cách chia quả theo tiêu chuẩn được các nhà khoa học định ra.	

Hoạt động 2

CÁC LOẠI QUẢ CHÍNH

♦ **Mục tiêu:** Biết cách phân chia các quả thành nhóm.

♦ **Tiến hành:**

a. Phân biệt quả thịt và quả khô	
- Hướng dẫn HS đọc SGK để biết tiêu chuẩn của hai nhóm quả chính: quả khô, quả thịt.	- HS đọc thông tin SGK để biết tiêu chuẩn của hai nhóm quả chính.
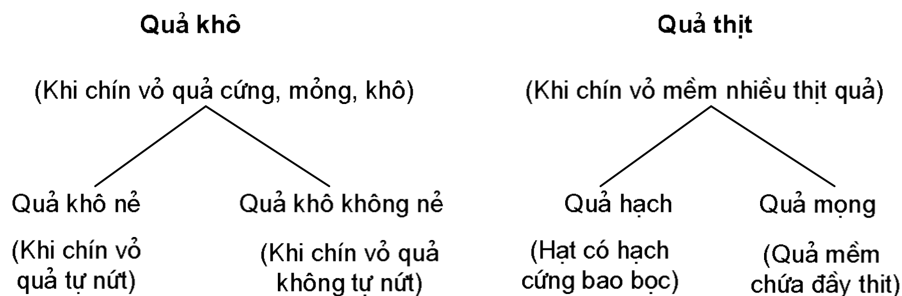
- Yêu cầu HS xếp các quả thành hai nhóm theo tiêu chuẩn đã biết.	- Thực hiện xếp các quả vào hai nhóm theo các tiêu chuẩn: vỏ quả khi chín.
- Gọi các nhóm khác nhận xét về sự xếp loại quả.	- Báo cáo tên quả đã xếp vào hai nhóm.
- Giúp HS điều chỉnh và hoàn thiện việc xếp loại.	- Điều chỉnh việc xếp loại nếu còn ví dụ sai.
b. Phân biệt các loại quả khô	
- Yêu cầu HS quan sát vỏ quả khô khi chín → nhận xét chia quả khô thành hai nhóm. + Ghi lại đặc điểm của từng nhóm quả khô? + Gọi tên hai nhóm quả khô đó?	- HS tiến hành quan sát và phân chia các quả khô thành nhóm. + Ghi lại đặc điểm từng nhóm → Vỏ nẻ và vỏ không nẻ + Đặt tên cho mỗi nhóm quả khô: khô nẻ và khô không nẻ. - Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV giúp HS khắc sâu kiến thức.	- Điều chỉnh việc xếp lại nếu có sai sót, tìm thêm ví dụ.
Kết luận: Quả khô chia thành 2 nhóm: + Quả khô nẻ: khi chín khô vỏ quả có khả năng tách ra. + Quả khô không nẻ: khi chín khô vỏ quả không tự tách ra.	
c. Phân biệt các loại quả thịt Yêu cầu HS đọc thông tin SGK → tìm hiểu đặc điểm phân biệt 2 nhóm quả thịt? GV đi các nhóm theo dõi, hỗ trợ.	- HS đọc thông tin SGK + Quan sát hình 3.21 (quả đu đủ + quả mơ). + Dùng dao cắt ngang quả cà chua, táo. ⇒ Tìm đặc điểm quả mọng và quả hạch. - Báo cáo kết quả.
- GV cho HS thảo luận → tự rút ra kết luận.	- Tự điều chỉnh. Tìm thêm ví dụ ***Kết luận:*** Quả thịt gồm hai nhóm

- GV nên giải thích thêm về quả hạch và yêu cầu HS tìm thêm một số ví dụ về quả hạch.

+ Quả mọng: phần thịt quả dày, mọng nước.
+ Quả hạch: có hạch cứng chứa hạt ở bên trong.

Kết luận chung:

- Cho HS đọc SGK.
- Viết sơ đồ phân loại quả.



IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

1. Nhóm toàn quả khô nẻ
   a) Quả xà cừ, quả bàng, quả bằng lăng.
   b) Quả cải, quả bồ kết, quả lúa.
   c) Quả bông, quả đỗ đen, quả phượng.
2. Nhóm toàn quả hạch
   a) Quả chanh, quả táo ta, quả cà chua.
   b) Quả nhãn, quả mơ, quả nhót.
   c) Quả đào, quả mận, quả mai.

V. PHỤ LỤC

- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Hướng dẫn ngâm hạt đỗ và hạt ngô chuẩn bị bài sau.

Bài 33 HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Kể tên được các bộ phận của hạt.
- Phân biệt được hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.
- Biết cách nhận biết hạt trong thực tế.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh để rút ra kết luận.

3. Thái độ hành vi

Biết cách lựa chọn và bảo quản hạt giống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu vật: + Hạt đỗ đen ngâm nước 1 ngày.
  + Hạt ngô đặt trên bông ẩm trước 3- 4 ngày.
- Tranh câm về các bộ phận hạt đỗ đen và hạt ngô.
- Kim mũi mác, kính lúp cầm tay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Cây xanh có hoa đều do hạt phát triển thành. Vậy cấu tạo của hạt như thế nào? Các loại hạt có giống nhau không?

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT

♦ **Mục tiêu:** Nắm được hạt gồm vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.

♦ **Tiến hành:**

- GV hướng dẫn HS bóc vỏ hai loại hạt: ngô và đỗ đen. Dùng kính lúp quan sát đối chiếu với hình 33.1 và hình 33.2 → tìm đủ các bộ phận của hạt.	- Mỗi HS tự bóc tách 2 loại hạt. - Tìm đủ các bộ phận của mỗi hạt như hình vẽ SGK (thân, rễ, lá, chồi mầm). - HS làm vào bảng tr.108 SGK.

- Sau khi quan sát các nhóm ghi kết quả vào bảng tr.108 SGK. (GV lưu ý hướng dẫn các nhóm chưa bóc tách được). → Cho HS điền vào tranh câm.	- HS lên bảng điền trên tranh câm các bộ phận của mỗi hạt.
GV đặt câu hỏi: Hạt gồm những bộ phận nào?	- HS phát biểu, nhóm bổ sung.
- GV nhận xét và chốt lại kiến thức về các bộ phận của hạt.	***Kết luận:*** Hạt gồm: - Vỏ - Phôi: Lá mầm, Thân mầm, Chồi mầm, Rễ mầm - Chất dinh dưỡng (lá mầm, phôi nhũ).

Hoạt động 2

PHÂN BIỆT HẠT MỘT LÁ MẦM VÀ HẠT HAI LÁ MẦM

♦ **Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.

♦ **Tiến hành:**

- Căn cứ vào bảng tr.108 SGK đã làm ở mục 1 → yêu cầu HS tìm những điểm giống và khác nhau của hạt ngô và hạt đỗ.	- Mỗi HS so sánh, phát hiện điểm giống và khác nhau giữa hai loại hạt → ghi vào bảng ở vở bài tập.
- Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 → tìm ra điểm khác nhau chủ yếu giữa hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm để trả lời câu hỏi.	- Đọc thông tin → tìm điểm khác nhau chủ yếu giữa hai loại: đó là số lá mầm, vị trí chất dự trữ.
GV đặt câu hỏi: Hạt hai một lá mầm khác hạt một lá mầm ở điểm nào?	- Cho HS báo cáo kết quả, lớp tham gia ý kiến bổ sung.

- GV chốt lại đặc điểm cơ bản phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.	- HS tự hoàn thiện kiến thức. ***Kết luận:*** Sự khác nhau chủ yếu của hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm là số lá mầm trong phôi. ***Kết luận chung:*** Gọi HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi 1, 2 cuối bài.

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi 1, 2, 3 tr.109 SGK.
- Làm bài tập (tr. 109).
- Chuẩn bị bài sau:
    + Các loại quả: quả chò, quả ké, quả trinh nữ...
    + Hạt: hạt xà cừ.

Bài 34 PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân biệt được các cách phát tán của quả và hạt.
- Tìm ra những đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát nhận biết.
- Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ và chăm sóc thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 34.1 SGK.
  Mẫu: Quả chò, ké, trinh nữ, bằng lăng, xà cừ, hoa sữa.
- HS: Kẻ phiếu học tập vào vở bài tập.
  Chuẩn bị mẫu như dặn dò bài trước.

BT1	Cách phát tán			
BT2	Tên quả và hạt			
BT3	Đặc điểm thích nghi			

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CÁC CÁCH PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT

♦ **Mục tiêu:** Nắm được ba cách phát tán tự nhiên của quả và hạt, đó là: tự phát tán, nhờ gió, nhờ động vật.

- GV cho HS làm bài tập 1 ở phiếu học tập	- HS đọc nội dung bài tập 1 để cả nhóm cùng biết.
- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thảo luận câu hỏi: Quả và hạt thường được phát tán ra xa cây mẹ, yếu tố nào giúp quả và hạt phát tán được?	- HS trong nhóm bằng những hiểu biết của mình qua quan sát thực tế trao đổi tìm các yếu tố giúp quả và hạt phát tán xa cây mẹ.
- GV ghi ý kiến của nhóm lên bảng, nghe bổ sung và chốt lại có 3 cách phát tán: tự phát tán, nhờ gió, nhờ động vật.	- Đại diện 1 → 3 nhóm trả lời → nhóm khác bổ sung.

- GV yêu cầu HS làm bài tập 2 ở phiếu bài tập.	- HS từng nhóm tự ghi tên quả hạt → trao đổi trong nhóm.
- GV gọi 1 → 3 HS đọc bài tập 2→ HS khác góp ý (GV lưu ý chưa cần chữa bài tập 2).	- 1→ 3 HS đọc bài tập 2.
- GV hỏi: Quả và hạt có những cách phát tán nào?	***Kết luận:*** Có ba cách phát tán quả và hạt: tự phát tán, phát tán nhờ gió, nhờ động vật.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM THÍCH NGHI VỚI CÁCH PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT

- **Mục tiêu:** phát hiện được đặc điểm chủ yếu của quả và hạt phù hợp với từng cách phát tán.
- **Tiến hành:**

-	- Hoạt động nhóm:
-	+ Chia các quả, hạt thành 3 nhóm theo cách phát tán. + Mỗi cá nhân trong nhóm quan sát đặc điểm bên ngoài của quả hạt. + Suy nghĩ trao đổi trong nhóm tìm đặc điểm phù hợp với cách phát tán. - HS trong nhóm trao đổi tìm đặc điểm phù hợp với cách phát tán.
-	- Đại diện nhóm trình bày → nhóm khác nghe và bổ sung. - Đại diện 1 → 2 nhóm đọc lại đáp án đúng → cả lớp ghi nhớ.
- kiến đúng cho những đặc điểm	- HS dựa vào các đặc điểm thích nghi để kiểm tra lại quả và hạt,

thích nghi với mỗi cách phát tán → giúp HS hoàn thiện nốt.

- GV cho HS chữa bài tập 2: Kiểm tra xem các quả và hạt đã phù hợp với cách phát tán chưa.
- GV cho HS tìm thêm một số quả và hạt khác phù hợp với các cách phát tán.
- GV hỏi: Hãy giải thích hiện tượng quả dưa hấu trên đảo của Mai An Tiêm?
- GV hỏi: Ngoài các cách phát tán trên còn cách phát tán nào?
- Nếu HS không trả lời được thì GV gợi ý: Như ở Việt Nam có giống hoa của các nước khác, vậy vì sao có được.

(GV thông báo: Quả và hạt có thể phát tán nhờ nước hay nhờ người...)

BT1	Cách phát tán	Phát tán nhờ gió	Phát tán nhờ động vật	Tự phát tán
BT2	và hạt	Quả chò, quả trâm bầu, quả bồ công anh, hạt hoa sữa	Quả sim, quả ổi, quả dưa hấu, quả ké, trinh nữ	Quả các cây họ đậu, xà cừ, bằng lăng
BT3	Đặc điểm thích nghi	Quả có cánh hoặc túm lông nhẹ	Quả có hương thơm, vị ngọt, hạt có vỏ cứng. Quả có nhiều gai góc bám	Vỏ quả tự nứt để hạt tung ra ngoài

nếu đúng thì chuyển sang nhóm khác.

- HS tự hoàn chỉnh bài tập của mình theo phiếu mẫu.

GV hỏi thêm: + Tại sao nông dân thường thu hoạch đỗ khi quả mới già? + Sự phát tán có lợi gì cho thực vật và con người?	***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm như sách GV để kiểm tra → cho điểm 1 → 5 HS.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị thí nghiệm:
  Tổ 1: Hạt đỗ đen trên bông ẩm.
  Tổ 2: Hạt đỗ đen trên bông khô.
  Tổ 3: Hạt đỗ đen ngâm ngập trong nước.
  Tổ 4: Hạt đỗ đen trên bông ẩm đặt trong tủ lạnh.

Bài 35 NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Thông qua thí nghiệm HS phát hiện ra các điều kiện cần cho hạt nảy mầm.
- Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kỹ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng thiết kế thí nghiệm, thực hành.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- HS làm thí nghiệm trước ở nhà. Theo phần dặn dò bài trước.
- Kẻ bản tường trình theo mẫu tr.113 SGK vào vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

THÍ NGHIỆM VỀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM

♦ **Mục tiêu:** Qua thí nghiệm HS thấy được khi hạt nảy mầm cần đủ nước, không khí, nhiệt độ thích hợp.

♦ **Tiến hành:**

Thí nghiệm 1: (làm ở nhà)	
- GV yêu cầu HS ghi kết quả thí nghiệm 1 vào bản tường trình.	- HS làm thí nghiệm 1 ở nhà; điền kết quả thí nghiệm vào bản tường trình.
- Gọi các tổ báo cáo kết quả → GV ghi lên bảng.	- Chú ý phân biệt hạt nảy mầm với hạt chỉ nứt vỏ khi no nước.
- GV yêu cầu HS:	- HS thảo luận trong nhóm để tìm câu trả lời.
+ Tìm hiểu nguyên nhân hạt nảy mầm và không nảy mầm được? + Hạt nảy mầm cần những điều kiện gì?	Yêu cầu nêu được: Hạt không nảy mầm vì thiếu nước, thiếu không khí.
- Tổ chức thảo luận trên lớp, khuyến khích HS nhận xét bổ sung.	- Đại diện một số nhóm trình bày → nhóm khác bổ sung.
Thí nghiệm 2:	

- GV yêu cầu HS nghiên cứu thí nghiệm 2 SGK trả lời câu hỏi mục ∇. - GV yêu cầu HS đọc mục trả lời câu hỏi: Ngoài 3 điều kiện trên sự nảy mầm của hạt còn phụ thuộc yếu tố nào? - GV chốt lại các điều kiện cần cho hạt nảy mầm → HS ghi nhớ.	- HS đọc nội dung thí nghiệm, yêu cầu nêu được điều kiện: Nhiệt độ - HS đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi. Yêu cầu nêu được: Chất lượng hạt giống (điều kiện bên trong). ***Kết luận:*** Hạt nảy mầm cần: - Điều kiện ngoại cảnh: đủ nước, không khí và nhiệt độ thích hợp. - Điều kiện của hạt: hạt chắc, còn phôi, không bị sâu mọt.

Hoạt động 2

VẬN DỤNG KIẾN THỨC VÀO SẢN XUẤT

♦ **Mục tiêu:** HS giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK → tìm cơ sở khoa học của mỗi biện pháp. - GV cho các nhóm trao đổi thống nhất cơ sở khoa học của mỗi biện pháp.	- HS đọc nội dung mục , thảo luận theo nhóm từng nội dung (chú ý vận dụng các điều kiện nảy mầm của hạt). - Thông qua thảo luận → rút ra được cơ sở khoa học của từng biện pháp. ***Kết luận:*** Gieo hạt bị mưa to ngập úng → tháo nước để thoáng khí. + Phải bảo quản tốt hạt giống → vì hạt đủ phôi mới nảy mầm được. + Làm đất tơi xốp → đủ không khí hạt nảy mầm tốt. + Phủ rơm khi trời rét → giữ nhiệt độ thích hợp. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS trả lời câu hỏi 3 ngay tại lớp → HS nào trả lời tốt thì GV cho điểm.
- GV hỏi: Hạt nảy mầm cần những điều kiện nào?

V. DẶN DÒ

- Học bài trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục "Em có biết".
- Ôn lại kiến thức các chương I → Chương VII.

Bài 36 TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA

I. CÂY LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hệ thống hoá kiến thức về cấu tạo và chức năng chính các cơ quan của cây xanh có hoa.
- Tìm được mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và các bộ phận của cây tạo thành cơ thể toàn vẹn.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng nhận biết, phân tích, hệ thống hoá.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế trong trồng trọt.

3. Thái độ

Yêu và bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- GV:
  + Tranh phóng to hình 36.1 SGK.
  + 6 mảnh bìa, mỗi mảnh viết tên một cơ quan của cây xanh.
  + 12 mảnh bìa nhỏ, mỗi mảnh ghi một số hoặc chữ: a, b, c, d, e, g, 1, 2, 3, 4, 5, 6.
- HS:
  + Vẽ hình 36.1 SGK vào vở bài tập.
  + Ôn lại kiến thức về cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cây.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU SỰ THỐNG NHẤT GIỮA CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA MỖI CƠ QUAN Ở CÂY CÓ HOA

♦ **Mục tiêu:** Phân tích làm nổi bật mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của từng cơ quan.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS nghiên cứu bảng cấu tạo và chức năng (Tr.116) → làm bài tập ∇ tr.116 SGK.	- HS đọc bảng cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan → lựa chọn mục tương ứng giữa cấu tạo và chức năng ghi vào sơ đồ cây có hoa ở vở bài tập (điền số 1, 2, 3... và chữ a, b, c...).
- GV treo tranh câm (hình 36.1) → gọi HS lần lượt điền: + Tên các cơ quan của cây có hoa. + Đặc điểm cấu tạo chính (điền chữ). + Các chức năng chính (điền số).	- HS lên điền tranh câm (chú ý đối tượng HS trung bình) → Bổ sung hoàn chỉnh tranh câm.

- Từ tranh hoàn chỉnh GV đưa câu hỏi: + Các cơ quan sinh dưỡng có cấu tạo như thế nào? Có chức năng gì? + Các cơ quan sinh sản có cấu tạo và chức năng như thế nào? + Nhận xét về mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan?	- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. + Thảo luận trong nhóm để cùng tìm ra mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan. + Trao đổi toàn lớp. Tự bổ sung và rút ra kết luận.
- GV cho HS các nhóm trao đổi rút ra kết luận.	***Kết luận:*** Cây có hoa có nhiều cơ quan, mỗi cơ quan đều có cấu tạo phù hợp với chức năng riêng của chúng.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU SỰ THỐNG NHẤT VỀ CHỨC NĂNG GIỮA CÁC CƠ QUAN Ở CÂY CÓ HOA

♦ **Mục tiêu:** Phát hiện được mối quan hệ chặt chẽ về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS đọc thông tin ∇ ở mục 2 → suy nghĩ để trả lời câu hỏi: + Những cơ quan nào của cây có mối quan hệ chặt chẽ với nhau về chức năng (thông tin thứ nhất). + Lấy ví dụ chứng minh khi hoạt động của một cơ quan được tăng cường hay giảm đi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan khác: GV gợi ý: nếu rễ cây không hút nước thì lá sẽ không quang hợp được.	- HS đọc thông tin tr.117 SGK → thảo luận nhóm → trả lời câu hỏi bằng cách lấy ví dụ cụ thể như quan hệ giữa rễ, thân, lá. - Một số nhóm trình bày kết quả ⇒ nhóm khác bổ sung. ***Kết luận:*** Các cơ quan của cây xanh liên quan mật thiết và ảnh hưởng tới nhau. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận chung SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Cho HS giải ô chữ tr.118 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận SGK.
- Trả lời câu hỏi: 1, 2, 3 tr.117 SGK.
- Tìm hiểu đời sống cây ở nước, sa mạc, ở nơi lạnh.

Bài 36 TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA *(Tiếp theo)*

II. CÂY VỚI MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nắm được giữa cây xanh và môi trường có mối liên quan chặt chẽ. Khi điều kiện sống thay đổi thì cây xanh biến đổi thích nghi với đời sống.
- Thực vật thích nghi với điều kiện sống nên nó phân bố rộng rãi.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh phóng to hình 36.2.
- Mẫu: cây bèo tây.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CÁC CÂY SỐNG DƯỚI NƯỚC

- GV thông báo những cây sống ở nước chịu một số ảnh hưởng của môi trường như SGK. - Yêu cầu HS quan sát hình 36.2 (chú ý đến vị trí của lá) → trả lời các câu hỏi ∇ ở mục 1.	- HS hoạt động theo nhóm. Từng nhóm thảo luận theo câu hỏi ∇ tr.119.
+ Nhận xét hình dạng lá ở các vị trí trên mặt nước chìm trong nước?	+ Giải thích sự biến đổi hình dạng lá khi ở các vị trí trên mặt nước, chìm trong nước.
+ Cây bèo tây có cuống lá phình to, xốp → có ý nghĩa gì? So sánh cuống lá khi cây sống trôi nổi và khi sống trên cạn?	+ Các nhóm khác bổ sung. ⇒ Lá biến đổi để thích nghi với môi trường sống trôi nổi → rút ra ý nghĩa. ⇒ Chứa không khí giúp cây nổi.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CÁC CÂY SỐNG TRÊN CẠN

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi ∇ tr.20.	- HS đọc thông tin trả lời câu hỏi ở mục ∇ tr.120 SGK.
Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: + Ở nơi khô hạn, vì sao rễ lại ăn sâu, lan rộng? + Lá cây ở nơi khô hạn có lông sáp có tác dụng gì? + Vì sao cây mọc trong rừng rậm thường vươn cao?	- HS suy nghĩ tìm câu trả lời → giải thích. Yêu cầu: + Rễ ăn sâu: tìm nguồn nước, lan rộng: hút sương đêm. + Lông sáp: Giảm sự thoát hơi nước.

	+ Rừng rậm: ít ánh sáng → cây vươn cao để nhận được ánh sáng. Đồi trống: đủ ánh sáng → phân cành nhiều.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CÂY SỐNG TRONG NHỮNG MÔI TRƯỜNG ĐẶC BIỆT

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK → trả lời: + Thế nào là môi trường sống đặc biệt? + Kể tên những cây sống ở những môi trường này? + Phân tích đặc điểm phù hợp với môi trường sống ở những cây này?	- HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 36.4 → thảo luận trong nhóm giải thích các hiện tượng trên. → Gọi 1 - 2 nhóm → các nhóm bổ sung hoàn thiện kiến thức.
→ Yêu cầu HS rút ra nhận xét chung về sự thống nhất giữa cơ thể và môi trường?	- HS nhắc lại nhận xét ở 3 hoạt động. ***Kết luận chung:*** Đọc SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Cây sống ở các môi trường khác nhau có cấu tạo như thế nào để thích nghi?
- Giải thích hiện tượng hạt của cây sú, vẹt nảy mầm ngay trên cây mẹ.

V. DẶN DÒ

- Học bài theo câu hỏi SGK.
- Tìm hiểu thêm sự thích nghi của một số cây xanh quanh nhà.
- Đọc "Em có biết".

Chương VIII
CÁC NHÓM THỰC VẬT

Bài 37 TẢO

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu rõ được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp.
- Tập nhận biết một số tảo thường gặp.
- Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu tảo xoắn để trong cốc thủy tinh.
- Tranh tảo xoắn, rong mơ.
- Tranh một số tảo khác.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở đầu:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CẤU TẠO CỦA TẢO

a. Quan sát tảo xoắn (Tảo nước ngọt)

♦ **Mục tiêu:** Thấy được tảo xoắn có cấu tạo đơn giản là một sợi gồm nhiều tế bào.

♦ **Tiến hành:**

- GV giới thiệu mẫu tảo xoắn và nơi sống.	- Các nhóm HS quan sát mẫu tảo xoắn bằng mắt và bằng tay, nhận dạng tảo xoắn ngoài tự nhiên.
- Hướng dẫn HS quan sát một sợi tảo phóng to trên tranh → trả lời câu hỏi: + Mỗi sợi tảo xoắn có cấu tạo như thế nào? + Vì sao tảo xoắn có màu lục?	- HS quan sát kỹ tranh → cho một vài em nhận xét cấu tạo tảo xoắn về: + Tổ chức cơ thể; + Cấu tạo tế bào; + Màu sắc của tảo.
- GV giảng giải về: + Tên gọi của tảo xoắn do chất nguyên sinh có dải xoắn chứa diệp lục. + Cách sinh sản của tảo xoắn: Sinh sản sinh dưỡng và tiếp hợp.	
- GV chốt lại vấn đề bằng câu hỏi: Nêu đặc điểm cấu tạo của tảo xoắn?	- Gọi một vài HS phát biểu → rút ra kết luận. ***Kết luận:*** Cơ thể tảo xoắn là một sợi gồm nhiều tế bào hình chữ nhật.

b. Quan sát rong mơ (Tảo nước mặn)

♦ **Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm bên ngoài của rong mơ.

♦ **Tiến hành:**

- GV giới thiệu môi trường sống của rong mơ.	

- Hướng dẫn quan sát tranh rong mơ, trả lời câu hỏi: + Rong mơ có cấu tạo như thế nào? + So sánh hình dạng ngoài rong mơ với cây bàng. → Tìm các đặc điểm giống và khác nhau? + Vì sao rong mơ có màu nâu? - GV giới thiệu cách sinh sản của rong mơ.	- HS quan sát tranh → tìm các điểm giống và khác nhau giữa rong mơ và cây bàng). Gợi ý: Giống: Hình dạng giống một cây. Khác: Chưa có rễ, thân, lá thật sự.
⇒ Rút ra nhận xét: Thực vật bậc thấp có đặc điểm gì?	- HS căn cứ vào cấu tạo rong mơ và tảo xoắn → trao đổi nhóm rút ra kết luận.
- Tổ chức thảo luận chung cả lớp → giúp HS hoàn thiện câu trả lời.	- Thảo luận lớp → tìm ra đặc điểm chung của tảo. ***Kết luận:*** - Tảo là thực vật bậc thấp có cấu tạo đơn giản, có diệp lục, chưa có rễ, thân, lá thực sự.

Hoạt động 2

MỘT VÀI TẢO KHÁC THƯỜNG GẶP

- Sử dụng tranh → giới thiệu một số tảo khác.	- HS quan sát: Tảo đơn bào, tảo đa bào.
- Yêu cầu HS đọc thông tin tr.124 SGK → rút ra nhận xét hình dạng của tảo? Qua hoạt động 1 và 2 có nhận xét gì về tảo nói chung.	- HS nhận xét sự đa dạng của tảo về: hình dạng, cấu tạo, màu sắc. → Nêu được: Tảo là thực vật bậc thấp, có một hay nhiều tế bào.

Hoạt động 3

VAI TRÒ CỦA TẢO

♦ **Mục tiêu:** Nắm được vai trò chung của tảo trong nước.

♦ **Tiến hành:**

+ Tảo sống ở nước có lợi gì? + Với đời sống con người tảo có lợi gì? + Khi nào tảo có thể gây hại?	- bổ sung cho nhau. → Nêu được vai trò của tảo trong tự nhiên và trong đời sống con người. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV có thể chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm để đánh giá nhanh: Đánh dấu × vào cho ý trả lời đúng trong các câu sau:

1. Cơ thể của tảo có cấu tạo:
   a. Tất cả đều là đơn bào.
   b. Tất cả đều là đa bào.
   c. Có dạng đơn bào và đa bào.

   Đáp án: c.

2. Tảo là thực vật bậc thấp vì:
   a. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.
   b. Sống ở nước.
   c. Chưa có rễ, thân, lá.

   Đáp án: c.

(Có thể cho HS đánh giá lẫn nhau, GV thống kê nhanh).

V. DẶN DÒ

- Học kết luận SGK.
- Trả lời câu hỏi: 1, 2, 3, 5 tr.125 SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Chuẩn bị: + Mẫu cây rêu.
  + Kính lúp cầm tay.

Bài 38 RÊU - CÂY RÊU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- HS nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của rêu, phân biệt rêu với tảo và cây có hoa.
- Hiểu được rêu sinh sản bằng gì và túi bào tử cũng là cơ quan sinh sản của rêu.
- Thấy được vai trò của rêu trong tự nhiên.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức yêu thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Vật mẫu: Cây rêu (có cả túi bào tử).
- Tranh phóng to cây rêu và cây rêu mang túi bào tử.
- Kính lúp cầm tay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV giới thiệu rêu là nhóm thực vật lên cạn đầu tiên, cơ thể có cấu tạo đơn giản.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA RÊU

HS phát biểu nơi sống của rêu, đặc điểm bên ngoài ⇒ Nhận xét: rêu sống nơi đất ẩm.

Hoạt động 2

QUAN SÁT CÂY RÊU

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được các bộ phận của cây rêu và đặc điểm chính của mỗi bộ phận.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát cây rêu và đối chiếu hình 38.1 → nhận thấy những bộ phận nào của cây? - Tổ chức thảo luận trên lớp.	- HS hoạt động theo nhóm + Tách rời 1-2 cây rêu → quan sát bằng kính lúp. + Quan sát đối chiếu tranh cây rêu. - Phát hiện các bộ phận của cây rêu.
- Cho HS đọc đoạn tr.126 → GV giảng giải: Rễ giả → có khả năng hút nước. Thân, lá chưa có mạch dẫn ⇒ sống được ở nơi ẩm ướt.	- Gọi 1 - 2 nhóm trả lời → các nhóm bổ sung.
- Yêu cầu so sánh rêu với rong mơ và cây bàng → trả lời câu hỏi: Tại sao rêu xếp vào nhóm thực vật bậc cao? (HS có thể phát biểu lộn xộn → GV tổng kết lại cho có hệ thống).	⇒ HS tự rút ra những đặc điểm chính trong cấu tạo cây rêu. ***Kết luận:*** + Thân ngắn, không phân cành. + Lá nhỏ mỏng. + Rễ giả có khả năng hút nước. + Chưa có mạch dẫn.

Hoạt động 3

TÚI BÀO TỬ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA RÊU

♦ **Mục tiêu:** Biết được rêu sinh sản bằng bào tử và túi bào tử là cơ quan sinh sản nằm ở ngọn cây.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS quan sát tranh cây rêu có túi bào tử → phân biệt các phần của túi bào tử.	- Quan sát tranh theo hướng dẫn của GV → rút ra nhận xét: Túi bào tử có 2 phần: mũ ở trên, cuống ở dưới; trong túi có bào tử.

- Yêu cầu HS quan sát tiếp hình 38.2 và đọc đoạn tr.127 → trả lời câu hỏi: + Cơ quan sinh sản của rêu là bộ phận nào? + Rêu sinh sản bằng gì? + Trình bày sự phát triển của rêu?	- HS dựa vào hình 38.2 SGK. Thảo luận trong nhóm tìm câu trả lời. + Bổ sung cho nhau→ rút ra kết luận. ***Kết luận:*** + Cơ quan sinh sản của rêu là túi bào tử. + Rêu sinh sản bằng bào tử. + Bào tử gặp đất ẩm nảy mầm thành cây rêu con.

Hoạt động 4

VAI TRÒ CỦA RÊU

- Yêu cầu HS đọc đoạn mục 4 → trả lời câu hỏi: Rêu có lợi ích gì? - GV giảng giải thêm: + Hình thành đất + Tạo than.	- HS tự rút ra vai trò của rêu. ***Kết luận chung:*** Gọi HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:
  Cơ quan sinh dưỡng của cây rêu gồm có.............., chưa có......... thật sự. Trong thân và lá rêu chưa có..........Rêu sinh sản bằng......... được chứa trong........., cơ quan này nằm ở............cây rêu.
  (Đáp án lần lượt từ cần điền: Thân, lá, rễ, mạch dẫn, bào tử, túi bào tử, ngọn).
- HS tự đánh giá theo đáp án → GV thống kê nhanh kết quả.

V. DẶN DÒ

1. Học kết luận SGK.
2. Trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 (tr.127 SGK).
3. Chuẩn bị cây dương xỉ.

Bài 39 QUYẾT - CÂY DƯƠNG XỈ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của dương xỉ.
- Biết cách nhận dạng một cây thuộc dương xỉ.
- Nói rõ được nguồn gốc hình thành các mỏ than đá.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ

Yêu và bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu vật: Cây dương xỉ.
- Tranh cây dương xỉ, tranh hình 39.2 SGK phóng to.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

QUAN SÁT CÂY DƯƠNG XỈ

phát biểu nơi sống của dương xỉ.

a. Quan sát cơ quan sinh dưỡng

♦ **Mục tiêu:** Nêu được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu: Quan sát cây dương xỉ → trả lời câu hỏi: + Cơ quan sinh dưỡng của cây dương xỉ có cấu tạo như thế nào? + Hãy so sánh với cây rêu, tìm đặc điểm tiến hoá.	- HS hoạt động nhóm: + Quan sát từng bộ phận của cây dương xỉ, chú ý lá non. + Ghi phiếu học tập: đại diện 1 → 3 nhóm trình bày nội dung phiếu.

- GV chữa phiếu học tập trên bảng.
- GV lưu ý HS dễ nhầm lẫn cuống của lá già với thân.

PHIẾU HỌC TẬP

Rêu	***Dương xỉ***
Rễ: - Sợi có khả năng hút (rễ giả)	- Rễ thật.
Thân: - Nhỏ, không phân cành.	- Hình trụ nằm ngang.
Lá: - Nhỏ, 1 đường gân.	- Lá già: cuống lá dài, phiến lá xẻ thùy. - Lá non: Đầu cuộn tròn có lông trắng.
Mạch dẫn: - Chưa có.	- Chính thức

b. Quan sát túi bào tử và sự phát triển của cây dương xỉ.

♦ **Mục tiêu:** Nắm được:

+ Đặc điểm của túi bào tử.

+ Điểm sai khác trong quá trình phát triển của dương xỉ so với rêu.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS lật mặt dưới lá già → tìm túi bào tử.
- Yêu cầu quan sát hình 39.2, đọc kĩ chú thích trả lời câu hỏi:
  + Vòng cơ có tác dụng gì?
  + Cơ quan sinh sản và sự phát triển của bào tử?
  → So sánh với rêu.

- HS quan sát kỹ hình 39.2 SGK ghi câu trả lời ra nháp.
+ Làm bài tập: điền vào chỗ trống những từ thích hợp.

Mặt dưới lá dương xỉ có những đốm chứa.......

- GV gợi ý cho học sinh phát biểu → hoàn chỉnh đoạn câu trên. (Đáp án: Túi bào tử, đẩy bào tử bay ra, nguyên tản, cây dương xỉ con, bào tử, nguyên tản.

Vách túi bào tử có một vòng cơ màng tế bào dày lên rất rõ, vòng cơ có tác dụng....... khi túi bào tử chín. Bào tử rơi xuống đất sẽ nảy mầm và phát triển thành...... rồi từ đó mọc ra.....

- GV cho HS đọc lại đoạn bài tập đã hoàn chỉnh. → Rút ra kết luận.	- Dương xỉ sinh sản bằng...... như rêu, nhưng khác rêu ở chỗ có...... do bào tử phát triển thành. ***Kết luận:*** Dương xỉ sinh sản bằng bào tử, cơ quan sinh sản là túi bào tử.

Hoạt động 2

QUAN SÁT MỘT VÀI LOẠI DƯƠNG XỈ THƯỜNG GẶP

- Quan sát cây rau bợ, cây lông cu li ⇒ Rút ra: + Nhận xét đặc điểm chung. + Nêu đặc điểm nhận biết một cây thuộc dương xỉ.	- Phát biểu nhận xét về: + Sự đa dạng hình thái. + Đặc điểm chung. - Tập nhận biết một cây thuộc dương xỉ (căn cứ lá non).

Hoạt động 3

QUYẾT CỔ ĐẠI VÀ SỰ HÌNH THÀNH THAN ĐÁ

hình thành như thế nào?	HS nghiên cứu thông tin → nêu lên nguồn gốc của than đá từ dương xỉ cổ. ***Kết luận chung:*** - Cho HS phát biểu nhận xét thu được qua bài học về cây dương xỉ. - Đọc kết luận tr.131 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Hãy đánh dấu (×) vào câu trả lời đúng nhất.

1. Cây dương xỉ tiến hoá hơn cây rêu ở đặc điểm:

- ☐ a) Lá có lá diệp lục.
- ☐ b) Có mạch dẫn.
- ☐ c) Thân nằm ngang.

Đáp án b.

2. Cây Dương xỉ khác cây xanh có hoa ở đặc điểm:

- ☐ a) Có rễ, thân, lá thật.
- ☐ b) Sinh sản bằng bào tử.
- ☐ c) Có mạch dẫn.

Đáp án b

3. Nhận biết một cây thuộc nhóm quyết?

- ☐ a) Rễ chùm.
- ☐ b) Thân nhỏ, mềm.
- ☐ c) Lá non cuộn tròn có lông trắng

Đáp án c

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Chuẩn bị cành thông, nón thông.

Bài 40 HẠT TRẦN - CÂY THÔNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thông.
- Phân biệt sự khác nhau giữa nón và hoa.
- Nêu được sự khác nhau cơ bản giữa cây hạt trần với cây có hoa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu vật: cành thông có nón.
- Tranh: cành thông mang nón, sơ đồ cắt dọc nón đực và nón cái.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

QUAN SÁT CƠ QUAN SINH DƯỠNG CỦA CÂY THÔNG

♦ **Mục tiêu:** Nêu được đặc điểm bên ngoài của thân, cành, lá.

♦ **Tiến hành:**

GV giới thiệu qua về cây thông.	- HS làm việc theo nhóm.
- Hướng dẫn HS quan sát cành lá thông như sau: + Đặc điểm thân cành? Màu sắc? + Lá: hình dạng, màu sắc Nhổ cành con → quan sát cách mọc lá? (chú ý vảy nhỏ ở gốc lá)	+ Từng nhóm tiến hành quan sát cành, lá thông. → Ghi đặc điểm ra nháp.
- GV thông báo rễ to khoẻ, mọc sâu. → Cho lớp thảo luận hoàn thiện kết luận.	+ Gọi 1 - 2 nhóm phát biểu → bổ sung rút ra kết luận: ***Kết luận:*** + Thân cành màu nâu, xù xì (cành có vết sẹo khi lá rụng). + Lá nhỏ hình kim, mọc từ 2 - 3 chiếc trên một cành con rất ngắn.

Hoạt động 2

QUAN SÁT CƠ QUAN SINH SẢN (NÓN)

♦ **Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm cấu tạo của nón.

♦ **Tiến hành:**

Vấn đề 1: Cấu tạo nón đực, nón cái. - GV thông báo có hai loại nón: nón đực và nón cái. - Yêu cầu HS: + Xác định vị trí nón đực và nón cái trên cành?	- HS quan sát mẫu vật → đối chiếu hình 40.2 SGK → trả lời hai câu hỏi.

+ Đặc điểm của hai loại nón (số lượng, kích thước của hai loại).	+ Đối chiếu câu trả lời với thông tin nón đực, nón cái → tự điều chỉnh kiến thức.
- Yêu cầu quan sát sơ đồ cắt dọc nón đực và nón cái trả lời câu hỏi: + Nón đực có cấu tạo như thế nào? + Nón cái có cấu tạo như thế nào? - GV bổ sung, hoàn chỉnh kết luận.	- HS quan sát kỹ sơ đồ + chú thích → trả lời hai câu hỏi. + Thảo luận nhóm → rút ra kết luận ***Kết luận:*** *Nón đực:* + Nhỏ, mọc thành cụm. + Vảy (nhị) mang hai túi phấn chứa hạt phấn. *Nón cái:* + Lớn, mọc riêng lẻ. + Vảy (lá noãn) mang hai noãn.
Vấn đề 2: So sánh hoa và nón. - Yêu cầu so sánh cấu tạo hoa và nón (Điền bảng tr.133 SGK). + Thảo luận: Nón khác hoa ở đặc điểm nào?	- HS tự làm bài tập điền bảng → gọi 1-2 em phát biểu. + Căn cứ vào bảng hoàn chỉnh → phân biệt nón với hoa. + Thảo luận nhóm → rút ra kết luận.
→ GV bổ sung → giúp HS hoàn chỉnh kết luận.	***Kết luận:*** Nón chưa có bầu nhụy chứa noãn → không thể coi như một hoa.
Vấn đề 3: * Quan sát một nón cái đã phát triển. - Yêu cầu HS quan sát một nón thông và tìm hạt: + Hạt có đặc điểm gì? Nằm ở đâu? + So sánh tính chất của nón với quả bưởi? + Tại sao gọi thông là cây hạt trần?	- HS thảo luận → ghi câu trả lời ra nháp. + Thảo luận giữa các nhóm → rút ra kết luận. ***Kết luận:*** Hạt nằm trên lá noãn hở (hạt trần), nó chưa có quả thật sự.

Hoạt động 3

GIÁ TRỊ CỦA CÂY HẠT TRẦN

- GV đưa một số thông tin về một số cây hạt trần khác cùng giá trị của chúng.	- HS nêu được các giá trị thực tiễn của các cây thuộc ngành hạt trần. ***Kết luận chung:*** Cho HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi 1, 2 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận, trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Chuẩn bị: cành bưởi, lá đơn, lá kép, quả cam, rễ hành, rễ cải, hoa huệ, hoa hồng.

Bài 41 HẠT KÍN - ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phát hiện được những tính chất đặc trưng của cây hạt kín là có hoa và quả với hạt được giấu kín trong quả. Từ đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa cây Hạt kín và cây Hạt trần.
- Nêu được sự đa dạng của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cây Hạt kín.
- Biết cách quan sát một cây Hạt kín.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát.
- Kỹ năng khái quát hoá.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ cây xanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu vật: các cây Hạt kín nếu nhỏ nhổ cả cây, nếu là cây to thì cắt một cành (cần có cả cơ quan sinh sản). Một số quả.
- Kính lúp cầm tay, kim nhọn, dao con.
- HS kẻ bảng trống theo mẫu tr.135 SGK vào vở bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

QUAN SÁT CÂY CÓ HOA

♦ **Yêu cầu:** Biết cách quan sát một cây hạt kín.

♦ **Tiến hành:**

- Tổ chức nhóm quan sát. - Hướng dẫn HS quan sát từ cơ quan sinh dưỡng đến cơ quan sinh sản theo trình tự SGK. (Với những bộ phận nhỏ dùng kính lúp).	- HS: quan sát cây của nhóm đã chuẩn bị. ⇒ ghi các đặc điểm quan sát được vào bảng trống ở vở bài tập.
- GV kẻ bảng trống theo mẫu tr.135 SGK lên bảng. - GV bổ sung và hoàn chỉnh bảng. (GV bổ sung một vài cây điển hình có tính chất khác nhau).	- Gọi 1 - 3 nhóm lên điền bảng, các nhóm khác quan sát, bổ sung.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC CÂY HẠT KÍN

♦ **Mục tiêu:** - Nêu được sự đa dạng của thực vật hạt kín.
- Phát hiện được đặc điểm chung của cây hạt kín.

♦ **Tiến hành:**

- Căn cứ vào kết quả bảng mục 1. → Nhận xét sự khác nhau của rễ, thân, lá, hoa, quả?	- Căn cứ bảng 1 → HS nhận xét sự đa dạng của rễ, thân, lá, hoa, quả.
- GV cung cấp: cây hạt kín có mạch dẫn phát triển.	
- Nêu đặc điểm chung của các cây hạt kín?	- Thảo luận giữa các nhóm → rút ra đặc điểm chung của cây hạt kín.
- GV bổ sung giúp HS rút ra được đặc điểm chung.	***Kết luận:***
GV hỏi: So sánh với cây hạt trần → thấy được sự tiến hoá của cây hạt kín.	+ Cơ quan sinh dưỡng đa dạng, có mạch dẫn. + Hạt nằm trong quả. + Sinh sản bằng hạt. ***Kết luận chung:*** HS đọc phần kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Điều dấu × vào ô trống cho ý đúng của các câu sau:

1. Trong nhóm cây sau, nhóm nào toàn cây hạt kín?

   a. Cây mít, cây rêu, cây ớt.

   b. Cây thông, cây lúa, cây đào.

   c. Cây ổi, cây cải, cây dừa.

   } *Đáp án:* c.

2. Tính chất đặc trưng nhất của các cây hạt kín là:

   a. Có rễ, thân, lá.

   b. Có sự sinh sản bằng hạt.

   c. Có hoa, quả, hạt, nằm trong quả.

   } *Đáp án*: c.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận.
- Trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 (tr.136).
- Đọc "Em có biết".
- Chuẩn bị: Cây lúa, hành, hoa huệ.
  Cây bưởi con có rễ, lá hoa râm bụt.

Bài 42 LỚP HAI LÁ MẦM VÀ LỚP MỘT LÁ MẦM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân biệt một số đặc điểm hình thái của cây thuộc lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm (về kiểu rễ, kiểu gân lá, số lượng cánh hoa).
- Căn cứ vào các đặc điểm để có thể nhận dạng nhanh một cây thuộc lớp hai lá mầm hay một lá mầm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ cây xanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu: + Cây lúa, hành, huệ, cỏ.
  + Cây bưởi con, lá râm bụt.
- Tranh rễ cọc, rễ chùm, các kiểu gân lá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

CÂY HAI LÁ MẦM VÀ CÂY MỘT LÁ MẦM

♦ **Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm phân biệt cây hai lá mầm và cây một lá mầm.

♦ **Tiến hành:**

	- HS chỉ trên tranh trình bày: + Các loại rễ, thân, lá. + Đặc điểm của rễ, thân, lá.
- Các đặc điểm này gặp ở các cây	- HS hoạt động theo nhóm: Quan

khác nhau trong lớp hai lá mầm và một lá mầm.

- Yêu cầu HS quan sát tranh + hình 42.1 giới thiệu một số cây một lá mầm và hai lá mầm điển hình → HS tự nhận biết.
(Làm ∇ mục 1 tr.137).

- Tổ chức thảo luận trên lớp.

⇒ Phát biểu các đặc điểm phân biệt cây hai lá mầm và cây một lá mầm?

-Yêu cầu HS nghiên cứu đoạn mục 1.

Còn những dấu hiệu nào để phân biệt lớp hai lá mầm và một lá mầm?

- Yêu cầu HS lên điền bảng trống.

Đặc điểm	*Lớp một lá mầm*	*Lớp ha lá mầm*
Rễ		
Lá (gân)		
Thân		
Hạt		

sát kỹ cây một lá mầm và cây hai lá mầm → ghi các đặc điểm quan sát được vào bảng trống (mẫu tr.137 SGK).

- Nhóm báo cáo kết quả → các nhóm khác bổ sung.

- HS căn cứ đặc điểm của rễ, lá, hoa → phân biệt cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

→ HS đọc tự nhận biết hai dấu hiệu nữa là số lá mầm của phôi và đặc điểm thân.

- Gọi 2 HS lên bảng tự ghi.

+ Các nhóm nhận xét + bổ sung.

⇒ Tự rút ra các đặc điểm để phân biệt 2 lớp.

Đặc điểm	*Lớp một lá mầm*	*Lớp ha lá mầm*
- Rễ	- Rễ chùm	- Rễ cọc
- Kiểu gân lá	- Gân lá song song	- Gân lá hình mạng
- Thân	- Thân cỏ, cột	- Thân gỗ, cỏ, leo
- Hạt	- Phôi có một lá mầm.	- Phôi có hai lá mầm

Hoạt động 2

QUAN SÁT MỘT VÀI CÂY KHÁC

- GV cho HS quan sát các cây của nhóm mang đi → điền các đặc điểm vào bảng sau:

Tên cây	Rễ	Thân	Kiểu gân lá	Thuộc lớp	
				I mầm	Hai lá mầm
Bưởi	Cọc	Gỗ	Mạng		x

- Nhóm ghi thêm 10 tên cây và điền vào bảng các đặc điểm

⇒ HS nhận xét bảng → bổ sung.

Kết luận chung: HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Dùng hình 42.2 SGK → áp dụng nhận dạng nhanh cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi, 1, 2, 3 SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Ôn lại các nhóm thực vật đã học từ tảo đến hạt kín.

Bài 43 KHÁI NIỆM SƠ LƯỢC VỀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được phân loại thực vật là gì.

- Nêu được tên các bậc phân loại ở thực vật và những đặc điểm chủ yếu của các ngành.

2. Kỹ năng

Vận dụng phân loại 2 lớp của ngành hạt kín.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Sơ đồ phân loại tr.141 SGK để trống phần đặc điểm
- Các tờ bìa nhỏ ghi đặc điểm:

1. Chưa có rễ, thân, lá	6. Rễ giả, lá nhỏ hẹp
2. Đã có rễ, thân, lá	7. Rễ thật lá đa dạng
3. Sống ở nước là chủ yếu	8. Có bào tử
4. Sống ở cạn là chủ yếu	9. Có hạt
5. Sống ở các nơi khác nhau	10. Có nón
	11. Có hoa và quả

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Cho HS điền từ vào chỗ chấm trong SGK. GV liên hệ đặt vấn đề tìm hiểu về phân loại thực vật.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU PHÂN LOẠI THỰC VẬT LÀ GÌ?

- GV: + Cho HS nhắc lại các nhóm thực vật đã học. + Tại sao người ta xếp cây thông, trắc bách diệp vào một nhóm? + Tại sao tảo, rêu được xếp vào hai nhóm khác nhau?	- Gọi HS trả lời, các em khác bổ sung.
- GV cho HS đọc thông tin trong bài → phân loại thực vật là gì?	- HS đọc khái niệm về phân loại thực vật (tr.140 SGK).

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CÁC BẬC PHÂN LOẠI

- GV giới thiệu các bậc phân loại thực vật từ cao đến thấp: Ngành - Lớp - Bộ - Họ - Chi - Loài.	
- GV giải thích: + Ngành là bậc phân loại cao nhất. + Loài là bậc phân loại cơ sở. Các cây cùng loài có nhiều điểm giống nhau về hình dạng, cấu tạo. Ví dụ: Họ cam có nhiều loài: bưởi, chanh, quất,... - GV giải thích cho HS hiểu "nhóm" không phải là một khái niệm được sử dụng trong phân loại. ⇒ Chốt lại kiến thức:	- HS nghe và nhớ kiến thức.
	Kết luận: Phân loại thực vật là tìm hiểu các đặc điểm giống và khác nhau của thực vật rồi xếp thành từng nhóm theo quy định. + Các bậc phân loại: Ngành-Lớp-Bộ-Họ-Chi-Loài.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU SỰ PHÂN CHIA CÁC NGÀNH THỰC VẬT

* *Cho HS nhắc lại các ngành thực vật đã học.*	- Cho 1 - 2 HS phát biểu.
Đặc điểm nổi bật của các ngành thực vật đó. - GV cho HS làm bài tập: điền vào chỗ trống đặc điểm mỗi ngành (như SGV). (Tất cả làm vào vở bài tập).	- HS hoàn thành bài tập.

- GV treo sơ đồ câm → cho HS gắn các đặc điểm của mỗi ngành.	- HS chọn các tờ bìa đã ghi các đặc điểm gắn vào từng ngành cho phù hợp.
- GV chuẩn kiến thức theo sơ đồ SGK. Chốt lại: Mỗi ngành thực vật có nhiều đặc điểm nhưng khi phân loại chỉ dựa vào những đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt các ngành.	- HS khác nhận xét bổ sung.
* *Yêu cầu HS phân chia ngành hạt kín thành hai lớp.* (Dựa vào đặc điểm chủ yếu là số lá mầm của phôi). - GV giúp HS hoàn thiện đáp án.	- Đại diện nhóm trình bày→ các nhóm khác bổ sung. → HS tự ghi khoá phân loại. ***Kết luận chung:*** HS đọc kết luận SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận, trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.
- Tóm tắt đặc điểm chính các ngành thực vật đã học.



Bài 44 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu được quá trình phát triển của giới thực vật từ thấp đến cao gắn liền với sự chuyển từ đời sống dưới nước lên cạn. Nêu được ba giai đoạn phát triển chính của giới thực vật.

- Nêu rõ được mối quan hệ giữa điều kiện sống với các giai đoạn phát triển của thực vật và sự thích nghi của chúng

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng khái quát hoá.

3. Thái độ

Có thái độ yêu và bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Tranh: sơ đồ phát triển của thực vật (hình 44.1 SGK phóng to).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** GV đặt câu hỏi: kể những ngành thực vật đã học? → gọi HS trả lời.

GV nói thêm: Thực vật từ tảo → Hạt kín không xuất hiện cùng một lúc mà phải trải qua một quá trình lâu dài từ thấp đến cao liên quan với điều kiện sống.

Hoạt động 1

QUÁ TRÌNH XUẤT HIỆN VÀ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT

♦ **Mục tiêu:**

- Xác định được tổ tiên chung của giới thực vật và mối quan hệ về nguồn gốc giữa các nhóm thực vật.
- Hiểu được điều kiện môi trường có liên quan đến sự xuất hiện các nhóm thực vật mới thích nghi hơn.

♦ **Tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát h + Đọc kỹ các câu từ a → g lại trật tự các câu cho đúng. - Gọi HS đọc lại trật tự các trật tự đúng → chỉnh lý lại - Sau khi có trật tự đúng → cho 1-2	- HS hoạt động cá nhân. + Quan sát kỹ hình + đọc các câu → sắp xếp lại trật tự cho đúng. + Gọi HS đọc lần lượt từng câu theo trật tự đúng yêu cầu nêu được: 1a, 2d, 3b, 5c, 6e.

- HS đọc lại đoạn câu đúng → ghi nhớ tóm tắt thông tin quá trình xuất hiện của giới thực vật.
- HS hoạt động nhóm.
+ Trao đổi thảo luận nhóm theo 3 vấn đề.

⇒ Ghi yêu cầu ra nháp.

- Đại diện nhóm phát biểu → các nhóm khác bổ sung → yêu cầu phát hiện được:

Vấn đề 1: Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên có cấu tạo rất đơn giản, xuất hiện ở nước.

Vấn đề 2: Giới thực vật phát triển từ đơn giản → phức tạp.

Ví dụ: Sự hoàn thiện của một số cơ quan: Rễ giả → rễ thật, thân chưa phân nhánh → phân nhánh, sinh sản bằng hạt.

Vấn đề 3: Khi điều kiện môi trường thay đổi → Thực vật có những biến đổi thích nghi với điều kiện sống mới.

Ví dụ: Thực vật chuyển từ nước lên cạn → xuất hiện thực vật có rễ, thân, lá (thích nghi điều kiện ở cạn).

- GV bổ sung, hoàn thiện giúp HS

thấy rõ quá trình xuất hiện và phát triển của giới thực vật.

Cho 1-2 HS nhắc lại kết luận.

Kết luận: Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên.

+ Giới thực vật từ khi xuất hiện đã không ngừng phát triển theo chiều hướng từ đơn giản đến phức tạp, chúng có cùng nguồn gốc và có quan hệ họ hàng.

Hoạt động 2

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT

♦ **Mục tiêu:** Thấy được ba giai đoạn phát triển của thực vật liên quan đến điều kiện sống.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầ
Hỏi: B
thực vậ

* GV bổ
⇒ GV p
phát tri
đến điề
+ Giai đ
→ tảo
nghi vớ
+ Giai đ
hiện → thực vật lên cạn, có rễ thân

- HS nêu tên ba giai đoạn phát triển của thực vật → gọi HS bổ sung.

Yêu cầu:

+ Giai đoạn 1: Xuất hiện thực vật ở nước.
+ Giai đoạn 2: Các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện.
+ Giai đoạn 3: Sự xuất hiện và chiếm ưu thế của hạt kín

là thích nghi ở cạn. + Giai đoạn 3: Khí hậu khô hơn, mặt trời chiếu sáng liên tục → thực vật hạt kín có đặc điểm tiến hoá hơn hẳn: Noãn được bảo vệ trong bầu.	
Các đặc điểm cấu tạo và sinh sản hoàn thiện dần thích nghi với điều kiện sống thay đổi.	***Kết luận:*** Nhắc lại ba giai đoạn phát triển của thực vật. ***Kết luận chung:*** HS đọc tr.143 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

GV yêu cầu HS làm bài tập.

Hãy đánh dấu × vào câu trả lời đúng nhất:

1. Thực vật ở nước (tảo nguyên thủy) xuất hiện trong điều kiện nào?
   a) Khí hậu thuận lợi.
   b) Động vật ở nước chưa xuất hiện.
   c) Đại dương chiếm phần lớn diện tích.
2. Trong điều kiện nào thực vật ở cạn đầu tiên xuất hiện?
   a) Thiếu nước.
   b) Lục địa xuất hiện, diện tích đất ở mở rộng.
   c) Mặt trời chiếu sáng liên tục.

Đáp án:1c, 2b.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận SGK trả lời câu hỏi 1, 2, 3 tr. 143.
- Chuẩn bị bài sau:
  + Hoa hồng dại, hoa hồng các màu.
  + Chuối nhà, chuối dại.

Bài 45 NGUỒN GỐC CÂY TRỒNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định được các dạng cây trồng ngày nay là kết quả của quá trình chọn lọc từ những cây dại do bàn tay con người tiến hành.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa cây dại và cây trồng và giải thích lý do khác nhau.
- Nêu được những biện pháp chính nhằm cải tạo cây trồng.
- Thấy được khả năng to lớn của con người trong việc cải tạo thực vật.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát - thực hành.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Tranh cây cải dại, cải trồng:

- Hoa hồng dại và hoa hồng trồng.
- Chuối dại, chuối nhà.
- Một số quả ngon: Táo, nho, xoài...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Thực vật hạt kín rất phong phú, có tới 20 nghìn loài được con người sử dụng trong số 30 nghìn loài đã có. Trong đó nhiều loài là cây trồng. Vậy cây trồng xuất hiện như thế nào, do đâu mà phong phú như vậy.

Hoạt động 1

CÂY TRỒNG BẮT NGUỒN TỪ ĐÂU?

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được cây trồng bắt nguồn từ cây dại.

♦ **Tiến hành:**

- GV dùng phương pháp hỏi đáp và giảng giải. + Cây như thế nào được gọi là cây trồng? + Hãy kể một vài cây trồng và công dụng của chúng? + Con người trồng cây nhằm mục đích gì?	- HS vận dụng hiểu biết thực tế → trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét đúng sai. Cho HS đọc thông tin SGK trả lời câu hỏi: Cây trồng có nguồn gốc từ đâu? - Gọi HS trả lời, bổ sung → hoàn chỉnh kết luận. Chuyển ý: Cây trồng ngày nay khác cây dại như thế nào?	- HS đọc thông tin tr.144 SGK. ⇒ Giải thích nguồn gốc cây trồng Một vài HS trả lời → HS khác bổ sung rút ra kết luận. ***Kết luận:*** Cây trồng bắt nguồn từ cây dại; cây trồng phục vụ nhu cầu cuộc sống của con người.

Hoạt động 2

CÂY TRỒNG KHÁC CÂY DẠI NHƯ THẾ NÀO?

- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm từng vấn đề. *Vấn đề 1:* Nhận biết cây trồng và cây dại.	
- Yêu cầu HS quan sát h tr.144.	- HS quan sát hình 45.1, chú ý các bộ phận của cây cải trồng được sử dụng.
- Nhận biết cây cải trồng v dại.	- HS thảo luận trong nhóm → ghi câu trả lời ra nháp.
- Em hãy cho biết sự khác r các bộ phận tương ứng rễ, hoa của cải dại và cải trồng	Yêu cầu trả lời: Rễ, thân, lá của cây trồng to hơn và ngon hơn của cây dại → do con người tác động.
- Vì sao các bộ phận của c lại khác nhiều so với cây d → GV nhận xét đúng sai → GV chốt	- Cho 1 - 2 nhóm trả lời → các nhóm nhận xét và bổ sung.

lại vấn đề.	
* Do nhu cầu sử dụng các bộ phận khác nhau → con người đã tác động, cải tạo các bộ phận đó → làm cây trồng khác xa cây dại.	
Vấn đề 2: So sánh cây trồng với cây dại:	
- Phát phiếu học tập (theo mẫu SGK).	- Quan sát mẫu → ghi các đặc điểm vào phiếu (chú ý màu sắc, hương thơm...).
- GV yêu cầu quan sát mẫu hoa hồng → ghi vào phiếu. Ghi thêm 1 - 2 ví dụ khác. (GV kẻ lên bảng phiếu học tập).	
- Tổ chức thảo luận GV ghi lên bảng.	+ Thảo luận nhóm ghi thêm ví dụ.
→ Chốt lại vấn đề đúng:	- 1 - 2 nhóm đọc kết quả.
- Hãy cho biết cây trồng khác cây dại ở điểm nào?	
- GV bổ sung, hoàn thiện kết luận.	
(Cây trồng khác cây dại ở bộ phận mà con người sử dụng).	- Từ hai vấn đề đã trao đổi → HS thảo luận rút ra kết luận.
- Cho HS quan sát một số quả có giá trị do con người tạo ra.	***Kết luận:*** + Cây trồng có nhiều loại phong phú.
⇒ Để có những thành tựu trên, con người dùng phương pháp nào?	+ Bộ phận được con người sử dụng có phẩm chất tốt.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU CÔNG VIỆC CẢI TẠO CÂY TRỒNG

- Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK trả lời câu hỏi: + Muốn cải tạo cây trồng cần làm gì?	- HS tự nghiên cứu thông tin → tìm hiểu các biện pháp cải tạo cây trồng → ghi vào nháp.
- GV tổng kết những ý HS phát biểu → đưa vào hai vấn đề chính: + Cải tạo giống.	- Cho các nhóm phát biểu → HS tự điều chỉnh kiến thức →

+ Các biện pháp chăm sóc.	rút ra kết luận. ***Kết luận:*** + Cải biến tính di truyền: lai, chiết, ghép, chọn giống, cải tạo giống, nhân giống... + Chăm sóc: tưới nước, bón phân, phòng trừ sâu bệnh. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

Chọn câu trả lời đúng:

1. Nguyên nhân nào làm cây trồng khác cây dại?
   a) Điều kiện sống thuận lợi.
   b) Con người đã cải tạo cho phù hợp với nhu cầu.
   c) Con người thích.
   } *Đáp án 1b*

2. Những đặc điểm nào dưới đây ở quả chuối thuộc cây trồng.
   a) Quả nhỏ, nhiều hạt.
   b) Quả to, ngọt, ít hạt.
   c) Quả dài, nhiều hạt, thơm.
   } *Đáp án 2b.*

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Tìm hiểu vai trò của thực vật trong tự nhiên.

Chương IX
VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT

Bài 46 THỰC VẬT GÓP PHẦN ĐIỀU HOÀ KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Giải thích được vì sao thực vật, nhất là thực vật rừng có vai trò quan trọng trong việc giữ cân bằng lượng khí CO_2 và O_2 trong không khí và do đó góp phần điều hoà khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, phân tích.

3. Thái độ

Xác định ý thức bảo vệ thực vật thể hiện bằng các hành động cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh sơ đồ trao đổi khí (hình 46.1 SGK phóng to).
- Sưu tầm một số tin + ảnh chụp về nạn ô nhiễm môi trường.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT TRONG VIỆC ỔN ĐỊNH LƯỢNG KHÍ CO_2 VÀ O_2 TRONG KHÔNG KHÍ

♦ **Mục tiêu:** HS hiểu được nhờ thực vật mà hàm lượng khí CO_2 và O_2 trong không khí được ổn định.

♦ **Tiến hành:**

- Cho HS quan sát tranh vẽ (hình 46.1 SGK), chú ý mũi tên chỉ khí CO_2 và O_2. ⇒ Tìm hiểu: Việc điều hòa lượng khí CO_2 và O_2 đã được thực hiện như thế nào? + Nếu không có thực vật thì điều gì sẽ xảy ra?	- HS hoạt động cá nhân. + Quan sát tranh vẽ → trả lời hai câu hỏi. Yêu cầu thấy được: + Lượng O_2 sinh ra trong quang hợp → được sử dụng trong quá trình hô hấp của thực vật, động vật. + Ngược lại khí CO_2 thải ra trong quá trình hô hấp và đốt cháy được thực vật sử dụng trong quang hợp. + Nếu không có thực vật: lượng CO_2 tăng và lượng O_2 sẽ giảm → sinh vật không tồn tại được.
- Gọi 1 - 2 em trình bày ý kiến, GV bổ sung. (Chú ý đến đối tượng HS trung bình).	- HS thảo luận ⇒ tự rút ra kết luận.
- Nhờ đâu hàm lượng khí CO_2 và O_2 trong không khí được ổn định?	***Kết luận:*** Thực vật điều hòa lượng khí CO_2 và O_2 trong không khí.

Hoạt động 2

THỰC VẬT GIÚP ĐIỀU HOÀ KHÍ HẬU

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được vai trò của thực vật với việc điều hoà khí hậu.

♦ **Tiến hành:**

- HS nghiên cứu thông tin mục tr.146 SGK, đọc bảng so sánh khí hậu ở hai khu vực ⇒ Thảo luận các nội dung sau: + Tại sao trong rừng râm mát còn ở bãi trống nóng và nắng gắt? + Tại sao bãi trống khô, gió mạnh còn trong rừng ẩm, gió yếu? - GV bổ sung (nếu cần) ⇒ yêu cầu HS làm bài tập ∇ SGK cuối mục 2. GV lưu ý không nên cho HS trả lời lượng mưa ở hai nơi A, B. Qua bài tập → HS rút ra kết luận về vai trò của thực vật	- HS hoạt động theo nhóm. + Đọc thông tin và bảng so sánh → thảo luận. + Đại diện nhóm phát biểu → các nhóm khác bổ sung yêu cầu nêu được: * Trong rừng, tán lá rậm → ánh sáng khó lọt xuống dưới → râm mát còn bãi trống không có đặc điểm này. * Trong rừng cây thoát hơi nước và cản gió → rừng ẩm và gió yếu. Còn bãi trống thì ngược lại. - HS tự làm bài tập. → Đọc kết quả → gọi 1-2 HS bổ sung. Thấy được: + Lượng mưa cao hơn ở nơi có rừng. + Sự có mặt thực vật làm ảnh hưởng đến khí hậu. ***Kết luận:*** Thực vật giúp điều hoà khí hậu.

Hoạt động 3

THỰC VẬT LÀM GIẢM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

- Yêu cầu HS lấy các ví dụ về hiện tượng ô nhiễm môi trường. - Hiện tượng ô nhiễm môi trường là do đâu?	- HS đưa ra các mẩu tin, tranh, ảnh chụp về nạn ô nhiễm môi trường. → Thấy được: hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí là do hoạt động sống của con người.

Từ đó yêu cầu HS suy nghĩ xem có thể dùng biện pháp sinh học nào làm giảm bớt ô nhiễm môi trường? (GV có thể gợi ý HS đọc đoạn).	- HS đọc thông tin đoạn → thấy được cần trồng nhiều cây xanh. ***Kết luận:*** Lá cây ngăn bụi, cản gió, một số cây tiết chất diệt vi khuẩn. ***Kết luận chung:*** HS đọc tr.148 SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng các câu hỏi SGK (Tr148).

V. DẶN DÒ

- HS học kết luận SGK, trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 (Tr.148).
- Đọc "Em có biết".
- Sưu tầm một số tranh ảnh về hiện tượng lũ lụt, hạn hán.

Bài 47 THỰC VẬT BẢO VỆ ĐẤT VÀ NGUỒN NƯỚC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Giải thích được nguyên nhân của những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên (như xói mòn, hạn hán, lũ lụt), từ đó thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát.

3. Thái độ

Xác định trách nhiệm bảo vệ thực vật bằng hành động cụ thể phù hợp lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh phóng to (hình 47.1).
- Tranh ảnh về lũ lụt hạn hán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Hãy kể một số thiên tai trong những năm gần đây → nguyên nhân xảy ra hiện tượng đó?

Hoạt động 1

THỰC VẬT GIÚP GIỮ ĐẤT, CHỐNG XÓI MÒN

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được vai trò của thực vật trong việc giữ đất, chống xói mòn.

♦ **Tiến hành:**

- HS quan sát tranh (hình 47.1) (chú ý vận tốc nước mưa) → suy nghĩ trả lời câu hỏi:	- HS làm việc độc lập. Quan sát tranh + đọc thông tin đầu mục → trả lời câu hỏi.
+ Vì sao khi có mưa lượng chảy ở hai nơi khác nhau?	- 1 - 2 em phát biểu, các HS khác bổ sung.
+ Điều gì sẽ xảy ra đối với đất ở trên đồi trọc khi có mưa? Giải thích tại sao?	⇒ Thấy được: + Lượng chảy của dòng nước mưa ở nơi có rừng yếu hơn vì có tán lá giữ nước lại một phần. + Đồi trọc khi mưa: đất bị xói mòn vì không có cây cản bớt tốc độ nước chảy và giữ đất.

- GV bổ sung → hoàn thiện kiến thức - Cung cấp thêm thông tin về hiện tượng xói lở ở bờ sông, bờ biển. → Yêu cầu HS tự rút ra vai trò của thực vật trong việc giữ đất.	⇒ HS tự bổ sung kiến thức và rút ra kết luận về vai trò của thực vật. ***Kết luận:*** Thực vật, đặc biệt là rừng giúp giữ đất, chống xói mòn.

Hoạt động 2

THỰC VẬT GÓP PHẦN HẠN CHẾ NGẬP LỤT, HẠN HÁN

- HS nghiên cứu trả lời câu hỏi: Nếu đất bị xói mòn ở vùng đồi trọc thì điều gì sẽ xảy ra tiếp theo đó?	- HS nghiên cứu mục tr.150 SGK → trả lời. ⇒ Hậu quả: Nạn lụt ở vùng thấp. Hạn hán tại chỗ.
Cho HS thảo luận nhóm hai vấn đề: + Kể một số địa phương bị ngập úng và hạn hán ở Việt Nam? + Tại sao có hiện tượng ngập úng và hạn hán ở nhiều nơi?	- Các nhóm trình bày thông tin, hình ảnh đã sưu tầm được → Thảo luận nguyên nhân hiện tượng ngập úng và hạn hán. → Đại diện nhóm phát biểu → các nhóm khác bổ sung. ***Kết luận:*** Thực vật đã góp phần hạn chế lũ lụt hạn hán.

Hoạt động 3

THỰC VẬT GÓP PHẦN BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC NGẦM

- Yêu cầu HS đọc thông tin mục tr.151 SGK → tự rút ra vai trò bảo vệ nguồn nước của thực vật?	- tự rút ra kết luận. - Phát biểu → HS khác bổ sung. ***Kết luận:*** Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Sưu tầm tranh, ảnh về nội dung thực vật là: Thức ăn của động vật;
  Là nơi sinh sống của động vật.

Bài 48 VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

I. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được một số ví dụ khác nhau cho thấy thực vật là nguồn cung cấp thức ăn và nơi ở cho động vật.
- Hiểu được vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho con người thông qua ví dụ cụ thể về dây chuyền thức ăn.
  (Thực vật → Động vật → Con người).

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ cây cối bằng công việc cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh phóng to (hình 46.1 SGK): sơ đồ trao đổi khí.
- Tranh vẽ hoặc ảnh chụp phóng to với nội dung động vật ăn thực vật và động vật sống trên cây.
- HS: + Xem lại hình vẽ sơ đồ trao đổi khí (hình 46.1 SGK).
  + Sưu tầm tranh ảnh với nội dung thực vật là thức ăn và là nơi sinh sống của động vật.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 1

THỰC VẬT CUNG CẤP Ô XI VÀ THỨC ĂN CHO ĐỘNG VẬT

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được vai trò của thực vật trong việc cung cấp ô xi và thức ăn cho động vật.

♦ **Tiến hành:**

- Cho HS xem tranh hình 46.1 và tranh hình 48.1: thực vật là thức ăn của động vật → làm bài tập SGK. + Lượng ô xi mà thực vật nhả ra có ý nghĩa gì đối với các sinh vật khác? + Làm bài tập nêu ví dụ về động vật ăn thực vật → điền bảng theo mẫu SGK → rút ra nhận xét gì?	- HS trao đổi thảo luận theo 3 câu hỏi ở mục 1. HS quan sát sơ đồ trao đổi khí → nói về vai trò của thực vật ⇒ thấy được nếu không có cây xanh thì động vật (và con người) sẽ chết vì không có ô xi. HS tìm các ví dụ về động vật ăn các bộ phận khác nhau của cây → điền đủ 5 cột trong bảng.
- Cho HS thảo luận chung cả lớp. ⇒ Nhận xét quan hệ giữa thực vật và động vật là gì? - GV bổ sung, sửa chữa nếu cần. - GV đưa thêm thông tin về thực vật gây hại cho động vật (như SGK).	- Một vài HS trình bày → bổ sung, sửa sai. ⇒ Rút ra nhận xét về quan hệ giữa thực vật và động vật. ***Kết luận:*** Thực vật cung cấp ô xi và thức ăn cho động vật.

Hoạt động 2

THỰC VẬT CUNG CẤP NƠI Ở VÀ NƠI SINH SẢN CHO ĐỘNG VẬT

♦ **Mục tiêu:** Thấy được vai trò của thực vật cung cấp nơi ở và sinh sản cho động vật.

♦ **Tiến hành:**

- Cho HS quan sát tranh thực vật là nơi sinh sống của động vật. + Rút ra nhận xét gì? + Trong tự nhiên có động vật nào lấy cây làm nhà nữa không?	HS hoạt động nhóm. + HS nhận xét được thực vật là nơi ở, làm tổ của động vật. + HS trình bày tranh ảnh đã sưu tầm về động vật sống trên cây. → HS khác bổ sung (nên tìm các loài động vật khác nhau)
- GV cho HS trao đổi chung ở lớp. - GV bổ sung, sửa chữa (nếu cần).	⇒ HS tự tổng kết và rút ra nhận xét về vai trò thực vật cung cấp nơi ở cho động vật. ***Kết luận:*** Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Trong chuỗi liên tục sau đây:

Thực vật —Là thức ăn→ Động vật ăn cỏ —Là thức ăn→ Động vật ăn thịt

Hoặc:

Thực vật —Là thức ăn→ Động vật —Là thức ăn→ Người

Hãy thay thế các từ *thực vật, động vật* bằng tên *cây* hoặc *con vật* cụ thể.

V. DẶN DÒ

- Học kết luận, trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.
- Sưu tầm tranh ảnh về một số cây quả có giá trị sử dụng hoặc gây hại cho con người.

Bài 48 VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI *(Tiếp theo)*

II. THỰC VẬT VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Hiểu được tác dụng hai mặt của thực vật đối với con người thông qua việc tìm được một số ví dụ về cây có ích và một số cây có hại.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng trả lời câu hỏi theo biểu bảng.

3. Thái độ

Có ý thức thể hiện bằng hành động cụ thể bảo vệ cây có ích, bài trừ cây có hại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Phiếu học tập theo mẫu SGK.
- Tranh cây thuốc phiện, cần sa.
- Một số hình ảnh hoặc mẩu tin về người mắc nghiện ma tuý để HS thấy rõ tác hại.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

NHỮNG CÂY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được các mặt công dụng của thực vật.

♦ **Tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi: + Thực vật cung cấp cho chúng ta	- HS có thể kể: cung cấp thức ăn,

những gì dùng trong đời sống hàng ngày (không yêu cầu kể tên cây cụ thể).	gỗ làm nhà, thuốc quý...
- Để phân biệt cây cối theo công dụng, người ta đã chia chúng thành các nhóm cây khác nhau ⇒ GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm → phát phiếu học tập.	- HS thảo luận nhóm, kẻ bảng tr.155. + Ghi tên cây. + Xếp loại theo công dụng.
Kẻ bảng tr.155 lên bảng → yêu cầu HS điền bảng ở vở.	→ 1-2 đại diện các nhóm lên bảng tự ghi tên cây và đánh dấu cột công dụng.
Tổ chức thảo luận cả lớp.	
- GV nhận xét bổ sung (nếu cần) có thể cho điểm nhóm làm tốt.	→ Các nhóm bổ sung hoàn chỉnh phiếu.
- Từ bảng trên → yêu cầu HS rút ra nhận xét các công dụng của thực vật.	- HS phát biểu nhận xét
	Kết luận: Thực vật có công dụng nhiều mặt như: cung cấp lương thực, thực phẩm, gỗ, thuốc... + Có khi cùng một cây nhưng có nhiều công dụng khác nhau, tuỳ bộ phận sử dụng.

Hoạt động 2

NHỮNG CÂY CÓ HẠI CHO SỨC KHOẺ CON NGƯỜI

♦ **Mục tiêu:**

- Hiểu được tác hại của một số cây gây ra nếu con người sử dụng không đúng cách.
- Có thái độ đúng đắn bài trừ cây có hại.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu: Đọc thông tin SGK và quan sát hình 48.3, 48.4, tranh trên bảng trả lời câu hỏi: + Kể tên những cây có hại và nêu tác hại của nó? + Cho ví dụ cụ thể? - GV giới thiệu: ở cây thuốc phiện: Dùng liều đúng → tác dụng chữa bệnh. tác hại lớn.	- SGK 155 và quan sát tranh. + Kể được ba loại cây có hại là: thuốc lá, thuốc phiện, cần sa: Gây nghiện, ho lao.
- Thảo luận: + Tác hại của ma túy đối với sức khoẻ con người. + Thái độ của em trước tệ nạn ma túy. → Hành động cụ thể nào? Từ vấn đề trên rút ra kết luận.	- Thảo luận. HS nêu được hành động cụ thể: + Không sử dụng ma tuý. + Không hút thuốc lá. + Tham gia phong trào tuyên truyền, chống ma tuý. ***Kết luận:*** Một số cây có hại (thuốc lá, thuốc phiện ...) gây nghiện → ảnh hưởng đến sức khoẻ.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Sưu tầm tin, hình ảnh về tình hình phá rừng hoặc phong trào trồng cây gây rừng.

Bài 49 BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phát biểu được khái niệm đa dạng của thực vật.
- Hiểu được thế nào là thực vật quý hiếm và kể tên được một vài loài thực vật quý hiếm.
- Hiểu được hậu quả của việc tàn phá rừng khai thác bừa bãi tài nguyên đối với tính đa dạng của thực vật.
- Nêu được các biện pháp chính để bảo vệ sự đa dạng của thực vật.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng phân tích, khái quát, hoạt động nhóm.

3. Thái độ

Tự xác định trách nhiệm trong việc tuyên truyền bảo vệ thực vật ở địa phương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh một số thực vật quý hiếm
- Sưu tầm tin, ảnh về tình hình phá rừng, khai thác gỗ, phong trào trồng cây gây rừng...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT LÀ GÌ?

- Cho HS: Kể tên những thực vật mà em biết? Chúng thuộc những ngành nào? Sống ở đâu?	- HS thảo luận nhóm. + Một HS trình bày tên thực vật → HS khác bổ sung.

	+ Một HS nhận biết chúng thuộc những ngành nào và sống ở môi trường nào.
- GV tổng kết → dẫn HS tới khái niệm đa dạng của thực vật là gì.	⇒ HS nhận xét khái quát về tình hình thực vật ở địa phương. Khái niệm: HS đọc đoạn mục 1.

Hoạt động 2

TÌNH HÌNH ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT Ở VIỆT NAM

a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật.	
- Yêu cầu HS đọc đoạn thông tin mục 2a tr.157.	- HS đọc thông tin mục 2a+ khái niệm mục 1.
⇒ Thảo luận: Vì sao nói Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật?	⇒ Thảo luận trong nhóm 2 ý: + Đa dạng số lượng loài. + Đa dạng về môi trường sống.
- GV bổ sung → tổng kết lại về tính đa dạng cao của thực vật ở Việt Nam.	- Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung.
- GV yêu cầu HS tìm một số thực vật có giá trị về kinh tế và khoa học.	***Kết luận:*** Việt Nam có tính đa dạng về thực vật, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế và khoa học.
b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam.	
- GV nêu vấn đề: ở Việt Nam trung bình mỗi năm bị tàn phá từ 100.000 → 200.000 ha rừng nhiệt đới.	
→ Cho HS làm bài tập sau: Theo em những nguyên nhân nào dẫn tới sự suy giảm tính đa dạng của thực vật:	
Hãy đánh dấu (×) vào ô vuông cho từng trường hợp đúng:	- HS làm bài tập

1. Chặt phá rừng làm rẫy; 2. Chặt phá rừng để buôn bán lậu; 3. Khoanh nuôi rừng; 4. Cháy rừng; 5. Lũ lụt; 6. Chặt cây làm nhà. → GV chữa nếu cần (Đáp án: các nguyên nhân: 1, 2, 4, 6).	→ 1 - 2 HS báo cáo kết quả → các HS khác bổ sung.
- Căn cứ vào kết quả bài tập hãy thảo luận nhóm→ nêu nguyên nhân của sự suy giảm tính đa dạng của thực vật và hậu quả? - GV bổ sung→ chốt lại vấn đề.	- HS thảo luận nhóm → phát biểu → Các nhóm bổ sung. ***Kết luận:*** - Nguyên nhân (tr.157 SGK). - Hậu quả (tr.157 SGK).
- Cho HS đọc thông tin về thực vật quý hiếm. → Trả lời câu hỏi: + Thế nào là thực vật quý hiếm? + Kể tên một vài cây quý hiếm mà em biết? - GV nhận xét, bổ sung (nếu cần).	- HS đọc thông tin để trả lời hai câu hỏi. - 1 - 2 HS phát biểu → lớp bổ sung. * Thực vật quý hiếm là những loài thực vật có giá trị và có xu hướng ngày càng ít đi do bị khai thác quá mức.

Hoạt động 3

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

- GV đặt vấn đề: Vì sao phải bảo vệ sự đa dạng của thực vật? + Nêu được mối quan hệ giữa Thực vật - Môi trương - Con người. + Từ đó thấy được tầm quan trọng của sự đa dạng của thực vật. - Cho HS đọc các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật.	- HS đọc các biện pháp → ghi nhớ - 1 - 2 HS nhắc lại 5 biện pháp.

⇒ Yêu cầu HS nhắc lại 5 biện pháp. - Liên hệ bản thân có thể làm được gì trong việc bảo vệ thực vật ở địa phương?	- HS thảo luận. Ví dụ: + Tham gian trồng cây; + Bảo vệ cây cối.... ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc "Em có biết".

Chương X
VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y

Bài 50 VI KHUẨN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Phân biệt được các dạng vi khuẩn trong tự nhiên.
- Nắm được những đặc điểm chính của vi khuẩn về: kích thước, cấu tạo, dinh dưỡng, phân bố.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát, phân tích.

3. Thái độ

Giáo dục lòng yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Tranh phóng to: các dạng vi khuẩn (hình 50.1 tr.160 SGK).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA VI KHUẨN

♦ **Mục tiêu:** Biết sơ lược về hình dạng, kích thước và cấu tạo của vi khuẩn.

♦ **Tiến hành:**

** Hình dạng*	
- Cho HS quan sát tranh các dạng vi khuẩn → Vi khuẩn có những hình dạng nào? - HS có thể gọi vi khuẩn hình tròn, vi khuẩn hình ngoằn ngoèo.	- HS hoạt động cá nhân. Quan sát tranh→ gọi tên từng dạng. - 1- 2 HS phát biểu.
⇒ GV chỉnh lại cách gọi tên cho chính xác. - GV lưu ý dạng vi khuẩn sống thành đám hay từng chuỗi nhưng mỗi vi khuẩn vẫn là một đơn vị sống độc lập.	* Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình que, hình dấu phẩy, hình xoắn.
** Kích thước* GV cung cấp thông tin: Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ (một vài phần nghìn mm), phải quan sát dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn.	
** Cấu tạo*	
- Cho HS đọc thông tin (phần cấu tạo SGK) ⇒ Đặt câu hỏi: + Nêu cấu tạo tế bào vi khuẩn? + So sánh với tế bào thực vật? → GV gọi HS phát biểu ⇒ Chốt lại kiến thức đúng. - Gọi 1 - 2 HS nhắc lại hình dạng, cấu tạo, kích thước của vi khuẩn. - GV cung cấp thêm thông tin một số vi khuẩn có roi nên có thể di chuyển được.	- HS tự nghiên cứu thông tin → trả lời câu hỏi. → Nêu cấu tạo tế bào vi khuẩn: + Vách tế bào. + Chất tế bào. + Chưa có nhân hoàn chỉnh. - Vi khuẩn khác tế bào thực vật: không có diệp lục và chưa có nhân hoàn chỉnh. ***Kết luận:*** Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ, có nhiều hình dạng và cấu tạo đơn giản (chưa có nhân hoàn chỉnh).

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CÁCH DINH DƯỠNG CỦA VI KHUẨN

♦ **Mục tiêu:** Hiểu được cách dinh dưỡng chủ yếu của vi khuẩn là dị dưỡng (hoại sinh và ký sinh).

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK → GV nêu vấn đề: Vi khuẩn không có diệp lục → vậy nó sống bằng cách nào?	- HS đọc kỹ thông tin → trả lời được vấn đề dinh dưỡng của vi khuẩn.
- Có thể HS phát biểu lộn xộn → GV tổng kết lại. ⇒ Giải thích cách dinh dưỡng của vi khuẩn: + Dị dưỡng (chủ yếu) + Tự dưỡng (một số ít).	- Gọi 1-2 HS phát biểu (Dị dưỡng: sống bằng chất hữu cơ có sẵn).
- Yêu cầu HS phân biệt hai cách dị dưỡng là: hoại sinh và kí sinh.	- phân biệt hoại sinh và ký sinh.
- GV cho lớp thảo luận→ GV bổ sung, sửa chữa sai sót...	→ 1 - 2 HS phát biểu → lớp bổ sung. + Hoại sinh: sống bằng chất hữu cơ có sẵn trong xác động, thực vật đang phân huỷ. + Ký sinh: sống nhờ trên cơ thể sống khác.
⇒ Chốt lại cách dinh dưỡng của vi khuẩn.	***Kết luận:*** Vi khuẩn dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng (hoại sinh hoặc ký sinh). Trừ một số vi khuẩn có khả năng tự dưỡng.

Hoạt động 3

PHÂN BỐ VÀ SỐ LƯỢNG

♦ **Mục tiêu:** Biết được trong tự nhiên chỗ nào cũng có vi khuẩn và có số lượng lớn.

♦ **Tiến hành:**

* *Phân bố:*	
- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK → Trả lời câu hỏi. Nhận xét sự phân bố vi khuẩn trong tự nhiên?	- tự rút ra nhận xét.
- GV bổ sung → tổng kết lại.	- 1 - 2 HS phát biểu→ các em khác bổ sung.
- GV cung cấp thông tin vi khuẩn sinh sản bằng cách phân đôi. Nếu gặp điều kiện thuận lợi chúng sinh sản rất nhanh.	
- GV mở rộng thêm: Khi điều kiện bất lợi (khó khăn về thức ăn và nhiệt độ) → vi khuẩn kết bào xác. - GV giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân.	***Kết luận:*** + Vi khuẩn sống ở khắp nơi: trong đất, nước, không khí... và trong cơ thể sinh vật. + Số lượng rất lớn. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu hỏi 1, 2 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời hai câu hỏi tr.161 SGK.
- Tìm hiểu những bệnh do vi khuẩn gây ra cho người và các sinh vật khác.

Bài 50 VI KHUẨN *(Tiếp theo)*

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Kể được các mặt có ích và có hại của vi khuẩn đối với thiên nhiên và đời sống con người.
- Hiểu được những ứng dụng thực tế của vi khuẩn trong đời sống và sản xuất.
- Nắm được những nét đại cương về vi rút.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát.

3. Thái độ

Có ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường để tránh tác hại của vi khuẩn gây ra.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Tranh phóng to (hình 50.2; 50.3).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động 4

VAI TRÒ CỦA VI KHUẨN

a. Vấn đề 1: Tìm hiểu vai trò của vi khuẩn.	
- Yêu cầu HS quan sát kỹ hình 50.2 + đọc chú thích ⇒ làm bài tập điền từ.	- HS quan sát hình 50.2 + đọc chú thích. - Hoàn thành bài tập điền từ.
- GV có thể gợi ý cho HS 2 hình tròn trong hình 50.2 là vi khuẩn.	- 1 -2 em đọc bài tập → lớp nhận xét.

- GV chốt lại các khâu của quá trình biến đổi xác động vật, lá cây rụng → vi khuẩn biến đổi thành muối khoáng → cung cấp lại cho cây.	⇒ Từ cần điền: vi khuẩn, muối khoáng, chất hữu cơ.
- Cho một HS đọc thông tin đoạn (tr.162). ⇒ Thảo luận: Vi khuẩn có vai trò gì trong tự nhiên và trong đời sống con người? (GV giải thích khái niệm cộng sinh).	- HS nghiên cứu mục thông tin ⇒ thảo luận trong nhóm của hai nội dung. + Vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên. + Vai trò vi khuẩn trong đời sống. ⇒ Ghi ra nháp.
- GV gọi hai nhóm phát biểu → tổ chức thảo luận giữa các nhóm. ⇒ GV sửa chữa → bổ sung.	+ Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung. ⇒ Yêu cầu: + Trong tự nhiên: - Phân huỷ chất hữu cơ → chất vô cơ để cây sử dụng. - Góp phần hình thành than đá, dầu lửa. + Trong đời sống: - Nông nghiệp: vi khuẩn cố định đạm → bổ sung nguồn đạm cho đất. - Chế biến thực phẩm: vi khuẩn lên men (làm dấm, tương, rượu...).
- GV cho HS giải thích hiện tượng thực tế. Ví dụ: Vì sao dưa, cà ngâm vào nước muối sau vài ngày hoá chua?	- Vai trò trong công nghệ sinh học.
⇒ GV chốt lại vai trò có ích của vi khuẩn.	***Kết luận:*** Vi khuẩn có vai trò trong tự nhiên và trong đời sống

	con người. Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ; góp phần hình thành than đá, dầu lửa; nhiều vi khuẩn ứng dụng trong công nghiệp, nông nghiệp và chế biến thực phẩm.
b. Vấn đề 2: Tìm hiểu tác hại của vi khuẩn.	
- GV yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:	- Thảo luận trong nhóm.
+ Hãy kể tên một vài bệnh do vi khuẩn gây ra?	
+ Các loại thức ăn để lâu ngày dễ bị ôi thiu vì sao? Muốn thức ăn không bị ôi thiu phải làm thế nào?	- Các nhóm trao đổi → ghi một số bệnh do vi khuẩn gây ra ở người (động vật, thực vật nếu biết). → Các nhóm khác bổ sung.
- GV bổ sung, chỉnh lý các bệnh do vi khuẩn gây ra. Ví dụ: Bệnh tả: do phẩy khuẩn tả. Bệnh lao: do trực khuẩn lao.	+ Giải thích thức ăn bị ôi thiu là do vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn.
GV phân tích cho HS có những vi khuẩn có cả hai tác dụng có ích và có hại. Ví dụ: Vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ: - Có hại: làm hỏng thực phẩm - Có lợi: phân huỷ xác động thực vật.	Muốn giữ thức ăn → ngăn ngừa vi khuẩn sinh sản bằng cách: giữ đông lạnh, phơi khô, ướp muối.....
GV chốt lại tác hại của vi khuẩn. ⇒ Yêu cầu HS liên hệ hành động của bản thân phòng chống tác hại do vi khuẩn gây ra.	***Kết luận:*** Các vi khuẩn ký sinh gây bệnh cho người; nhiều vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thực phẩm, gây ra ô nhiễm môi trường.

Hoạt động 5

SƠ LƯỢC VỀ VI RÚT

- Giới thiệu thông tin khái quát về các đặc điểm của vi rút. - Yêu cầu HS kể tên một vài bệnh do vi rút gây ra?	- HS có thể kể một vài bệnh: Ví dụ: cúm gà, sốt do vi rút ở người, người nhiễm HIV, ... ***Kết luận:*** Vi rút rất nhỏ, chưa có cấu tạo tế bào, sống ký sinh bắt buộc và thường gây bệnh cho vật chủ. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Vi khuẩn có vai trò gì trong thiên nhiên?
2. Các vi khuẩn hoại sinh có tác dụng như thế nào? Lấy ví dụ cụ thể về mặt có ích và có hại của chúng?

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK tr.164.
- Chuẩn bị: nấm rơm.

Bài 51 NẤM

A- MỐC TRẮNG VÀ NẤM RƠM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm được đặc điểm cấu tạo và dinh dưỡng của mốc trắng.

- Phân biệt được các phần của một nấm rơm.
- Nêu được đặc điểm chủ yếu của nấm nói chung (về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản).

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh: phóng to hình 51.1, hình 51.3.
- Mẫu: mốc trắng, nấm rơm.
- Kính hiển vi: phiến kính, kim mũi nhọn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

A. MỐC TRẮNG

Hoạt động 1

QUAN SÁT HÌNH DẠNG VÀ CẤU TẠO MỐC TRẮNG

♦ **Mục tiêu:** Quan sát được hình dạng của mốc trắng với túi bào tử và bào tử.

♦ **Tiến hành:**

- GV: nhắc lại thao tác xem kính hiển vi. Hướng dẫn cách lấy mẫu mốc và yêu cầu quan sát về hình dạng, màu sắc, cấu tạo sợi mốc, hình dạng, vị trí túi bào tử. (Nếu không có điều kiện quan sát có thể dùng tranh). - GV tổ chức thảo luận cả lớp.	- HS hoạt động nhóm. + Quan sát mẫu vật thật. + Đối chiếu với hình vẽ. ⇒ Nhận xét về hình dạng và cấu tạo.

	- Đại diện nhóm phát biểu nhận xét → các nhóm khác bổ sung. *Yêu cầu:* + Hình dạng: dạng sợi phân nhánh. + Màu sắc: không màu, không có diệp lục. + Cấu tạo: Sợi mốc có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.
- GV tổng kết lại, bổ sung (nếu cần). - GV đưa thông tin về dinh dưỡng và sinh sản của mốc trắng. ⇒ Cho 1 - 2 HS đọc đoạn SGK.	***Kết luận:*** Như thông tin mục (tr.165).

Hoạt động 2

LÀM QUEN MỘT VÀI LOẠI MỐC KHÁC

- GV dùng tranh giới thiệu mốc xanh, mốc tương, mốc rượu.	- HS quan sát hình 51.2→ nhận biết mốc xanh, mốc tương, mốc rượu.
+ Phân biệt các loại mốc này với mốc trắng.	Nhận biết các loại mốc này trong thực tế. + Mốc tương: màu vàng hoa cau → làm tương. + Mốc rượu: làm rượu (màu trắng)
- GV có thể giới thiệu quy trình làm tương hay làm rượu để HS biết.	+ Mốc xanh: Màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi.

B. NẤM RƠM

Hoạt động 3

QUAN SÁT HÌNH DẠNG CẤU TẠO CỦA NẤM RƠM

♦ **Mục tiêu:** Phân biệt được các phần của một mũ nấm, nhận biết được bào tử và vị trí của chúng trên mũ nấm.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS quan sát mẫu vật → đối chiếu với tranh vẽ (hình 51.3) → phân biệt các phần của nấm.	- HS quan sát mẫu nấm rơm → phân biệt: + Mũ nấm, cuống nấm và sợi nấm. + Các phiến mỏng dưới mũ nấm.
- Gọi HS chỉ trên tranh và gọi tên từng phần của nấm.	- Một HS chỉ các phần của nấm → lớp bổ sung.
- Hướng dẫn HS lấy một phiến mỏng dưới mũ nấm → đặt lên phiến kính → dầm nhẹ → quan sát bào tử bằng kính lúp.	- HS tiến hành quan sát bào tử nấm. ⇒ Mô tả hình dạng.
→ Yêu cầu HS: nhắc lại cấu tạo của nấm mũ?	- Một HS nhắc lại cấu tạo→ HS khác bổ sung.
- GV bổ sung → chốt lại cấu tạo nấm mũ.	***Kết luận:*** Như thông tin tr.167 SGK.
- Gọi một HS đọc đoạn (tr.167).	***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Sử dụng câu 1, 2, 3 SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc "Em có biết".
- Thu thập một số bộ phận cây bị bệnh nấm.

Bài 51 **NẤM** *(Tiếp theo)*

B. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA NẤM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được một vài điều kiện thích hợp cho sự phát triển của nấm, từ đó liên hệ áp dụng (khi cần thiết).
- Nêu được một số ví dụ về nấm có ích và nấm có hại đối với con người.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức giải thích các hiện tượng thực tế.

3. Thái độ

Biết cách ngăn chặn sự phát triển của nấm có hại, phòng ngừa một số bệnh ngoài da do nấm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Mẫu vật: + Nấm có ích: nấm hương, nấm rơm, nấm linh chi.
  + Một số bộ phận cây bị bệnh nấm.
- Tranh một số nấm ăn được, nấm độc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

I. Đặc điểm sinh học

Hoạt động 1

ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN CỦA NẤM

- Yêu cầu HS trao đổi thảo luận 3 câu hỏi:	- HS hoạt động nhóm. Trao đổi thảo luận → trả lời câu hỏi:

+ Tại sao muốn gây mốc trắng chỉ cần để cơm ở nhiệt độ trong phòng và vẩy thêm ít nước? + Tại sao quần áo lâu ngày không phơi nắng hoặc để nơi ẩm thường bị nấm mốc? + Tại sao trong chỗ tối nấm vẫn phát triển được?	Yêu cầu đạt được: + Bào tử nấm mốc phát triển ở nơi giàu chất hữu cơ, ấm và ẩm. + Nấm sử dụng chất hữu cơ có sẵn. - Các nhóm phát biểu → nhóm khác bổ sung.
- GV tổng kết lại → Đặt câu hỏi: Nêu các điều kiện phát triển của nấm? - GV cho HS đọc thông tin mục 1 để củng cố kết luận.	→ Qua thảo luận trên lớp → HS tự rút ra các điều kiện phát triển của nấm. ***Kết luận:*** + Nấm dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng (hoại sinh hay kí sinh) + Một số nấm sống cộng sinh.

Hoạt động 2

CÁCH DINH DƯỠNG

- Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 → trả lời câu hỏi: + Nấm không có diệp lục vậy nấm dinh dưỡng bằng những hình thức nào?	- HS đọc thông tin → nêu được các hình thức dinh dưỡng: hoại sinh, ký sinh, cộng sinh.
→ Cho HS lấy ví dụ về nấm hoại sinh và nấm ký sinh.	+ HS phát biểu → các HS khác bổ sung. ***Kết luận:*** + Nấm dinh dưỡng bằng cách tự dưỡng. + Một số sống cộng sinh.

II. Tầm quan trọng của nấm

Hoạt động 3

NẤM CÓ ÍCH

- Yêu cầu HS đọc thông tin mục tr.169.	- HS đọc bảng thông tin → ghi nhớ các công dụng.

Trả lời câu hỏi: Nêu công dụng của nấm? Lấy ví dụ?	- HS trả lời câu hỏi: (nêu được 4 công dụng). ⇒ HS khác bổ sung.
- GV tổng kết lại công dụng của nấm có ích. ⇒ Giới thiệu một vài nấm có ích trên tranh.	- HS nhận dạng một số nấm có ích. **Kết luận:** Như bảng tr.169 SGK.

Hoạt động 4

NẤM CÓ HẠI

- Cho HS quan sát trên mẫu hoặc tranh: một số bộ phận cây bị bệnh nấm→ trả lời câu hỏi: Nấm gây những tác hại gì cho thực vật? + GV tổ chức thảo luận cả lớp. + GV tổng kết lại, bổ sung (nếu cần). + Giới thiệu một vài nấm có hại gây bệnh ở thực vật.	- HS quan sát nấm mang đi kết hợp với tranh → thảo luận nhóm → trả lời câu hỏi: + Nêu được những bộ phận cây bị nấm. + Tác hại của nấm. + Đại diện nhóm trả lời → các nhóm khác bổ sung. ⇒ Nấm ký sinh trên thực vật gây bệnh cho cây trồng làm thiệt hại mùa màng.
- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK.	- HS đọc thông tin tr.169-170 SGK.
→ Trả lời câu hỏi: Kể một số nấm có hại cho người?	⇒ Kể tên một số nấm gây hại. + Yêu cầu kể được: nấm ký sinh gây bệnh cho người (VD: hắc lào, lang ben, nấm tóc...).
- Cho HS quan sát nhận dạng một số nấm độc.	Nấm độc → gây ngộ độc. + HS phát biểu → lớp bổ sung.
- Cho HS thảo luận: + Muốn phòng trừ các bệnh do nấm gây ra phải làm thế nào?	- HS thảo luận đề ra các biện pháp cụ thể. ***Kết luận:*** Nấm gây một số tác hại như:

+ Muốn đồ đạc, quần áo không bị nấm mốc phải làm gì?	+ Nấm ký sinh gây bệnh cho thực vật và người. + Nấm mốc làm hỏng thức ăn, đồ dùng. + Nấm độc có thể gây ngộ độc. ***Kết luận chung:*** HS đọc SGK.

IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Dùng các câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.
- Chuẩn bị: Thu thập vài mẫu địa y trên thân các cây to.

Bài 52 ĐỊA Y

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nhận biết được địa y trong tự nhiên qua đặc điểm về hình dạng, màu sắc và nơi mọc.
- Hiểu được thành phần cấu tạo địa y.
- Hiểu được thế nào là hình thức sống cộng sinh.

2. Kỹ năng

Rèn kỹ năng quan sát.

3. Thái độ

Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Địa y.
- Tranh: Hình dạng và cấu tạo của địa y.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

♦ **Mở bài:** Như SGK.

Hoạt động 1

QUAN SÁT HÌNH DẠNG CẤU TẠO CỦA ĐỊA Y

♦ **Mục tiêu:**

- Nhận dạng địa y trong tự nhiên.
- Hiểu được cấu tạo của địa y.
- Giải thích được thế nào gọi là sống cộng sinh.

♦ **Tiến hành:**

- Yêu cầu HS quan sát mẫu + tranh hình 52.1, hình 52.2 SGK ⇒ trả lời câu hỏi: + Mẫu địa y em lấy ở đâu? + Nhận xét hình dạng bên ngoài của địa y? + Nhận xét về thành phần cấu tạo của địa y?	- HS hoạt động nhóm. + HS trong nhóm quan sát mẫu địa y mang đi đối chiếu hình 51.1 SGK → trả lời câu hỏi các ý 1, 2 ⇒ Yêu cầu nêu được: - Nơi sống. - Thuộc dạng địa y nào → mô tả hình dạng. + nhận xét về cấu tạo ⇒ Yêu cầu nêu được: Cấu tạo gồm tảo và nấm.
- GV cho HS trao đổi với nhau.	- Gọi 1 - 2 đại diện nhóm phát biểu → các nhóm khác bổ sung.
	Kết luận:
- GV bổ sung, chỉnh lý (nếu cần). → Tổng kết lại hình dạng, cấu tạo của địa y.	+ Địa y có hình vảy hoặc hình cành.
- Yêu cầu HS đọc thông tin	+ Cấu tạo của địa y gồm những

(tr.171) → trả lời câu hỏi: + Vai trò của nấm và tảo trong đời sống địa y? + Thế nào là hình thức sống cộng sinh?	sợi nấm xen lẫn các tế bào tảo. - HS tự đọc thông tin→ trả lời câu hỏi ⇒ Yêu cầu nêu được: + Nấm cung cấp muối khoáng cho tảo. + Tảo quang hợp → tạo chất hữu cơ và nuôi sống hai bên. - Nêu khái nhiệm cộng sinh: là hình thức sống chung giữa hai cơ thể sinh vật (cả hai bên đều có lợi).
- GV cho HS thảo luận. → Tổng kết lại: Khái niệm cộng sinh.	- 1 → 2 HS trình bày → lớp bổ sung. → Khái niệm cộng sinh.

Hoạt động 2

VAI TRÒ CỦA ĐỊA Y

- Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 → trả lời câu hỏi: Địa y có vai trò gì trong tự nhiên?	- HS đọc thông tin → trả lời câu hỏi. Yêu cầu nêu được: + Tạo thành đất. + Là thức ăn của hươu Bắc Cực. + Là nguyên liệu chế nước hoa, phẩm nhuộm...
- GV tổ chức thảo luận lớp. → Tổng kết lại vai trò của Địa y.	- 1-2 HS phát biểu → lớp bổ sung. ***Kết luận:*** Như SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

Có thể sử dụng các câu hỏi SGK.

V. DẶN DÒ

- Học bài, trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị tham quan thiên nhiên: như phần chuẩn bị (tr.172 SGK).

Bài 53 THAM QUAN THIÊN NHIÊN *(3 tiết)*

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định được nơi sống, sự phân bố của các nhóm thực vật chính
- Quan sát đặc điểm hình thái để nhận biết đại diện của một số ngành thực vật chính.
- Củng cố và mở rộng kiến thức về tính đa dạng và thích nghi của thực vật trong điều kiện sống cụ thể.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.
- Kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm.

3. Thái độ

Có lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ cây cối.

II. CHUẨN BỊ CHO BUỔI THAM QUAN

1. GV:

- Chuẩn bị địa điểm: GV trực tiếp tìm địa điểm trước.
- Dự kiến phân công nhóm, nhóm trưởng.

2. HS:

- Ôn tập kiến thức có liên quan.
- Chuẩn bị dụng cụ (theo nhóm).
  + Dụng cụ đào đất.
  + Túi ni lông trắng.
  + Kéo cắt cây.
  + Kẹp ép tiêu bản.
  + Panh, kính lúp.
  + Nhãn ghi tên cây (theo mẫu).
- Kẻ sẵn bảng theo mẫu tr.173 SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG BUỔI THAM QUAN

Hoạt động 1

QUAN SÁT NGOÀI THIÊN NHIÊN

- GV nêu các yêu cầu hoạt động: theo nhóm.
- Nội dung quan sát:
  + Quan sát hình thái của thực vật, nhận xét đặc điểm thích nghi của thực vật.
  + Nhận dạng thực vật, xếp chúng vào nhóm.
  + Thu thập mẫu vật.
- Ghi chép ngoài thiên nhiên: GV chỉ dẫn các yêu cầu về nội dung phải ghi chép.
- Cách thực hiện:

  a. Quan sát hình thái một số thực vật
  + Quan sát: rễ, thân, lá, hoa, quả.
  + Quan sát hình thái của các cây sống ở các môi trường: cạn, nước.... tìm đặc điểm thích nghi.
  + Lấy mẫu cho vào túi ni lông: Lưu ý HS khi lấy mẫu gồm các bộ phận:
    - Hoa hoặc quả.
    - Cành nhỏ (đối với cây).
    - Cây (đối với cây nhỏ).

    ⇒ buộc nhãn tên cây để tránh nhầm lẫn.

    (GV nhắc nhở HS chỉ lấy mẫu ở cây mọc dại)

  b. Nhận dạng thực vật, xếp chúng vào nhóm
  - Xác định tên một số cây quen thuộc.
  - Vị trí phân loại: Tới lớp: đối với thực vật hạt kín

    Tới ngành đối với các ngành rêu, dương xỉ, hạt trần...

  c. Ghi chép
  - Ghi chép ngay các điều quan sát được.
  - Thống kê vào bảng kẻ sẵn.